Thư Quán
Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG

chủ đề TRƯỜNG XƯA/XUÂN KỶ SỬU

Thơ là gì ? (Đặng Tiến)

Trần Phong Giao và những người viết trẻ *(THT)*

•Sáng tác thơ văn
•Biên khảo văn học
•Sưu Tập di sản văn học miền Nam
•Tưởng nhớ bạn bè
•Sống và Viết
•Giới thiệu tác phẩm

NĂM THỨ 9 TẬP 35 THÁNG 2 - 2009

Trở về mái trường xưa

Nhạc & Lời: PHẠM CAO HOÀNG

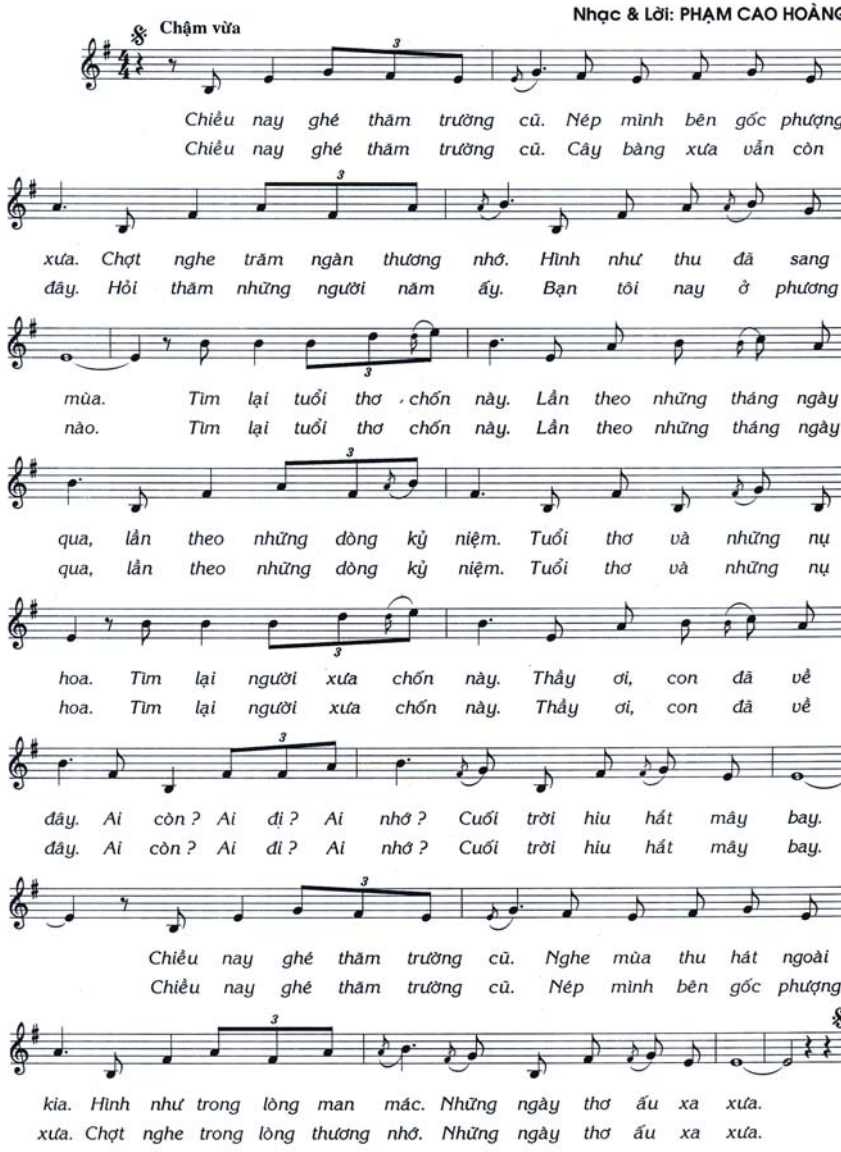

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 35, THÁNG 2, NĂM 2009
chủ đề Trường Xưa/Xuân Kỷ Sửu

MỤC LỤC

Lời mở (*Tòa soạn*) / **3**

Sống và viết:
Trần Hoài Thư: *Văn, Trần Phong Giao,Những người viết trẻ* / ***5*** *Thầy và trò* / ***12***
Hoài Ziang Duy: *Cuối năm, chỗ bắt đầu* / ***17***
Trần Bang Thạch*: Cho & Nhận* /**32**
Ng~: *Lang thang văn nghệ* / **37**

Phần chủ đề: Trường Xưa

thơ văn giai phẩm học trò / ***42***
Ngô thị Thu Thảo(thơ), Nguyễn Ngọc Xuân (thơ) , Đồ Vượng (thơ) / ,Thục Trâm (thơ), Trâm Bích Dzu (thơ), Lâm Thạch Sanh (tản mạn), Nguyễn Trương Hiền (truyện), Dais(truyện) T.Chynh (truyện)
Phụ bản:
Chu văn An (46) , Petrus Ký (47), Gia Long (48), Lê văn Duyệt (49), Trưng Vương (50), Duy Tân (51), Nguyễn Du (52), Phan Thanh Giản (53), Quốc gia nghĩa tử (54)

Thơ văn trường xưa
Trần Dzạ Lữ (83) , Cao Thoại Châu (84), Nguyễn Bính (85), Nguyễn Tất Nhiên (85),Hoàng Lộc (86) Trần Bích Tiên (88), . Phan Nhự Thức.(89)

Phần Thường xuyên

Sáng tác:

Trầm Mặc Hoa Huyền: Con trâu pháo (truyện) / **91**
Đào Anh Dũng Cũng không cần đâu (truyện) / **105**
Trang Luân: Trên phiến mòn ký ức (truyện) / **121**
Nguyễn Xuân Thiệp: Dã Quỳ (truyện) / **133**
Lê Nguyên Lê (thơ) / **137**
Phạm văn Nhàn: Những đám mây qua
đời tôi (truyện) **/ 138**
*Trần Dzạ Lữ (thơ) /**147***
*Phan Bá Thụy Dương (thơ) /**148***
*Lê Uyên Tự (thơ) / **150***
*Hải Phương (thơ) / **151***
*Doàn Xuân Thu (thơ) /**154***
*Cái Trọng Ty (thơ) /**156***
*Kiệt Tấn (Lục bát điên) /**158***

Biên khảo văn học:
Đặng Tiến*: Thơ là gì ? / **160***

Tưởng niệm bạn bè

Lữ Kiều: Tưởngnhớ Nguyễn Phan Thịnh /**171**
Nguyễn Phan Thịnh (văn thơ trích) /172

Truyện dài
Khuất Đẩu: Những tháng năm cuồng nộ (tiếp) / **187**

Giới thiệu sách báo /203
Giữa bạn dọc và chúng tôi /210

Chủ trương biên tập: THT
E Mail: tranhoaithu@verizon.net

Tòa soạn:
PO BOX 58
South Bound Brook
NJ 08880

Thư Tòa soạn

Đêm ấy chúng tôi từ đại học Cornell trở về sau cả một ngày mê mệt cùng việc sưu tập tài liệu sách vở. Đường núi, hai bên rất thưa thớt nhà. Bóng đêm đã hạn chế tầm mắt đã yếu, lại thêm sương mù và cả mưa tuyết. Có nhiều lúc, đôi mắt tưởng chừng bất lực. Chúng tôi muốn đậu bên lề đường để nhường chiếc xe sau qua mặt dẫn đường, nhưng lề đường thì hẹp, đành phải "làm lính tiền sát" bất đắc dĩ như một thời làm-lính-đi-đầu xa xưa.

...Cuối cùng là những ánh đèn của thị trấn đã hiện ra rực rở ở bên đường sau 31 dặm dài. Ánh đèn từ những ngôi nhà trang hoàng cho Mùa Lễ. Ánh đèn từ sau khung cửa kính của những ngôi nhà bên đường lóng lánh kim tuyến như niềm vui lóng lánh hân hoan.

Đó cũng là những ánh đèn chúng tôi cố mang vào tập TQBT số chủ đề Trường Xưa này. Như là quà Tết về quí bạn thân mến. Quí bạn sẽ được đọc lại những bài văn, thơ của thời học trò qua những giai phẩm, đặc san mà chúng tôi sưu tập được.Dù việc sưu tập rất giới hạn, nhưng chúng tôi tin những bài vở mà chúng tôi trích đăng có thể nói lên phần nào về tâm tư của

một lứa tuổi dưới những mái trường miền Nam trong thời chiến.

Trong phần thường lệ, có những sáng tác thơ văn do những bạn văn có lòng ưu ái gởi về đóng góp. Riêng phần tưởng niệm bè bạn có bài viết của Lữ Kiều về Nguyễn Phan Thịnh do chúng tôi trích từ Ý Thức Bản Thảo. Đặc biệt, theo yêu cầu của chúng tôi, tác giả Đặng Tiến đã cập nhật loạt bài về thi pháp đã đăng rải rác trên các tạp chí miền Nam trước 1975, và đã ưu ái gởi đến TQBT bài đầu tiên.

Trước thềm năm mới Âm Lịch, thay mặt nhóm chủ trương, chúng tôi xin được gởi đến quí bạn bè cùng quí quyến những lời chúc tốt đẹp nhất: bình an và hạnh phước dư dật trong năm Kỷ Sửu...

Xin hẹn gặp lại trong số tới, dự trù phát hành vào tháng 4-2009.

Trân trọng
Trần Hoài Thư

Trần Hoài Thư
Hoài Ziang Duy
Trần Bang Thạch
NG~

Rong Bút
Trần Hoài Thư

●***Văn, Trần Phong Giao và những người viết trẻ***
●***Thầy và trò***

I. , Trần Phong Giao và những người viết trẻ

1. Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện đại, Thế Kỷ 20 v.v... Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nôn mữa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng Sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó. Và nếu có viết thì chỉ đứng ở ngoài nhìn vào, chứ không phải đứng trong lòng cuộc chiến như những kẻ trực tiếp ở trong lòng hoả ngục mà tổng thống thứ 31 của Mỹ là Hoover đã từng nói "*tuyên chiến thì dành cho những ông già còn phần đánh và chết thì dành cho đám trẻ*".(Herbert Hoover: The old men declare war. But it is the youth who must fight and die).
Riêng, những người trẻ viết văn thì không những lảnh

phần đánh giặc, chết thế mà còn tự nguyện lảnh thêm những sấp giấy nhét trong ba lô hay túi áo trận có khi dính đầy máu. Và khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục mà viết về ca sĩ, vũ nữ v.v... thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

"*Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vắt rừng.*

Ở đây thiếu thốn về nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật? "

(t.l, thư từ Dakto ngày 12-12-1970, Vấn đề số 45 tháng 4- 71)

2. May mắn trong thế giới ấy chúng ta có một Trần Phong Giao của Văn.

Có thể nói, trong thời chiến, không một người viết trẻ nào lại không nhớ đến cái công tìm tòi, khai phá những tài năng mới của tạp chí Văn, mà thơ ký tòa soạn Trần Phong Giao(TPG) là người đầu tàu.

3. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một đức tính quí hiếm mà chúng tôi đã tìm thấy ở ông, dù ít khi chúng tôi có dịp gần gũi với ông.

Nhớ lại trong vài lần từ vùng hai về phép, ghé ngang tòa sọan Văn, thăm ông, thấy ông với gương mặt lạnh lùng, họa hoằn lắm mới thốt vài câu thăm hỏi, sau đó lại tiếp tục cúi xuống bàn máy đánh chử, thì thấy lòng hơi bất mãn.

Vậy mà trên tạp chí Văn, ở mục trang Sinh Hoạt Văn học Nghệ thuật, dưới bút hiệu Thư Trung, ông luôn luôn viết về chúng tôi, đề cập đến chúng tôi, và cất

lời thống thiết vì chúng tôi. Thật khó tìm một tạp chí có người thơ ký tòa soạn lại chú tâm về cuộc hành trình của những người mang màu áo đồng phục như chúng tôi như thế. Nhờ Văn mà chúng tôi tìm đến nhau, và biết tin nhau dù chúng tôi luân lạc tứ phương, ví dụ qua bản tin trên Văn số 121 năm 1968:

Tin vắn về một số những cây viết trẻ miền Nam và bằng hữu miền Trung

Bẵng đi một dạo, nhất là từ sau cơn binh biến đầu Xuân Mậu Thân, các cây viết trẻ miền Nam hầu như không còn hoạt động gì đáng kể. Một số nhập ngũ. Một số thì chán nản lui về «ở ẩn».

Lưu Vân, sau khi bỏ nghề bán-cháo-phổi đi làm cho một cơ quan ngoại quốc, mới về Mỹ-tho cưới vợ (ngày 18-12-1968).

Mặc Huyền Thương nay đã vào lính quân báo, phục vụ tại Biệt-khu Thủ-đô.

Bị lính chê mấy lần rồi là anh chàng cận thị Triều Uyên Phượng. Hiện Phượng đi làm cho USAID ở Cần-thơ và gần như không sáng tác được gì.

Sống khổ vì bạn nhất không ai hơn Ngô Nguyên Nghiễm. Nghiễm đang học năm thứ tư Dược-khoa. Nhà thơ miền tỉnh lẻ Châu-đốc này trong tương lai rồi sẽ đến sa lầy trong cảnh vợ đẹp con ngoan mà từ bỏ nàng Thơ, mặc dầu vốn có với nàng khá nhiều «duyên nợ».

Hận và chửi đời thì có Hà Thúc Sinh, nhà thơ này là thông dịch viên cho Cố-vấn Quân-sự Mỹ. Đã hai lần Sinh bị thuyên chuyển vì tội đánh Cố-vấn. Bạn bè yêu Sinh chính nhờ dáng dấp du-đãng-khả-ái đó.

Vào học Truyền-tin ở Vũng-tàu có Nguyễn Bạch Dương. Vừa ra trường Sư-phạm Vĩnh-long có Nguyễn Hiền Lương. Hà Nghiêu Bích dường như nhập ngũ đã từ lâu (?). Bộ ba này đang chung lưng đấu cật lo cho tờ *Biển-tượng*.

Vũ Ngọc Đức, vì nghề nghiệp, đã quay sang viết kịch trường. Do lẽ đó, theo bè bạn, thơ Đức cũng *dứt* luôn.

Nguyễn Lăn Viên đã về trại Hoàng Hoa Thám sau ba tuần học tiền sát tại trường Pháo-binh Dục-mỹ. Mặc dù có sự thúc giục đặc biệt của tòa soạn VĂN, Nguyễn Lăn Viêm cũng không thấy có sáng tác gì mới. Không biết tại Viêm bận đi hành quân hay tại... ? (Này, bữa nào rảnh ghé tòa soạn mà nhận thư thân hữu đấy nhé ! Đến mà lại có thêm truyện mới thì lại càng « nên lắm thay ».)

Tô Đình Sự về Đồng-đế với nghề sĩ quan cán bộ. Khỏi ra trận, hết đánh giặc, nên hắn buồn.

Chu-trầm Nguyên-minh thì vẫn như xưa. Lính đánh giặc.

Cô bé làm thơ nổi tiếng của Búp-bê là Tần-Vy nay không còn là cô bé nữa. Vì cô đã đủ tuổi để đi làm công chức. Và thơ cô (xem trong VĂN cùng số này) còn chứng tỏ là cô đã lớn hơn số tuổi trời nhiều.

Nguyễn Lệ Tuân hiện ở Phan-ri Cửa. Không hiểu nhà thơ này làm gì ở quê nhà. Nghe nói đang viết rất nhiều truyện ngắn và khởi viết truyện dài.

Phạm Nhã Uyên đã theo học tại trường Chiến-tranh Chính-trị Đà-lạt. Lâu rất là lâu, không còn thấy Uyên đóng-cửa-làm-thơ. Bạn bè vẫn và đang chờ đợi cái mới của Uyên.

Mây Viễn Xứ (Lâm Hảo Dũng) thì đang gối súng nằm chơ giặc trên ngọn đồi 188, ngoài Phù-mỹ, Qui-nhơn. Ngước nhìn trang sao và lắng nghe (ô, tại sao lại cứ phải là nhịp chuyển động của bước chân quân địch ?) tiếng cựa mình của vũ trụ hay là, Dũng sáng tác được nhiều.

Yên Uyên Sa đầu vẫn ở dưới một Sa đéc, vừa cùng ba bạn thơ khác cho trình diện thi phẩm *Người lính của mây và cây rừng*, xuất bản ở Long-xuyên.

Một người vừa nằm xuống. Đó là HỨA ĐÌNH ANH, cây viết hăng say của Nguyệt-san *Bộ-binh Thủ-đức* khóa 26.

Người vừa ra đi khiến chúng ta nhớ lại những khuôn mặt văn nghệ trẻ đã mất trong cuộc chiến tương tàn : Trần Như Liên Phượng, Phan Huy Mộng, Chương-đài Mai Hữu Thanh...

Hay trên tạp chí Văn số 103 Tháng 4 năm 1968, ông đã viết về lần chúng tôi (THT) bị thương trong trận Mậu Thân:

bị thương trong thành phố

Trần Hoài Thư, một tác giả trẻ nhiều triển vọng, quen thuộc với độc giả *Bách-Khoa, Văn*... vừa bị thương khi đem quân về tiếp viện một thị trấn ngoài Trung, trong cuộc binh biến đầu Xuân vừa qua.

Trong thư gửi tòa soạn *Văn*, Trần Hoài Thư than là đi rừng đi núi mãi không sao, ngày đầu xuân về thành phố thì lại bị « kẹt » ; cứ ao ước về thành phố xả hơi ít ngày, nay lúc được về lại là để nằm trên giường bệnh. Trong lúc đó lại có tin gia đình anh ở ngoài Huế bị tan hoang nhà cửa...

Mặc dù mắt bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện đang phục vụ trong một đơn vị thám-kích. Sau những ngày giờ hành quân gian khổ, anh chỉ có sinh thú độc nhất là đọc sách báo và sáng tác thơ văn — một sinh thú mà anh rất ít được hưởng vì nhiệm vụ tác chiến thường quá nặng nề.

Hi vọng và cầu chúc là sau ngày dời bệnh viện, Trần Hoài Thư sẽ may mắn hơn, được thuyên chuyển về phục vụ ở một đơn vị nào đó, nơi mà ngoài phần quân vụ cần thiết, anh sẽ có được một số thời giờ nhiều hơn dành cho công việc sáng tác...

Ông gọi, kêu, khan cổ. Cái máy chữ Olympic phương tiện mà ông xữ dụng từ việc liên lạc, đến việc trị sự, tòa soạn, đã bao lần thấy được nỗi lòng của ông, vì bạn văn, vì những người đồng chung một mái nhà văn chương. Như lần ông kêu cứu nhà văn Duy Lam giúp đở nhà thơ Đỗ Tấn sau khi nhà thơ này gặp nạn vào Tết Mậu Thân:

(Ôi, ông Duy-Lam ơi, ở gần Huế nhất, có phương tiện liên lạc với Huế nhất, giờ đây chỉ có mình ông. Yêu cầu ông tìm mọi cách giúp cho Đỗ Tấn cùng vợ và hai con hắn thoát khỏi cảnh hôi thối. Ông hãy gửi gấp quần áo, chăn mùng, khăn, vải... ra cứu giúp hắn (nhờ Đài Phát-thanh Huế chuyển). Tất cả mọi phí khoản, xin ông tính với Văn. Phải kêu cứu ông vì chúng tôi không có cách gửi. Nếu ông không tìm mọi cách cứu giúp ngay Đỗ Tấn, thì, ối ông Duy-Lam ơi, cả ông lẫn chúng tôi, chúng ta sẽ cùng bị hôi thối lây đó nhé!).

*

Sau 1975, Trần Phong Giao sống lặng lẽ, ít giao tiếp với ai, nhất là giới văn nghệ sĩ ở hải ngoại.
Ông chết vào ngày 12-4-2005 tại Saigon thọ 70 tuổi vì bịnh Ung Thư Đại Tràng.

Lòng bùi ngùi nhớ lại người đã gây dựng tạp chí Văn, đưa tạp chí này lên một vị thế lớn trong bầu trời văn chương miền Nam, thêm vào cõi lòng từ tâm hiếm có, không biết gì hơn là xin được đăng bài thơ của ông sau 1975 mà ông cảm tác khi vào tuổi 60 do một người bạn văn thương mến gởi tặng tòa soạn TQBT để chúng ta hiểu rõ hơn về cuộc đời của ông sau 1975:

Khai bút đầu xuân gõ máy chơi
Tưởng mình "cả tiếng lại dài hơi" (1)
Nào ngờ mắt kém, tay run rẩy
Đã lão, tuy vừa chớm sáu mươi !

Tuổi "tri thiên mệnh" tưởng được nghỉ
Nào ngờ vợ ốm thêm vận bỉ
Lại thức thâu đêm mài chữ bán
Bảy hào một từ, sung sướng nhỉ ?

"Chữ nghĩa tây tầu chót dở dang

Nôm na phá nghiệp kiếm ăn soàng" (2)
Mười ba năm đã quên cầm bút
Nghĩ đến Kiều thêm nỗi bẽ bàng !

Xin hiểu lòng tôi, hỡi nguyệt vàng:
Mưu sinh hệ lụy của trần gian
Tôi còn sống nhé, tôi chưa chết,
Chỉ có tên xưa: cát bụi tan !....

Trà, rượu, xuân tình vẫn cứ chơi
"Cơm toàn rau muống, chẳng chiên ngồi" (3)
Đã lỡ phong lưu nên phải gượng
Sàng đầu kim tận cũng đành vui ...

Tưởng lúc về già được con nuôi:
Chơi chim, chơi cảnh, hưởng nhàn chơi,
Hạo khí chưa mòn, râu tóc bạc
Mới biết cao xanh chẳng đãi người...

Trời cao mây trắng ngẩn ngơ trôi...
Ngoài hiên hoa mướp nhởn nhơ cười
Thơ xuân, đánh chữ, ghê ông quá,
Chữ nghĩa thư-trung chán mớ đời ! (4)

Đầu năm khai bút, à, khai máy,
Rượu uống mềm môi vẫn chẳng say,
Ngậm ngùi pha loãng men cay đắng,
Hàng xóm hoa mai lơi lả bay ...

Một bầu tâm sự gởi về đâu ?
Mênh mang giấy trắng ngẩn ngơ sầu,
Trước đèn nào biết xuân hay tết,
Chỉ biết lòng riêng nỗi quặn đau.

Khai bút đầu xuân gõ máy chơi
Tâm sự vô cùng, cố hữu ơi !
Đã không thương nhớ, đừng thương xót,
Hãy mặc tôi
và
tuổi sáu mươi !....

Trần Phong Giao (*)
1990

_____

1. Mõ Làng Văn: Một bút hiệu ngày cũ
2. Thơ Tản Đà
3. Thơ Nguyễn Trãi: "bàn duy mục túc, tọa vô chiên"
4. Một bút hiệu ngày cũ

II. **THẦY VÀ TRÒ**

Tôi về dạy trường Trần Cao Vân khi tôi mới 22 tuổi. Cái tuổi quá trẻ cho một ông thầy, nhất là thầy dạy Đệ Nhị Cấp. Tôi dạy Toán các lớp Đệ Tam, và sau đó dạy thêm Công Dân Đệ Tam, Sử Địa Đệ Ngũ, Vẽ và Âm Nhạc Đệ Thất. Ông Hiệu trưởng Tôn Thất Dương Kỵ đã bắt tôi làm những chuyện mà tôi không thể tưởng tượng trong đời mình. Toán là môn sở trường bởi vì tôi tốt nghiệp chứng chỉ Toán Lý Hoá (MPC). Nhưng còn Công Dân, Sử Địa, Vẽ, Âm Nhạc là những môn tôi quá mù tịt, ông lại nhờ tôi giúp. Ông bảo giáo sư quá thiếu. Hơn nữa, tôi là giáo sư tư nhân dạy giờ, càng dạy nhiều giờ càng tốt. Ông muốn ban cho tôi ân huệ.

Tôi liều mạng. Và để đổi lại cái liều này, tôi đã thức bao đêm để đọc sách, soạn bài, nghiền ngẫm từng chương Công Dân, Sử Địa. Chương trình Công

Dân Đệ Tam bao gồm những đề tài liên quan đến chính trị, thể chế, kinh tế, xã hội. Đó là những đề tài quá bao quát, và quá lớn… Nhất là đề tài về tư bản, cộng sản, dân chủ, tự do mà đất nước đang ở trong quỹ đạo, bị xô đẩy bởi những thế lực… Tôi đã đến lớp, ngồi ở bàn trên, dạy về những nỗi buồn của thế hệ mình trong đó có tôi và các học trò của tôi. Những tràng đạn trọng pháo vẫn tiếp tục câu đi từ một căn cứ pháo binh gần đấy, dội về như cung đàn ảm đạm, để báo rằng chiến cuộc càng lúc càng cận kề… Và lịch sử thì tiếp diễn trong những tin bi quan… Một biến cố lớn mà tôi nhớ mãi. Tin nhà văn Nhất Linh tự tử với những dòng chúc thư: *Đời tôi chỉ để lịch sử xử*… Buổi ấy, tôi đã tự tiện cho các em nghỉ học. Tôi không thể làm ngơ trước lịch sử.

Tôi là một giáo sư trẻ nhất của trường. Thời ấy có thầy Ngạc, thầy Duật, thầy Tài, thầy Hàm, cô Nữ, cô Hợi, thầy Mãn, thầy Phép, thầy Ba… Và nhiều thầy cô khác mà tôi đã quên tên.

Trường nam và nữ học chung. Văn phòng giáo sư nằm ở giữa một dãy lớp dài nhìn ra đường lộ chính. Phía sau là một khoảng trống mông mênh, và từ những ô cửa sổ của lớp, tôi có thể nhìn được những áng mây, xanh trắng hay âm u… Đôi khi tôi cũng bắt gặp những người học trò đang thả hồn ra ngoài ô cửa sổ. Tôi đã viết những câu thơ, sau này, về khung trời ấy:

Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa
Cho tôi về đếm những áng mây
Tôi sẽ gọi một bầy chim sẻ nhỏ
Những con chim từ xa vắng lạc bầy…

Tôi đã nhìn các em từ trên bục. Tôi đã nhìn các em từ dưới lớp. Tôi đã nhìn các em mỗi sáng mỗi chiều. Lớp học yên lặng, có chăng là xào xạc những trang sách vở, nhưng chắc gì trong lòng tôi và các em có bình an. Những người học trò ngồi đấy, nhưng một hôm, có em không còn nữa. Dạy cho các em, có nghĩa là mở mang kiến thức cho các em để từ trong lớp nhìn ra ô cửa mà đặt những câu hỏi đầu đời… Có những em trở thành nhà thơ rất sớm, và rất quen tên, như Tinh Huyền, hay Trần Yên Hoà, Trần Thế Phong… Một người thơ nữa mà tôi không được dạy, là Nguyễn Nho Sa Mạc, tôi nghe nói cũng học trường Trần Cao Vân, như sau:

Chiều cuối năm ngồi trên tầng phố cũ
Trời mưa bay nhìn thành phố sa mù
Hai mươi tuổi nửa đời nuôi mộng ảo
Đã xanh rồi cây trái mọc suy tư...

Phải, tôi cũng đã ngồi trên tầng phố cũ, cũng đã nhìn Tam Kỳ trong những năm tháng vào đời, với con đường bụi mù, với những chuyến xe thồ đỗ xuống từ mạn ngược, hay những chuyến xe đò từ Đà Nẵng vào, và Sài Gòn ra. Thị trấn quá nhỏ để mỗi lần ra ngoài, tôi đều gặp phải những người học trò của tôi… Các em chào tôi với tất cả lòng mến trọng. Tôi nghĩ đến bây giờ, tôi vẫn tự hào trong tư cách hành xử của một người thầy trẻ. Dù không giấu giếm cõi lòng, tôi cũng có đôi lần rung động trước ánh mắt của một người học trò nữ nào. Tôi đã mang theo đôi mắt và nụ cười ấy đến bây giờ, trong câm nín, chưa một lần hé môi, gọi là một bông hoa yêu dấu ngà ngọc…

Sau đó tôi bị động viên. Tôi bắt đầu lao vào cuộc chiến tàn khốc. Đi thám kích. Một đơn vị mà nhiệm vụ là trinh sát và đột kích các mật khu của phe bên kia. Tôi đã bỏ những trang kinh điển, những từ chương, những con chim sẻ, những tiếng trống trường và những đàn sáo rừng buổi chiều gọi nhau rộn ràng trên cây đa cổ thụ gần bên cổng trường… Tôi đã bỏ, vất cái vỏ đạo mạo của một người thầy dạy Công Dân dạo nào để ngất ngư, điên cuồng, trong những giây phút sinh tử. Tôi vừa đánh giặc vừa viết văn làm thơ. Chất liệu nhỏ từ giọt máu, nước mắt và màn mưa, và tiếng nổ. Tôi biết uống rượu rồi đập ly. Tôi biết chửi thề. Rồi tôi bị thương. Không thể ngờ là tôi gặp lại một người học trò cũ của tôi trong quân y viện. Em bị cưa chân. Em nằm bên tôi. Không thân nhân. Không người yêu. Không gì hết. Tôi săn sóc cho em. Giờ cơm tôi mang cho em khay cơm. Em đi tiểu, hay đại tiện, tôi giúp kéo quần, có khi lau vệ sinh cho em nữa.

Em đã khóc. Em đã rú trong đêm cùng những cơn ác mộng. Em đã ngồi yên lặng hằng giờ trong cõi xanh xao bệnh hoạn. Em đã giấu những viên thuốc ngủ dưới đầu giường. Cho một quyết định cuồng dại nào chăng. Em làm tôi rưng rưng nước mắt. Vâng. Tôi đã dạy em. Nhưng tôi đã bất lực trong việc nuôi niềm hy vọng cho em. Cho các người học trò mà tôi yêu mến.

Bây giờ tôi ở Mỹ. Tôi qua vào năm 1980. Trở lại trường trong một thể xác mệt mỏi và một tâm não căng thẳng, chai sạn của trường đời. Tôi càng hiểu hơn về giá trị của tình thầy trò. Ở đây, cái tình kia dường như không có ở nơi này. Suốt bốn năm của chương trình *undergraduate* và hai năm *graduate*,

với biết bao vị thầy đã đến trong đời, nhưng làm sao tôi tìm được một tình nghĩa keo sơn như tôi đã tìm ở Tam Kỳ. Tôi cũng đã đi dự mấy lần ngày hội ngộ của lớp, nhưng tôi đã nhận ra nỗi xa cách buồn bã ấy, giữa bạn học và thầy trò. Thì ra, chỉ có một nơi, là quê hương mình, tình thầy trò mới được dành một chỗ đứng trân trọng nhất trong con tim của mỗi người.

Qua Internet, tôi được biết thêm vài học sinh cũ. Cảm thấy lòng ấm lại khi được tin họ thành đạt nhiều thành quả ở xứ người. Qua thơ từ tôi cũng được biết thêm một vài người học trò cũ nữa. Họ mới sang, theo chương trình HO. Họ đã bước vào tuổi trung niên, thậm chí có người sắp có cháu nội, ngoại. Tuy nhiên họ vẫn dành cho tôi những tình cảm thân thiết nhất mà tôi không bao giờ quên. Như Trần Thế Phong nhắc lại một ngày tôi về nhà em và mẹ em đã nấu cho thầy nồi canh bông lý. Như Trần Yên Hoà với những kỷ niệm trong một lớp học Công Dân… Và đôi khi, cũng tình cờ trong buổi gặp gỡ giữa đường. Như trong đêm ra mắt sách **Ban Mê Thuột Ngày Đầu Và Ngày Cuối** của tôi vào tháng mười 1997 tại Louisiana, tôi ngồi bên cạnh một anh, nguyên là Đại Úy Biệt Động Quân. Rượu vào, và tâm sự. Cuối cùng mới biết anh là học trò của trường Trần Cao Vân. Năm tôi dạy Đệ Tam, thì anh học Đệ Nhị. Và chao ơi, chúng tôi tha hồ nhắc về ngôi trường cũ. Đêm đó anh kéo tôi về nhà, rồi uống tiếp. Anh chỉ cho tôi những vết thương của anh. Tôi chỉ cho anh những vết thương của tôi. Và chúng tôi cũng nâng chai lên, cười ha hả…(Trần Hoài Thư)

(trích từ Văn Hóa Việt Nam số 3, 1998. –Cám ơn bạn LHV đã sốt sắng sao lục và đánh máy dùm)

Cuối năm. Chỗ bắt đầu
HOÀI ZIANG DUY

Tôi thầm nhủ đứng lên đi, đừng ngả xuống. Bao năm, ngày cuối đi qua, vòng xoay trở lại. Đâu có chỗ nào là điểm cuối, khi còn hơi thở sống còn và tình người chung quanh. Một ngày cuối tuần, một ngày cuối năm, hay phải cuối đời. Có dấu chấm hết nào ở đó? Hay lập lại công việc thường nhật mỗi ngày? Sự đi về mỗi đêm trên cùng một con đường theo năm tháng. Đã hàng bao đêm ngồi ở bàn viết, gỏ xuống, như một thói quen tuân thủ theo hẹn ở mình. Có những lúc đầu óc rỗng không. Không viết, không nghĩ gì hết. Sự rỗng không nầy, phải chăng tôi đang nói về điều không biết viết lúc nầy.

Tôi ngồi đây. Những con chữ trải ra, dừng lại. Đó là lúc mình cảm thấy bất lực, khi phải đối diện với chính mình, không phải là mình ở ngày hôm qua. Chỉ một ngày thôi nói chi đến năm tháng trước. Tôi lạ tôi rồi, huống gì bằng hữu không lạ nhau, người thân thấy nhạt. Cho nên có buồn thì buồn một mình, đừng gần ai hay để ai gần mình. Rượu vào thì lời ra, đôi khi cũng không ra một lời nào, nói gì đến chữ nghiã diễn đạt. Ở một nơi chốn nào đó, khi em hỏi tôi ngày mai số phận mình thế nào. Câu trả lời phải chăng là chỗ bắt đầu.

Chổ bắt đầu cuả đời sống mới, tập tành bước ra cuộc đời, phải chăng là ngưởng cửa cuả đời lính không phân biệt ai, đón chờ trên phần đất miền Nam. Nhìn lại mơ ước ngày cũ, so với tuổi trẻ bây giờ. Xã hội ngày càng đi lên, đã quá mấy chục năm qua rồi. Sao ngày đó tuổi trẻ trưởng thành hơn, già dặn hơn với tuổi đời lập thân. Phải chăng trong chiến tranh, ở

đe dọa rình rập sống còn, tương lai không là những dự liệu toan tính, người trẻ biết tự mình sống dù trong hoàn cảnh đất nước là mẫu số chung, đi cùng với số phận.

Thời chiến, mỗi người chúng ta không ai không vướng mắc, hay khoác vào mình chiếc áo lính với chữ nghĩa bỏ túi, với người yêu biết chờ, biết đợi. Qua rồi năm tháng dài lâu, qua bao nỗi thăng trầm trong cuộc sống. Không mấy ai nhắc hay buồn nhớ về một thời, hình ảnh chàng trung đội trưởng bộ binh ở đơn vị tác chiến. Đó là thời kỳ khốn khổ nhất. Xa lạ, chập chửng, đổi lấy kinh nghiệm, bằng máu xương đồng đội hay cái giá phải trả ở chính bản thân mình. Người mới đến thì lúc nào cũng thua thiệt, chấp nhận đủ điều mọi chuyện. Chiến trường không đợi, cái chết không chừa ai. Thời gian hiểm nguy chỉ thoáng chốc trước sau. Cái tình anh em, sáu sĩ quan trong một đại đội, tứ tán những đứa con mồ côi không phe phiá tưu về. Tưởng là vậy, nhưng không phải vậy. Ở đâu cũng có bề trong mặt trái, không phải ai cũng tốt, cũng hào hiệp tình anh lính chiến như mình nghĩ. Không vừa lòng nhau thì trù dập, lệnh trên theo xuống. Kết quả là thân mình, cùng lính trung đội chống chọi với hiểm nguy. Đi kích, nằm điểm, vào mục tiêu, căng hàng ngang. Quan với lính sống chết như nhau. Đạn tránh ta chứ ta nào tránh đạn.

Ở giai đoạn đầu nầy, người sĩ quan mới ra trường chết nhiều nhất. Thiếu kinh nghiệm, chưa đủ khôn ngoan. Còn tiết tháo tự ái, chưa biết nhẫn nhục, dễ bị khích tướng, bị đẩy vào chỗ chết. Chiến đấu thực sự, là từ cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trực tiếp chạm mặt giải quyết. Nói chung người lính ở hành quân, đi đánh trận không ai nghĩ đến cái chết

trước mặt. Không ai nghĩ đến huy chương được tưởng thưởng, không ai nghĩ đến ngày thăng cấp.. Nó chỉ như một việc làm mỗi ngày ắt phải, trong đời sống. Lính hay quan ở đơn vị hành quân, không mấy ai phô trương huy chương, chiến công trước ngực. Có, là biết có trên giấy tờ khi thăng thưởng.

Tương lai ở đâu, ngày mai thế nào? Cái giá phải trả, chính là sự hy sinh nằm xuống, bản thân tàn phế nếu không may, hay là nỗi bất hạnh cho gia đình gánh chịu. Ở xã hội nào người cô thế cũng bị thua thiệt. Trong cuộc chiến dài lâu. Người được dễ dãi tưởng thưởng cấp bậc, không phải là người lính, người sĩ quan ở chiến trường. Thực tế chính những người ở đàng sau, ngồi văn phòng, đơn vị an toàn, gần mặt trời. Hay nói câu thật thà ngoài miệng. Sĩ quan ở văn phòng lên lon trước sĩ quan tác chiến.. Bị phạt, nhớ nhà vù đi không phép. Bị phạt, do lính đào ngũ, vậy là đủ năm đủ tháng không lên theo cùng khóa, bị lạc sổ ở lần đầu, coi như kiếm huy chương lên riêng rẽ, chờ cấp chỉ huy đề nghị đặc cách mặt trận khi có thời cơ. Ca ngợi người lính ở chiến trường, chi để nun đúc tinh thần, thi vị hóa cuộc đời. Không ai sống dùm nỗi cơ cực hiểm nguy. Không ai chia sẻ cái chết không định trước. Họ chỉ là những người chiến đấu làm theo lệnh, không ý kiến. Một tập thể người lính sống thầm lặng, trong rừng núi sình lầy. Một thế giới thực sự giửa người mình với địch, bên lề sống chết.

Đi đánh trận mang theo một tình yêu, nỗi nhớ nhà. Lòng có hiu quạnh, bồi hồi sau trận đánh, nhìn thấy anh em kẻ chết người bị thương. Rồi cũng thế thôi. Hôm nay là vậy, ngày mai lại quên đi. Tình lính, cũng như tiền lính, tính liền. Không ai mang theo cái tình anh em, người nằm xuống hôm qua trên

chiếc ba lô cơm xấy đồ hộp, xẻng cuốc, đạn dược. Thương nhau đó, bội bạc đó. Bởi trước mắt là tìm kiếm đối diện với địch, nhìn xuống chân là dò tránh mìn, lựu đạn, đạp lôi.

Còn nhớ. Lần hành quân ở núi Cô Tô, vùng núi Thất Sơn. Buổi chiều khi tiểu đoàn đóng quân, dưới chân núi. Một người lính đi gài mìn phòng thủ vị trí, phát hiện cách đó không xa có bóng người trong căn nhà lá. Đó là khu nhà bỏ hoang, người dân đã tản cư hết. Tôi được lệnh theo tiểu đội tới điểm. Mục tiêu là căn nhà tranh, liền dãy, lạnh lẽo như hoang vắng từ lâu. Hai toán án ngữ trước sau, ba người bò vào. Trước mắt tôi hình ảnh một người gầy ốm, tóc ngắn mặc bộ đồ màu đen, trong tư thế ngồi gục đầu xuống. Nhìn từ phía sau, không phân biệt là nam hay nữ. Sau lúc làm hiệu, cả toán xông vào một lúc. Lúc người lính khóa tay bắt sống từ phía sau. Tôi thấy thân hình kia bị kéo lên, rồi rủ xuống như người không xương, hai chân lặt lìa nhủn xuống. Một mùi tanh tưởi xông lên, ruồi nhặng từ trong thân người bay túa lên. Chạm phải cái vú da thịt mềm. Người lính buông ra, miệng la. Đàn bà ông thầy ơi.!

Chung quanh không có ai. Cái dáng tiều tụy ốm tong lem luốc không đoán được tuổi tác. Miệng méo, mắt xếch, gương mặt thất thần không nói lời nào. Kế bên, xác một con mèo đen bị bẻ cổ chết nằm đó. Khung cảnh thật thê lương trong căn nhà lạnh lẽo hoang vắng. Như một cái xác người còn sống. Cái xác màu đen ngồi đó bất động không ừ hử lời naò. Bên ngoài trời nhá nhem tối, gió miền núi thổi từng cơn . Lục soát khu vực đã không còn ai. Hỏi người trước mặt thì không nói một lời. Một người tàn phế bị gia đình chạy đi, bỏ lại? Đã hẵn rồi, khi chúng tôi tới đây, dân tản cư trước. Sống làm sao, người nữ nầy ăn

gì ? Bẻ cổ mèo ăn sống? Phải giải quyết thế nào? Xin lệnh trên. Chuyện đó có chi khu, có địa phương quân lo, không phải phần mình. Coi như bỏ quên, rút em út về.

Lần đó, cho đến bây giờ mấy chục năm qua, nó vẫn là nỗi ám ảnh mỗi lần nghĩ đến. Trong chiến tranh, ai cũng giành phần sống, kể cả người thân, tình ruột thịt. Không ai cầm than hồng trên tay, cảm thấy nóng, mà không buông xuống. Ngồi nhà ở chổ yên thân, trên bàn nhậu, ai cũng dễ dàng nói được. Nhưng lúc có đạn pháo trên đầu, có tiếng bom rơi, súng nổ gần kề ầm ì bên tai, trước mặt. Lúc bấy giờ mới rỏ tâm trạng ứng xử, ở mỗi con người. Có ở chiến trường rồi sẽ quen đi, người lính dửng dưng làm theo bổn phận. Người chỉ huy còn có trách nhiệm chung. Khi chạm địch, có tiếng súng nổ. Người ta không đủ thì giờ để cân phân hơn thua vị kỷ, không ai tính chuyện sống riêng cho mình lúc nầy. Bởi chuyện xảy ra đối đầu trước mặt, nó thật nhanh chỉ trong năm ba phút là có thể thay đổi cán cân tình hình. Chính nhờ vậy mới đẩy người trong cuộc đứng về một phía, cái tình đồng đội bảo vệ lẫn nhau, bên sự sống còn. Người ta không ưa nhau, cho anh làm người hùng, thật sự là đì anh vào chổ hiểm nguy trước. Dụng nhân như dụng mộc, xài được thì xài đến chết mới thôi. Tôi cay đắng qua những tháng năm nầy, không quên những người lính trung đội tôi, đã một thời sống cùng khổ hơn cái khổ bình thường, chịu đựng chấp nhận, sống chết đùm bọc lẫn nhau.

Tôi nói lòng vòng mấy chuyện ngày xưa, năm cũ. Rõ là bạn biết tôi là ai?

Tôi là nỗi ám ảnh, là nỗi trống không, sống chung quanh kề cận bên trí nhớ bạn đang sống, ngồi gần. Có những điều bạn không nghĩ đến, nhưng

không có nghĩa lãng quên. Một lúc nào đó, ở tuổi già, cái tuổi bất chợt hay nhớ về quá khứ rành mạch hơn là chuyện sống thiết thực bây giờ, chừng đó là lúc nỗi trống không nầy, thực sự nó hiện diện như một tình thân. Tôi không muốn nói về những đau thương trong trận đánh, những mất mát nào đó. Bạn còn ngồi đây. Còn sống, hãy sống với những nhánh tâm tình, nó ăn sâu nhiều ngã rẽ. Nghe lại những nhỏ nhoi không ai buồn nói đến, thật ra nó lại là phần đời, là tay chân, là hơi thở cuả bạn ngày nào.

Hành quân ở núi Cô Tô xong, đâu đã yên. Thất Sơn là bảy núi nối liền mà. Được lệnh chuyển qua chiếm lại núi Dài. Chấm điểm đứng trên bản đồ, để cho pháo binh, máy bay oanh tạc ở vùng núi, cái khó là chấm chính xác ở vòng phân thủy, so với điểm đứng ở ngã ba sông rạch vùng đồng bằng, ruộng nước. Là đơn vị lưu động chúng tôi đâu ở yên một địa bàn để nắm vững địa thế. Đụng trận, đại đội trưởng chấm tọa độ cho pháo binh bắn. Quả thứ nhất trái khói thăm dò điểm đứng. Quả thứ nhì, quả nổ điều chỉnh là phải trúng mục tiêu liền. Nghề dạy nghề mà. Ở chiến trường phải phán quyết nhanh. Có đôi mắt để quan sát mục tiêu, quyết định cách đánh. Có đôi tai để nghe tiếng súng nổ, phân biệt, đoán cấp số địch khi đụng trận. Bài học kinh nghiệm nầy, chỉ có những người đi lên từ buổi đầu làm trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng, sống nhiều năm ở chiến trường mới có được.

Ở quân trường huấn luyện. Ở văn phòng đưa ra hành quân. Bản đồ cầm trên tay, phóng đồ là vậy. Nhưng thực tế địa hình dẫn lính đi, tùy thuộc vào bìa rừng, vào triền núi cao, tránh bị tấn công thất thế, chứ không đi theo một đường thẳng cuả mũi tên chỉ trên bản đồ. Đã có bao người ngã xuống ở một thời tuổi

trẻ, từ bài học làm người nầy. Trong đó có bạn tôi, học cùng thời, bạn tôi, người cùng đơn vị. Cái giá phải trả, ở tuổi nầy đây, chính là nỗi khổ đau của người làm cha, làm mẹ khóc con.

Năm xưa một thời trai trẻ, có bao giờ bạn ý thức cho số phận người khác hay đồng bọn ? Có bao giờ bạn nghĩ đến tấm lòng cha mẹ theo con. Có phải chăng chính bây giờ. Không phải từ một đơn vị trưởng chiến đấu biết nhìn lại. Từ đâu?

Tôi là khoảng trống không, là tuổi tác thời gian. Là nỗi chín chắn ở một tuổi đời nào đó. Bây giờ mới có mặt .

Đêm tiến chiếm đỉnh núi Dài. (Một đơn vị đóng trên đó bị nội tuyến, rút đi bắt theo một cố vấn Mỹ. Nghe là nghe vậy).

Trời đêm, tối như mực. Chúng tôi tới chân núi án ngữ yên đó. Đúng giờ theo hẹn, pháo đài bay B52 từ ngoài bay vào thả bom trên đỉnh núi. Tiếng bom chùm hàng loạt trãi ra long trời, ánh lửa bừng lên trên cao. Theo kế hoạch định sẵn, vừa được lệnh báo chấm dứt đợt bom. Chúng tôi theo địa thế núi đánh lên. Cùng lúc máy bay đổ các toán biệt kích người Nùng bốc từ Nha Trang vào, thả trên núi đánh xuống. Đêm tối đen, đưa bàn tay ra như không thấy. Mỗi người lính từ chiều tối theo lệnh, đã chuẩn bị một bọc cơm sấy nằm vắt ngang trên túi ba lô sau lưng. Đêm vất vả, địa hình núi trắc trở, từ dốc cao, núi đá dựng. Cả tiểu đoàn như con rắn bò lên. Cái điểm sáng từ bọc nylon gạo xấy, để nhìn người phía trước. Nó như hình thù một con rắn dài theo lên nhiều hướng. Gần tới mục tiêu, cách hai cây số là đã đoán được, từ những cây cối văng ngã tứ tung, trước khi tới những hố bom cuả B52 cày xuống như một hồ bơi. Từ dưới đất nhìn lên ngọn núi, chỉ thấy một thế đất cao như

hình vẽ đơn giản một ngọn núi. Nhưng thực tế bề diện cuả nó là từng lớp với nhau, khi lên tới điểm cao, đi dốc xuống, rồi lại đi lên, giống như địa thế cuả từng lớp trước mặt. Cây cối mọc theo triền núi như rừng cây, hang trũng. Khi lên tới đỉnh núi Dài, trời vùa hừng sáng. Đất bằng phẳng với rừng cây. Trên đỉnh cao. Đám mây trời mù sương buổi sáng, vói tầm tay như chạm trên đầu người. Không khí mát lạnh, sảng khoái.

Hành quân ở núi, việc tản thương vô cùng khó khăn so với đồng bằng. Di chuyển khiêng thương binh. Ngừng lại tìm kiếm một khoảng trống nào bên sườn núi để trực thăng tản thương không phải là điều dễ dàng, nó phù thuộc vào địa hình để bảo vệ đơn vị khi bị tấn công. Đôi khi trực thăng tản thương, phải đáp hai càn trước, gá trên một tãng đá lơ lửng, để đưa thương binh lên. Đã bao lần sau trận đánh. Những xác chết gói kín trong poncho đưa lên trực thăng. Những thương binh còn máu me băng bó. Chưa kể những lần mưa xuống, trận đánh còn đang tiếp diễn. Xác người chết nằm đó. Mưa xuống, rồi mưa tạnh, nắng lên, xác chết trương phồng nở lớn, thịt da bị tuột đi, khi kéo xác người. Những hình ảnh đau thương của người trong cuộc chứng kiến. Làm sao mà không xót xa đau đớn. Cảm giác chờ đợi tiếng máy bay của đơn vị tản thương, hay máy bay trực tiếp từ trung đoàn, sĩ quan bộ binh hướng dẫn. Cảm giác chờ, nhìn thấy một dấu chấm đen trên nền trời, chờ nghe tiếng báo ở hệ thống truyền tin PRC25, chờ nghe tiếng máy cuả cánh quạt trực thăng tành tạch đáp xuống. Trái khói màu bung lên. Người lính làm dấu hai tay chéo, địa điểm cho máy bay xuống. Khiêng người lên. Máy bay cất đứng lên, bẻ quặt trở lại ra theo hướng vô an toàn. Là xong một ngày. Có ai khóc dùm ai.

Hay là giọt nước mắt nhịn nhục ở người thân. Tiếng gào la của người vợ khóc chồng. Mấy vải trắng khăn sô. Mấy ngọn nến thắp lên. Tổ quốc ghi công. Trường quốc gia nghĩa tử đón nhận những đứa con lạc loài mất cha. Đằng sau trận đánh, đằng sau đơn vị, đâu mấy ai nhìn thấy cảnh đời ngắn ngủi nầy. Ngắn ngủi mà thật dài lâu cho số phận một người đàn bà trẻ làm vợ, làm mẹ nuôi con biết ngày sau ra sao. Có ai nhớ dùm. Hay chiến cuộc qua đi, thời gian qua đi, người ta chỉ nghe, chỉ biết ca tụng những chiến công ở người còn sống. Còn nỗi đau thương, xót xa thầm lặng nầy nó liền với lãng quên.

Tôi không mô tả chi tiết trận đánh chiếm lại núi. Tôi chỉ muốn bạn sống với phần đời cuả người lính. Những điều rất tầm thường, những chi tiết nhỏ, nhưng không mấy người lưu tâm hay biết tới. Giữ lại những chi tiết tầm thường nầy, biết đâu mai hậu, người bạn trẻ cuả con tôi, của cháu tôi, hiểu rỏ hơn về sự có mặt cuả người lính VNCH trong thời miền Nam còn là một quốc gia có chủ quyền, chưa bị người Mỹ bỏ rơi.

Lại nói. Chiếm núi, nhưng không tìm thấy người Mỹ nào lúc nầy. Mọi sự coi như đã qua. Biết bao nhiêu người lính chúng tôi đã chết, đã bị thương, bị mất tích. Tất cả ở đây, mọi sự dững dưng. Nhiệm vụ cuả đơn vị tác chiến là làm theo lệnh hành quân, như thiên lôi sai đâu đánh đó. Không ý kiến, thắc mắc. Sau trận chiến ở miền Nam kết thúc. Nhiều người cứ tưởng người cố vấn Mỹ đi theo hành quân là quyết định mọi điều mọi chuyện, chỉ huy người lính Việt Nam. Điều nầy hoàn toàn không bao giờ có xảy ra. Mọi sự quyết định, đi đứng, điều quân tiến, thoái, hoàn toàn do người sĩ quan Việt Nam chỉ huy ra lệnh. Vai trò người Mỹ đi theo, chỉ thuần túy để

gọi phi tuần ném bom hay tản thương tăng cường về phía máy bay Mỹ. Thí dụ như khi chạm trận. Phía Việt Nam xin hai phi tuần theo hệ thống không quân cuả VN. Cố vấn Mỹ xin hai phi tuần bom phía hệ thống Mỹ. Vậy là coi như thành bốn. Phía VN xin thêm hai, người Mỹ xin thêm hai nữa, thành tám phi tuần oanh kích. Vấn đề gọi hướng dẫn cho máy bay ném bom, dù là máy bay phản lực của Mỹ hay Việt Nam. Người Đại đội trưởng hay Tiểu đoàn trưởng ở mặt trận, ở cánh quân đang chạm, sẽ trực tiếp gọi hướng dẫn đánh bom theo ý mình, qua L19 trên vùng. Người phi công ném bom sẽ nghe cả ba cùng lúc, cuộc hướng dẫn nầy để oanh tạc. Sĩ quan cố vấn Mỹ, hoàn toàn không chỉ huy bất cứ hay có thái độ ra lệnh nào ở mặt trận. Họ muốn báo cáo, nhận định thế nào, thì tùy theo qua hệ thống của người Mỹ về trên. Thực tế ở chiến trường, họ chỉ làm nhiệm vụ đi theo quan sát. Không ý kiến tại chỗ.

Bạn chỉ biết người lính qua trận đánh, qua tiếng thở dài khi nghe chết chóc, tội nghiệp. Đâu mấy ai biết tới cách đi, cách đứng, cách sống của họ. Làm sao ăn, làm sao ngủ? Thực phẩm tiếp tế cho năm ngày ăn. Ngày thứ tư trước một ngày theo hẹn. Đơn vị dừng lại một chỗ tương đối an toàn nào đó. Trực thăng từ trung đoàn đến tiếp tế lương khô và đạn dược theo yêu cầu. Ở văn phòng, ở hậu cứ, ở thành phố. Có giờ giấc riêng tư nghĩ ngơi. Còn ở đây trong lệnh hành quân, không có chổ nào có giờ ăn, giờ nghĩ. Đối với lính hành quân, lúc nào bao tử cũng cho no, cho có sức. Thành thử di chuyển quân, lúc ngừng lại để nghĩ mười, mười lăm phút, là tự động kiếm nước từ ao hồ, đồng ruộng, hoặc nước từ trong bidong mang theo, đổ vào bọc cơm sấy. Vài ba phút sau là coi như sẵn sàng có cơm ăn với đồ hộp. Bởi

chạm trận không biết lúc nào xảy ra, ở giờ giấc nào.

Mấy vấn đề tuy nhỏ, không ai nhắc đến, nhưng nó chính là đời sống mỗi ngày khi con người còn có trên cõi đời nầy. Đêm đóng quân ở điểm ngũ, đâu đã yên. Mỗi người lính ít nhất phải có từ một tới hai giờ thay phiên nhau canh gác, chổ đóng quân. Lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ cho chính mình và đơn vị. Phép tắc thì coi như năm, sáu tháng lúc quay về hậu cứ dưỡng quân, mới có phép. Còn người ở lại đơn vị. Lịch trình hầu như bắt buộc. Ngày thứ nhất về nghĩ hẳn. Ngày thứ nhì nửa ngày, được cấp, đổi quân trang quân dụng, sưả chửa thay đổi máy móc truyền tin, súng ống. Ngày thứ ba nửa ngày đi điều chỉnh tác xa, ở bãi bắn của trung tâm huấn luyện sư đoàn. Ngày thứ tư nghĩ. Chiều tối, chuẩn bị lảnh lương khô đạn dược. Tiếng lóng hành quân gọi là ba khô hai ướt, tức mỗi người nhận hai ngày gạo tươi, ba ngày cơm sấy đồ hộp. Sáng thứ năm đoàn xe đến lên đường, với phóng đồ hành quân. Thời gian đáp lại sự chờ đợi ở người vợ lính, chỉ ngắn có ấy. Khu gia binh rộn rịp, ăn nhậu đờn ca, tiếng yêu thương gần gũi, bên vợ bên chồng bên con, chĩ những ngày trong khoảng thời gian đó. Thực tế là vậy.

Những chịu đựng liên tục mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, trước khi nằm xuống, thì làm sao con người không có lúc nỗi loạn, bất mãn với cuộc đời, khi nhìn người mà nghĩ đến ta, thua thiệt bất công. Chưa kể, có nhìn thấy những người lính nghĩa quân đóng đồn trong rừng sâu hoang vắng, ở tận những nơi không tưởng được, mới thấy thán phục cái tinh thần gan dạ cuả họ. Đi gần đến đồn mới thấy, mới biết có cái đồn. Nó đơn độc ở trời giăng mây nước, cây cối che khuất rậm rạp. Năm ba người ban

ngày ở trong, tối ra kích điểm ngoài. Vài tháng mới có tiếp tế một lần, tùy thuộc vào chi khu. Miếng ăn, miếng uống, tự họ bắt cá bắt cua mò ốc, rau cải, ở hàng dừa nước, rừng sâu. Đừng nói chiến công hiển hách, nhìn đời sống ở đó. Những người lính nhỏ nhoi tầm thường, nhưng thực sự bám lấy giữ nhà giữ đất. Đâu có mấy người biết tới. Đâu có ai hoan hô. Đâu có ai hiểu dùm những thiếu thốn ở một người lính trong hoàn cảnh như vậy. Nói chi những trận đánh vẽ vang, những đơn vị anh hùng. Qua rồi, như một kết thúc. Sống, hiểu, chia sẻ với những người chiến đấu đơn độc thầm lặng, để hiểu rằng ở đâu cũng có sự hy sinh cuả những người lính, sống theo sự sống còn của một dân tộc.

Rồi đến tháng 4 năm 1975, từ đó về sau.. Tôi là người sống còn trong thân phận người lính, trong khung cảnh tang thương. Không ai biết làm gì, kể cả tôi. Tôi là không gian nầy. Tất cả đông cứng trong một số phận chung cho cả miền Nam, sau thời chiến.. Kết thúc cuộc chiến hai miền tương *tranh. Miền Nam mất đi. Không ai tin đó là sự thật, không tưởng nó là thực. Kết quả là một quãng dài lịch sử ô nhục trong sinh hoạt đời sống thường nhật. Kết quả là những đau thương cùng cực của trại cải tạo cho cả nước, dành cho những người sống, làm việc dưới chế độ ở miền Nam. Bạn biết không một cuộc đổi đời. Trả thù nhau, đối xử nhau, thật tình hay tạm bợ?. Khống chế bằng một chữ. Thật giản dị.Viết không trật. Đói*.

Ở những đêm thế nầy. Chúng tôi trong một lán ở nhà trại. Chổ nằm là hai gang tay cho mỗi người trên sàn cây, đóng dọc theo chiều dài làm hai tầng trên dưới. Sau ngày lao động, đêm trong căn phòng đầy người, kiên cố với thế giới bên ngoài là hai ổ khóa cuả hai đơn vị công an khác nhau, khóa

trên cùng một cửa ra vào. Đêm, ngươi công an vỏ trang trẻ tuổi hay đứng dựa vào song cửa sắt nhìn vào trong, đôi khi gợi ý mấy câu chuyện cho có nói. Ở trong thì đầy người, còn bên ngoài mỗi mặt trước sau hai người gác hai nơi. Họ là những người trẻ tuổi, thích nghe chuyện đời sống miền Nam. Thích nghe những trò vui ăn chơi đua đòi cuả tuổi trẻ.

Đêm nay, trong lán buồn hơn mọi hôm.

- Ngày nay thấy chị Hồng khóc thảm qua. Một người nói.

- Có nhận xác được không? Một người hỏi.

- Tiền đâu mà mướn người đào lên mang xác về, chưa nói tiền bạc cho phương tiện di chuyển.

- Ngày nay thăm nuôi mà.

- Ai không biết là thăm nuôi.

- Tao có đâu.

- Mầy là con bà phước thì chịu thôi.

- Chị Hồng sao rồi?

Anh Hồng là nhân vật được nói đến. Hai ngày trước trong buổi chiều lao động về, Hồng dấu một mớ rau tàu bay, qua được cổng kiểm tra đem vào trong. Gần cả năm nay không ai thăm nuôi, vợ con tin tức bặt tăm. Hai người chia nhau dấu, coi như nấu ăn chung. Chỉ có mười lăm phút nhận khoai mì lát, trước khi vào chuồng cửa khóa lại. Khám xét phòng, nồi niêu có nấu nướng không, nếu phát hiện thì bị tịch thu. Coi như nhà trại chỉ cho ăn thuần một thứ khoai mì lát phơi khô, mốc xanh. Ăn được thì ăn. Không thì đói. Mười lăm phút, đủ để cho anh em trong trại nấu thứ khác để ăn mà sống. Đầu tiên lấy vải, giẻ, hay bất cứ cái gì nhúng nước với đất, cát, thoa chung quanh vành tròn ngoài của nồi. Cây chẻ nhỏ dấu trong nách, trong lưng quần mang ra hùn lại để nấu. Nồi bắt lên, cho lửa lớn nước sôi lên, bỏ cái

gì muốn nâú vào. Có gạo thì đổ vào, tay quậy đều, chắc nước ra, đậy kín lại nhắc xuống, để gần lửa khi cần nâú cái gì khác. Coi như năm phút sau đó, cơm chín. Đổ cơm ra đem dấu, dâú ở đâu trong phòng thì dâú, phần ai nấy lo. Chờ kiểm, xét phòng xong, cửa khóa chặt, đêm mang ra ăn. Còn nồi nấu xong, lấy vải, giẻ nhúng nước lau chung quanh nồi, để xóa sạch dấu nám khói của lửa, bỏ đâu đó bên ngoài rào, che mắt.

Phần Hồng, sẵn người bạn còn năm con tôm khô, nhà gởi vô tiếp tế. Anh làm môt nồi canh rau tàu bay hái ban chiều. Đêm, đang ăn nửa chừng. Người ăn chung thấy khó chịu ói ra, không ăn nữa. Tiếc của, Hồng ăn hết cả phần rau. Đã lâu không ai thăm nuôi, đói quá, thèm quá. Ăn khoai mì lát dai dẳng một tuần, tiểu ra cả tinh khí chảy theo. Gần sáng Hồng ói dữ dội. Một người nói. Bệnh rồi, sáng nay ở nhà khai bệnh đi.

Buổi sáng, Hồng khai bệnh. Bệnh xá, về chuyên môn coi như người phe ta phụ trách trị phe mình. Cho Hồng nghĩ một ngày vì kiệt sức. Chiều đó, Hồng hôn mê từ ở lán được đưa lên cấp cứu. Bệnh xá bấy giờ chỉ còn hai chai nước biển để dành khi nguy cấp, được truyền cho Hồng. Lúc nầy anh hôn mê, không còn ói được nữa. Phần da thịt trong người nổi lên từng vòng tròn đỏ thâm đen ngoài da. Co giật dữ dội, đêm đó Hồng chết. Coi như ngộ độc

Khi được báo cáo Hồng chết vì rau tàu bay, còn gọi là cải trời. Cán bộ trưởng trại, an ninh xuống lập biên bản. Viên chỉ huy nhà trại nói, hái nhầm rồi. Cán bộ vượt trường sơn từng chết vụ nầy. Đem ra phần rau còn lại. Quả thật lẫn trong rau tàu bay, là một loại cây y như lá rau tàu bay, khác chăng là loại cây độc nầy có rễ.

Hồng chết được hai hôm. Anh em gở ván nằm đóng hòm đem chôn ở rừng, khu vực ít ai lai vảng, gọi là nghĩa trang. Một năm trời không thăm nuôi. Vậy mà không hiểu sao, chỉ sau hai ngày anh chết. Người vợ lại xách cái túi nhỏ lên thăm nuôi chồng!.

- Mấy tháng trước sao không đến, bây giờ mới đến. Có mấy người thắc mắc.

- Biết đâu, ý trời mà. Một người trả lời.

Bức tranh toàn cảnh như một đoạn phim. Người ta bắt tôi coi phim, không giống như những gì tôi có trong đời sống thực. Những người đang sống, có bạn, có tôi. Chúng ta sống không hận thù trong câu chuyện. Chỉ là một chuyện thật ở miền Nam nhiều người biết. Tôi không muốn gieo vào đầu óc thế hệ sau nầy sự hận thù. Cho nên qua .nội dung, chỉ tầm phào mấy chuyện nhỏ nhoi, đi đánh giặc mà không thấy giặc, chỉ nói đến đi đứng, nằm ngồi, ăn ngủ, nói chuyện trong nhà. Thật là vô vị nếu phải so với lịch sử hào hùng được nói đến, phải không? Khó cho bạn điều nầy, nhưng chính tôi , tôi là quá khứ, là tấm gương soi phản lại.

Thật tình, tôi thấy thật tệ bạc trong sự sống còn.. Huống chi lại làm một người tù không tội. Quãng đời còn lại nầy, biết ngày sau thế nào? Chính tôi còn thấy chán tôi, nói chi bắt bạn phải đọc câu chuyện nầy. Vậy thì thôi, ngừng lại.

CHO & NHẬN
Trần Bang Thạch

Sáng sớm Thứ Sáu hôm nay, một ngày sau Lễ Thanksgiving, một mình ngồi trước máy truyền hình. Người nữ duy nhất trong nhà đã rời nhà từ sáng sớm; chắc nàng đang ở đâu đó tại Macy's hay JCPenney với những cái nồi, cái chão. Mong là nàng không nhìn thấy mấy cái hột lóng lánh bằng đầu ngón tay cái trong tủ kính nhấp nháy đèn màu!

Đa số các màn ảnh chiếu cảnh người ta sắp hàng dài cả mấy trăm thước trước các cơ sở thương mại lớn; có cả cảnh người ta lăng xăng bên trong tiệm, buông cái nầy, bắt cái kia rồi chất đầy lên xe đẩy. Duy nhất có 1 đài chiếu sinh hoạt của một tổ chức từ thiện. Trông thì thật lạc lõng, nhưng nghĩ thì thật thâm thúy vô cùng. Đài số 2 chiếu cảnh những người, có cả các em bé nguyên là những bịnh nhân ốm yếu, đang phân phát những túi nylon màu xanh lục in hình em bé chìa tay xin, trong có món quà nhỏ và những chi tiết về hội thiện nguyện này. Đó là sinh hoạt của những người trong Chương Trình Thanks & Giving của Bịnh Viện St.Jude Children's Research Hospital. Chương Trình kêu gọi sự tham gia thiện nguyện và giúp đỡ tài chánh của mọi người nhằm tạo điều kiện chữa trị bịnh tật cho trẻ em kém may mắn. Hàng ngàn em còn sống được đến ngày nay cũng nhờ Chương Trình này. Điển hình là bé Alex ở Texas. Em bị bướu trong óc ngay sau một thời gian ngắn ra đời. Thanks & Giving Program đến với em đúng lúc và ở với em, nâng em đứng dậy trong cõi đời. Nay Alex là em bé 5 tuổi khỏe mạnh, thích chạy nhảy và đá banh dù đã

trải qua nhiều lần giải phẫu óc và 45 tuần lễ hóa trị.

Mùa Thanskgiving làm người ta không khỏi nghĩ tới Thanks và Giving. Phải chăng là *Cảm Ơn và Cho Đi* cũng cùng nghĩa với *Cho và Nhận*, với *Tương Thân Tương Ái*, với *Lá Lành Đùm Lá Rách*…Từ khi chào đời, trong giòng sống của mình, có ai mà không NHẬN; còn CHO thì chưa chắc ai cũng có.

Một bài đồng dao mà trẻ con vài tuổi đã biết hát:

Thank you, thank you, very much
For everything that I can touch…
Thanks a lot for Nature's food
And for when I'm feeling good
Thank you, thank you very much
For moms and dads and friends and such.

Thật ý nghĩa vô cùng: *"Thanks for everything that I can touch"*.

Tin tức hôm nay cho hay: Hôm Thứ Tư Nov.26, người già nhất thế giới: Đại Lão Bà Edna Parker ở Shelbyville, Indiana đã từ giã cõi đời, hưởng đại thọ 115 tuổi và 220 ngày. Sinh thời với 42185 ngày dưới thế, chắc hẳn bà đã *NHẬN* không biết là bao nhiêu và chắc đã *CHO* cũng không ít. Còn mình chỉ mới sống bằng phân nửa cái niên kỷ của bà mà đã thấy đôi vai đã oằn vì *nhận* hơi nhiều mà *cho* thì chắc là chẳng bao nhiêu. Kính chúc lão bà Parker NHẬN một ân sũng cuối cùng từ Thượng Đế: linh hồn bay thênh thang về Nước Chúa.

Nhiều năm rồi, năm nào cũng vậy, một ngày trước

ngày Thanskgiving, tôi hay làm một việc rất nhỏ mọn, tạm gọi là CHO. Chẳng hạn như trao vài đồng cho người bán báo góc đường để lấy tờ báo 75 xu dù mình đã có tờ báo ấy trong xe. Năm nay, hai ngày trước, ngày Thứ Tư, trên đường đi làm về, tôi tấp xe vào tiệm fastfood ở ngả tư, băng qua lộ, nói chuyện với người Mỹ già, tay luôn cầm tấm bảng: VN WAR VET. Sau đó tôi nắm tay ông băng qua đường, mời ông vào tiệm cùng thưởng thức mấy cánh gà chiên. Rồi chúng tôi chia tay với lời chúc Happy Thanskgiving cho nhau.
Bắt tay từ giả ông, tôi cảm thấy mình đã NHẬN chớ không phải CHO.

Hôm qua, ngày Thanskgiving, tôi đã gọi điện thoại cảm ơn và chúc lành rất nhiều người, như hàng năm. Riêng đối với người cao niên cựu chiến binh của chiến trường Việt Nam vừa kể, tôi đã lái xe trở lại cái ngả tư ấy để gặp lại ông, chỉ để nói " Thank You". Cảm ơn người đã CHO tôi một phút vui.

Cũng nhân đây tôi muốn gởi lời cảm ơn tới một em bé 14 tuổi mà tôi không quen. Tôi đã NHẬN từ em, và những em bé Việt Nam của tôi đã NHẬN từ em một món quà. Em đã làm cuộc hành trình cả ngàn dặm để đến một thôn làng ở quê tôi. Trước đó, một cuộc hành trình khác, những chuyến đi suốt 2 năm dài để em có được món quà tình nghĩa dành cho những người bạn nhỏ ở thật xa.

Câu chuyện của em không dài dòng nhưng ý nghĩa của nó thì lớn, xin lượt kể để cùng nhau thương hơn cuộc đời trong mùa lễ lạc nầy và để thấy nhân gian còn có những tấm lòng vàng.

Không phải đây là lần đầu Carly làm việc thiện. Ngay hồi 8 tuổi, Carly đã phát quà Thanksgiving cho những người thiếu thốn. Có lẽ ý hướng làm việc thiện bắt đầu vào một ngày băng tuyết khi Carly thấy một bé gái mang đôi dép trống trơn, còn các bé khác thì không có đồ ấm để mặc. Từ đó Carly đi từng nhà xin những áo quần, giày, vớ, bao tay… cũ, rồi để vào những túi xách phân phát cho các trẻ em nghèo.

Nhưng rồi Carly muốn làm nhiều hơn thế nữa. Bé nói bé muốn thay đổi cuộc đời. Bé nhớ những năm trước, đoàn thể thiện nguyện Rotary Club của ông bà nội bé đã từng gây quỹ xây trường ở Việt Nam. Bé cũng muốn xây trường ở Việt Nam. Bé thu thập những dữ kiện về con người và văn hóa Việt Nam vào các phóng ảnh. Ở cái tuổi 12, bé Carly dù rất nhỏ nhoi sau bục thuyết trình, ăn nói khó khăn vì niềng răng, nhưng bé đã rất hùng hồn, tự tin nói với cử tọa hơn 200 người rằng "*…trẻ em ở thôn quê Việt Nam không có những ngôi trường đàng hoàng. Điều nầy thật là bất công. Cháu muốn đem đến cho các bạn trẻ nầy một nơi có thể tạo nên những cuộc đời tốt đẹp hơn…".*

Mùa hè đó Carly cùng với ba mẹ đi khắp tiểu bang Ohio, viếng thăm các Rotary Club. Lúc đầu coi như về tay không. Nhưng có một buổi tối, Carly cùng bố là Fred mang theo nào là máy computer, máy phóng ảnh, phong chiếu…ghé vào một tòa nhà ở Minerva, Ohio. Có 15 thành viên của hội Rotary Club ngồi quanh cái bàn dài. Sau khi nghe Carly thuyết trình về dự án xây trường ở Việt Nam, mọi người chỉ nhìn Carly mà không nói gì. Ông Fred nghĩ chắc rồi phải thất bại mà thôi. Đột nhiên có người nào đó buột miệng: " Chúng ta phải đáp ứng bằng những cái

checks thôi!". Vậy là Carly có được món tiền đầu tiên là $500. Thật sự thì có người cựu chiến binh nêu thắc mắc khi nghĩ tới Việt Nam là một nước Cộng sản: " Tại sao ta phải giúp Việt Nam?" Carly trả lời ngắn gọn: " Họ là những đứa trẻ đáng thương. Cháu đây cũng là một đứa trẻ, cháu chỉ muốn giúp các trẻ khác".
Thế rồi tiếng lành đồn xa, có những đóng góp cá nhân chỉ năm bảy, đồng. Có một hệ thống nhà hàng cho $1000. Vị võ sư huấn luyện viên Karate của Carly tổ chức cuộc tranh tài võ thuật, góp vào quỹ của Carly $4000. Một buổi cắm trại học Thánh Kinh thu tiền mua được 500 túi đeo lưng cho học sinh.
Trong vòng 2 năm, Carly, qua 50 buổi tiếp xúc gây quỹ, đã có được $50,000.

Tại buổi lễ khánh thành trường tiểu học Hòa Lạc, vị hiệu trưởng, qua một thông dịch viên, đã ca tụng người nữ sinh lớp 9 nầy là tuyệt vời vì ở tuổi quá trẻ như Carly mà đã làm công việc ích lợi cho các trẻ em từ ngàn dặm xa xôi.

Những Ngày Lễ Cuối Năm 2008

Lang thang…văn nghệ gai bàn chải. Ng~.

1. 38 năm. Chính xác là 38 năm và trên 7 tháng, dòng văn học nghệ thuật đích thực của Việt Nam bị gãy gánh giữa chừng. Nói đích thực, bởi trên mảnh đất văn chương đó, nhà văn tự do thả ngòi bút lên trang giấy, mà không cần phải canh cánh bên lòng những *tính* này nọ, không phải dòm trước ngó sau để đi đúng *đường một chiều*, không phải giật thót người khi có tiếng thằn lằn chậc lưỡi trên kèo nhà. Những tác phẩm của họ đều phát ra tận sâu thẳm cõi cảm xúc nhân sinh. Nó là máu thịt có thật, là hơi thở có thật, không gượng gạo tô vẽ, không chìu luồn bất cứ thế lực nào. Và những tác phẩm đó đã sống mãi với thời gian.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi kia, chưa đủ để Việt Nam có những tác phẩm lớn, song về mặt nào đó, những tác phẩm của các nhà văn miền Nam đã để lại trong lòng độc giả những cảm xúc chân thật bởi niềm đau xót, nỗi vui sướng, những băn khoăn tra vấn trong từng câu chữ của họ là sự thật, câu chuyện đưa ra đều mang đậm tính nhân văn. Một Giải khăn sô cho Huế của Nhã Ca, một Tiền Đồn của Thế Uyên, Bếp lửa của Thanh Tâm Tuyền hay Thị trấn miền Đông của Viên Linh, Thư nhà của Võ Phiến cùng nhiều nhà văn khác nữa… tác phẩm của họ không hề mang tính tố cáo, mặc dù họ đưa lên những cái ác, cái xấu của một sự kiện, khởi phát từ một giai đoạn tranh giành quyền lực; mặc dầu họ vẽ ra thân phận con người, nỗi cô đơn chen lẫn hạnh phúc, là những khao khát yêu đương trong khoảnh khắc tận cùng của những cay đắng trong lò lửa chiến tranh

tương tàn. Tất thảy đều làm công việc của con tằm: mang cái đẹp đến cho mọi người. Cái đẹp ấy là sự tự do chọn lựa cách viết, đề tài. Cái đẹp ấy là không bị câu thúc, o ép ta địch (ta luôn tốt đẹp, địch luôn xấu xa bỉ ổi?).

Một giai đoạn văn học như thế đáng được trân trọng vinh danh.

Một giai đoạn văn học như thế sẽ không bao giờ bị mai một với thời gian.

Ta hãy thử nhớ lại: khi Phan Nhật Nam viết *Mùa hè đỏ lửa*, khi Nguyễn Bắc Sơn viết *Chiến tranh Việt Nam và Tôi*, Y Uyên viết *Bão Khô*…họ không đứng ngoài, nhưng không bị cuốn hút vào những lời hô hào man trá; trong khi các nhà văn phía bên kia đang hít thở khí trời của chế độ ưu việt thì ngược lại: từ Nguyễn Minh Châu, Bảo Ninh chí đến Lê Lựu, Ma Văn Kháng…đều "tắt nghẽn" trong hơi thở thoi thóp của dòng thác tuyên truyền. Còn trước đó, những nhà văn ngời ngời như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài… cũng đành nhắm mắt ngậm ngùi chạy theo vết lõm trên đường một chiều đầy gai và hầm hố của cái mà ta gọi là văn chương "tố cáo". Khốn thay, văn chương "tố cáo" đã là cái gì đó khiến người đọc cảm thấy nặng nề, đến văn chương "tuyên truyền" khiến người đọc càng cảm thấy bị xúc phạm nhiều hơn, như thể đứa trẻ bị đánh lừa những viên kẹo ngọt.

Văn chương không làm đầu sai cho chính trị. Văn chương chỉ có chức năng duy nhất là phản ánh một giai đoạn xã hội bằng những cảm xúc chân thật, trên nền tảng của tốt và xấu đang phơi trần lồ lộ ra ngoài đời sống xã hội, trong cảnh sống tủi nhục hay vinh quang mà nhà văn đang bơi lội cùng với nó.

Cũng có người lạc quan hơn, ít khe khắt hơn cho rằng, trong xã hội toàn trị chỉ có búa và liềm bổ

xuống đầu, lia qua cổ đâm ra làm khiếp hãi ngòi bút bèn chọn hướng nước đôi, rồi từ nước đôi đến mất cả phương hướng, như kiểu cụ Phan Khôi:

Tiến lên ta cứ tiến lên
Tiến lên ta cứ tiến lên hàng đầu
Hàng đầu chẳng biết đi đâu
Đi đâu chẳng biết, hàng đầu ta cứ tiến lên

Đúng là cười ra nước đái! Anh không tiến tới thì coi chừng, sau lưng anh có đám hồng vệ binh, có đám thiếu niên cờ đỏ. Mới vừa đó chúng *tiến lên* đả đảo hoan hô, chúng chạy rầm rập đòi lôi cổ những tên phú nông địa chủ ra đấu tố thì lát sau vô tư cởi truồng tắm mưa, nhảy ùm xuống sông tắm nước, chạy ra gò u quạ, giành nhau cây cà rem mút chùn chụt... Cái miệng chúng hung hăng, còn cái đầu và phần dưới hạ bộ thì thơ ngây đến đẹp lạ đẹp lùng. Đấy là do anh phù thuỷ mặt mũi trét đầy phấn sáp dị hợm, hả họng đọc thần chú *úm ba la*… khiến mọi người hoảng hồn *tiến lên* mà không biết tiến đi đâu, về đâu?

Câu liêm, búa tạ nắm được cái thóp này, lùa hết những tên ba bứa vào ngồi trong căn nhà Hội. Bỗng dưng anh trở thành công chức hội múa bút, hàng tháng có tem phiếu mua các loại nhu yếu phẩm, không phải ra đồng *cắm mặt xuống đất, ngửa lưng nhìn trời* để một Hoàng Trung Thông lừng lững phải gượng gạo: …*vắt đất thay trời làm mưa* (rất phi khoa học, phi nhân bản). Rồi tháng tháng lại ngửa tay nhận tiền lương của *nhân dân* è lưng đóng thuế. Đố thằng cha ba bứa nào còn dám nói theo cái đầu lương thiện của mình? Và văn chương như vậy là văn chương lang thang, vong thân xét theo toàn cảnh văn chương nhân loại. Thật quái dị!

2. Trong vài năm gần đây, tuần báo văn nghệ chính thống trong nước bỗng dưng lôi ra những truyện ngắn, thơ của các nhà văn miền Nam đăng lên: Nào Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Trần Hoài Thư, Nguyễn Thị Hoàng, Hoàng Ngọc Biên, Thanh Tâm Tuyền, Mặc Đỗ... Hầu hết những thơ, truyện đều đã đăng trên các báo văn nghệ Sài Gòn, đã in thành sách. Những người chưa được đọc, lớp trẻ được dịp đọc lại thấy lạ, hay và đều có một nhận xét chung: *Họ thoải mái viết* (tức các nhà văn miền Nam). Ủa, sao có chuyện lạ vậy? Đó là những nhà văn mà 38 năm trước bị các ông Vũ Hạnh, Văn Tân, Phong Lê, Như Phong tặng cho cái tên nghe thật mỹ miều: *Những tên biệt kích văn nghệ* (ôi trời làm văn nghệ cũng có biệt kích kia đấy!). Những tên biệt kích văn nghệ ấy giờ lại chễm chệ ngồi trên trang báo có tiêu chí *...Vì chủ nghĩa xã hội*. Hẳn nhiên những nhà văn (miền Nam) dù đã chết hay còn sống không một ai mong muốn tác phẩm của mình phục vụ cho cái gọi là xã hội lãng mạn không tưởng kia đến với họ. Rõ ràng là bị bắt cóc.

Tại sao tuần báo Văn nghệ lại có một thái độ như vậy nhỉ? Và họ hành xử như vậy nhằm mục đích gì?

Điều quan trọng, họ (không phải ông tổng biên tập hay thư ký toà soạn mà là các vị có cái lưỡi dài trên BCT) nhắm tới là làm thay đổi chút không khí căng thẳng bấy lâu, chọn những truyện ngắn, bài thơ không có vấn đề đưa lên để thực hiện cái mà họ gọi là "hoà giải hoà hợp dân tộc", rằng chế độ ta giờ cũng đã mở cửa, cũng đã tự do dân chủ rồi, nhằm đánh lừa bàng dân thiên hạ. Nhưng cái thúng làm sao úp kín đầu voi? Sao lại đẩy một Dương Thu Hương, Vũ Thư Hiên… phải lang thang xứ người, sao lại phải canh trước canh sau, bám sát đít một Bùi Minh Quốc? Các

vị này viết sai chăng, hô hào cắt đất bán cho mấy tên đuôi Sam chăng?
Nhưng dẫu chưa thật minh bạch, chỉ bao nhiêu đó thôi, những người ngu ngơ vì bị nhồi nhét bấy lâu khi đọc xong mới té ngửa ra: ưở, văn chương miền Nam hay đến vậy sao?
Đã qua hơn phần tư thế kỷ rồi, vậy mà sự đố kỵ vẫn cứ lẩn quất trong đầu các tay trùm chính trị giảo hoạt. Chỉ một dúm người đó mà bắt cả đám dân đen phải chìa lưng ra cõng, giơ đầu ra đội, khác chi thời vua chúa phong kiến. Những hành động ghê tởn này còn bắt đám bồi bút hả họng ra ca tụng, không được nói khác. Và vì vậy mới có dòng văn chương cung đình. Hèn chi làm anh bồi bút thì được ăn trên ngồi trước, được hưởng chút mưa móc vua ban. Có đâu như anh nhà văn miền Nam bạ đâu cũng viết, cái nhập vào tim cũng viết, cái ngứa mắt cũng viết, khuynh hướng nghệ thuật nào cũng xuất hiện thành ra một vườn hoa đầy hương sắc, có đâu như vườn Hà Nội chỉ thấy toàn bông cứt lợn (chữ của cụ Phan Khôi) và bông bồ xít, chung quanh được rào kín bằng gai bàn chải xương rồng.

CHỦ ĐỀ THƠ VĂN HỌC TRÒ

LTS: *Người ta thường nói tuổi học trò là tuổi đẹp nhất, như những bài thơ tình của Nguyên Sa, nhưng quả thật, khi đọc lại những trang văn thơ học trò của thời chiến, không khỏi rưng rưng. Bởi người học trò thời ấy, cái thời mà "Ta hỏng tú tài ta đợi ngày đi/Đau lòng ta muốn khóc" (thơ Nguyễn Tất Nhiên), cái thời hầu hết đều mang theo nỗi buồn trên sách vở. Tiếng nổ vẫn nghe đêm đêm. Người thân ở ngoài chiến trường. Hay người yêu, người bạn học có người tử trận hay bị trở về với đôi nạng gỗ...*

Những trang kế tiếp là những bài viết được trích từ một số giai phẩm đặc san của các trường trung học miền Nam trước 1975 mà chúng tôi may mắn sưu tầm được.

Mong rằng, chủ đề này sẽ mang lại ít nhiều những hoài niệm về những ngôi trường xưa của quí bạn. Về tờ bích báo, giai phẩm bạn đã có lần có mặt, về những áng mây bên ngoài khung cửa, về những gương mặt nhớ nhớ và quên quên.

Và thêm một lần để chứng tỏ về một nền văn học miền Nam. Ngay lúc chúng ta còn ngồi trên ghế nhà trường. Như trên một trang báo của trường trung học Gò Công sau đây.

NHẬN DIỆN

1968

- Tiếng nói văn nghệ của Hiệu Đoàn Trung Học Gò Công
- Được sự hướng dẫn của Giáo sư Dương văn Nghiêm, cố vấn khối văn nghệ học tập

- *và sự có mặt:*

lưu linh — th. thụy — nguyễn thị cẩm hồng — trần kim báu — trần thị kim liên — nguyên thụy ba — chung thị hảo hường — hoàng nguyên trang — trương văn nhựt — huỳnh mỹ huệ — nguyễn hồng hoàn — trần ngọc hưởng — trần văn ron — nhã thi — t. n. — a. h. — c. v. t. — duy phong — võ thị yến — trần công giao — huỳnh hữu lộc — trần công việt — võ văn lý — phan kim nở — đỗ thị mỹ luệ — trang thanh hoài — dyễm uyên đài — nguyễn thanh bạch — trương ngọc sơn — nguyễn văn tấn — huỳnh hồng đào — phan châu thuận — vân mỹ dung — đoan nghiễm hạnh — phạm văn nông — nguyễn thị cẩm — th. nguyễn — p. t. — l. b. x. — phan lữ minh — ngọc anh — thanh thắng — đỗ thị hà — phương dạ thảo — mặc huyền thi — trần ngọc tịnh — huỳnh thị cẩm — nguyễn văn quan

- *Trưởng khối* : Trần Kim Báu
- *Phó trưởng khối* : Nguyễn ngọc Phùng
- *Hình bìa* : Trần văn Sáng

NGÔ THỊ THU THẢO

Chân Dung

(trích trong đặc san Tứ 2, trung học Ngô Quyền 1964)

1— *một chút thành phố làm nụ cười*
một chút núi non làm nụ môi
một chút sương mù làm mắt úa
một chút nước mắt làm son tươi
một chút lúa đồng làm tóc rối
một chút đường đi làm gót son
một chút lá xanh làm cánh vỗ
và một lần yêu trên núi non
một chút đứa em làm hành lý
một chút nước sông làm tàu đi
một chút bàn tay làm ga nhỏ
và một lần dừng trước chuyến đi
một chút bông súng làm gốc cao
một chút búp sen làm thơ sầu
một chút má buồn làm hơi thở
và một lần nhớ trong chiêm bao
một chút trong veo làm nụ cười
một chút buồn thôi làm nụ môi
một lần nước mắt đọng son tươi

2— *buổi em nằm với giấc mềm*
từng chùm tóc rối bên triền má thơ
buổi em ru nhỏ hiền mơ
nhành tay u ám nỗi hờ tiếng xa
buổi em hái chút thiết tha
chùm môi cũng hé giữa mùa rêu rong

NGUYỄN NGOC XUÂN
13 tuổi
(*trích Đặc san trung học Ngô Quyền Biên Hòa 1965)*

13 tuổi

xuân này tuổi đã mười ba
buồn như nắng đổ xiêu qua sân trường

xuân này tuổi đã đầy thương
con chim câu nhỏ dọc đường xót xa

giã từ ai, tuổi mười ba
mắt hoa còn thấm nụ hoa ai cười

chia tay ai dại một thời
ngẩng lên ai bỗng rụng rời biệt ly

thôi mai dù có ra gì
bàn chân thon nhỏ xin ghi dấu đời

tóc ai che mắt ai cười
xuân này tôi đã trả đời mười hai

NGUYỄN NGỌC XUÂN
ngũ 3

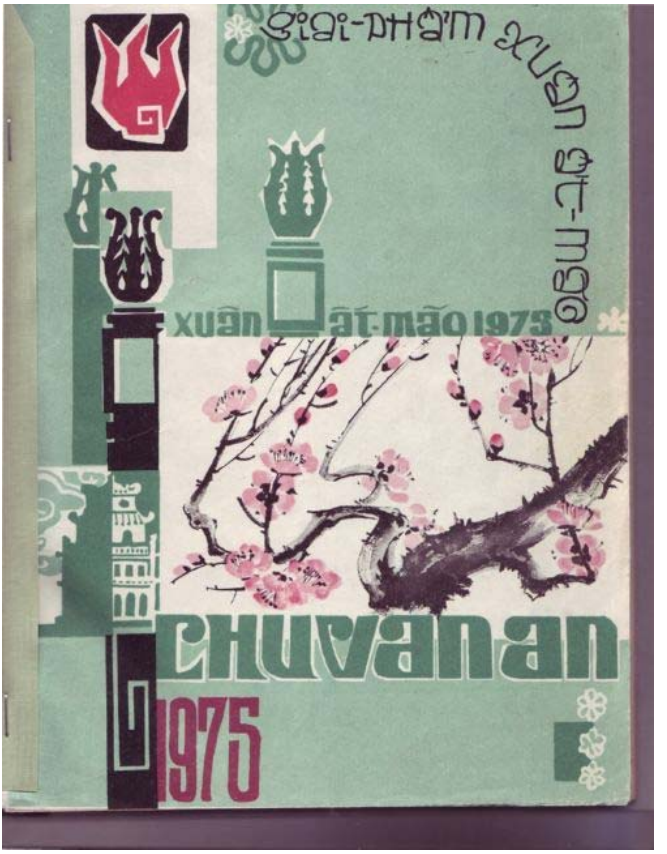

Giai phẩm Xuân Chu văn An 1975

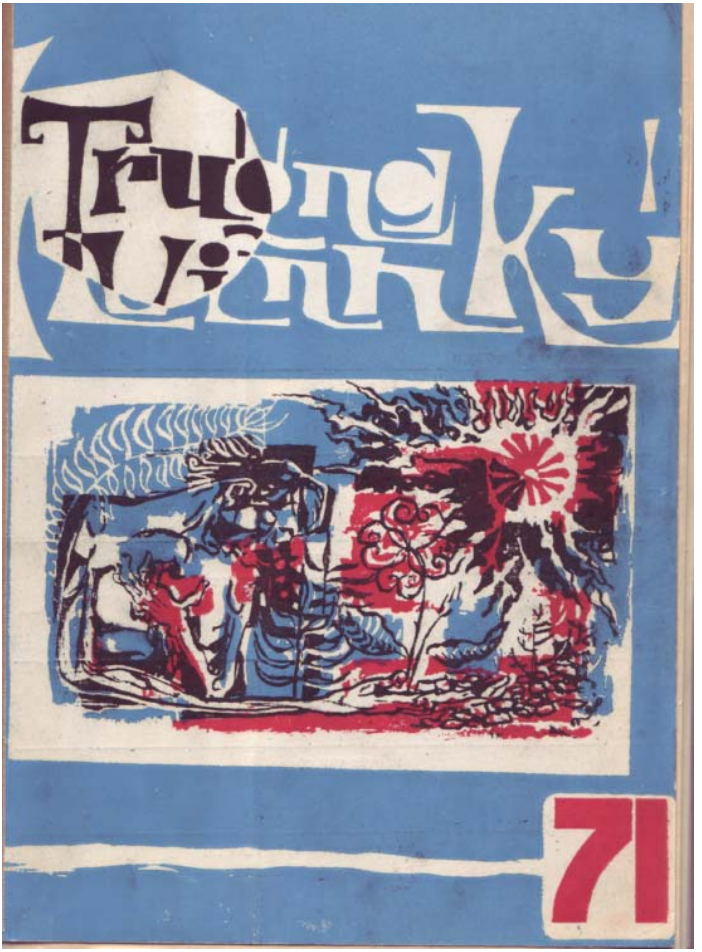

Giai phẩm Xuân Petrus Ký 1971

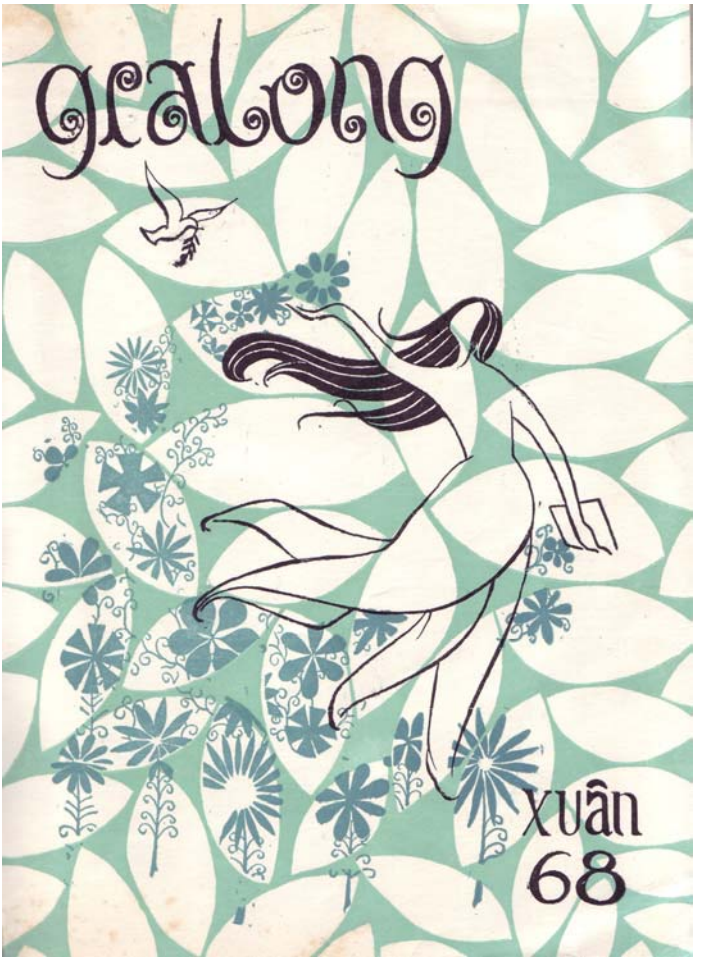

Giai phẩm Xuân Gia Long - 1968

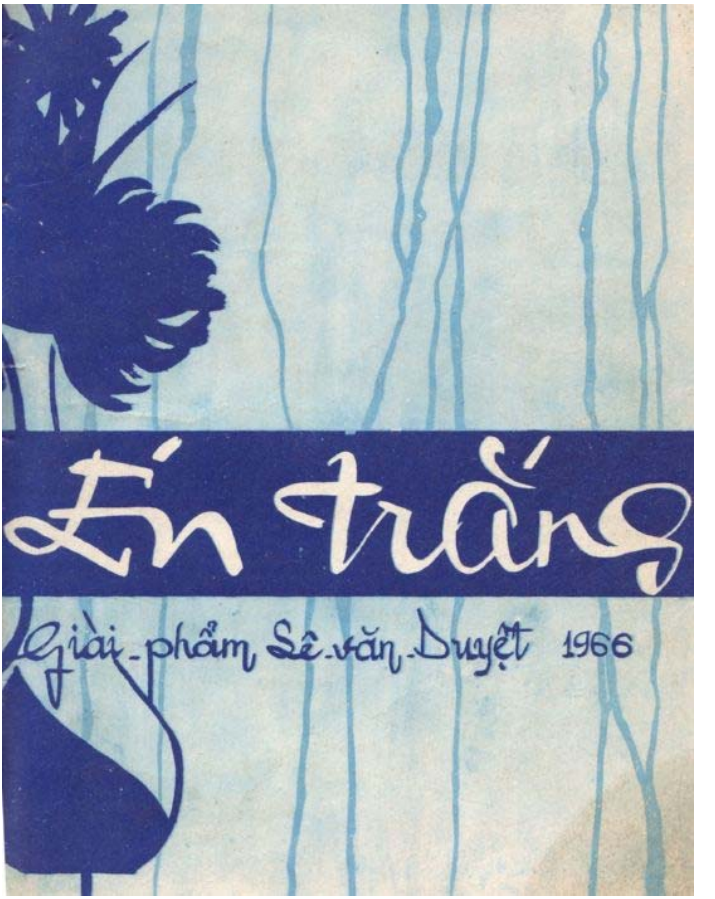

Giai phẩm Lê văn Duyệt 1966

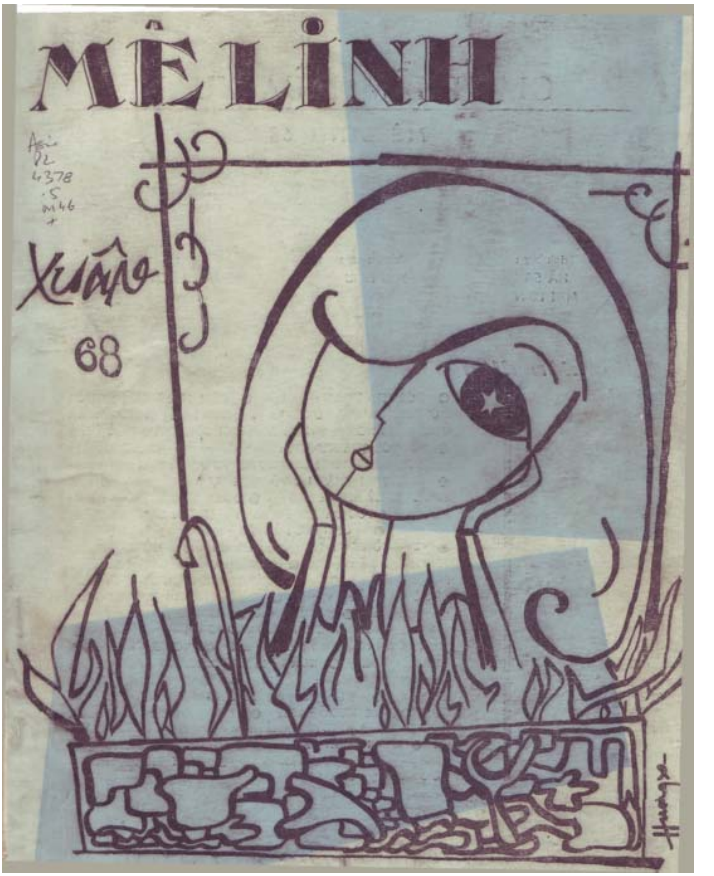

Giai phẩm Xuân Trưng Vương - 1968

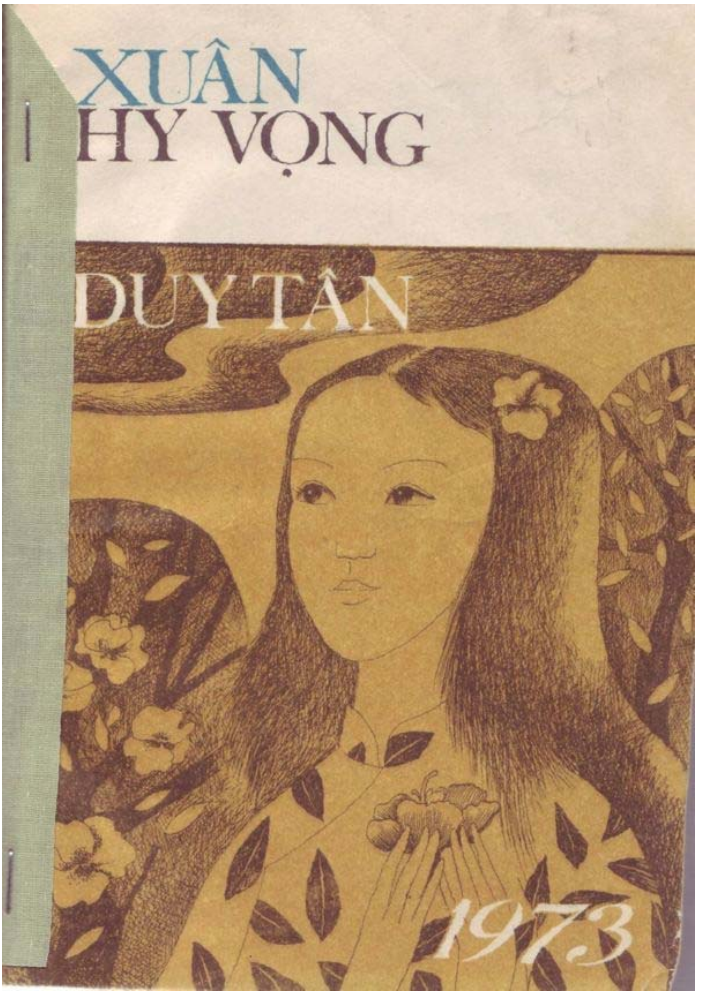

Giai phẩm trung học Duy Tân Phan Rang 1973

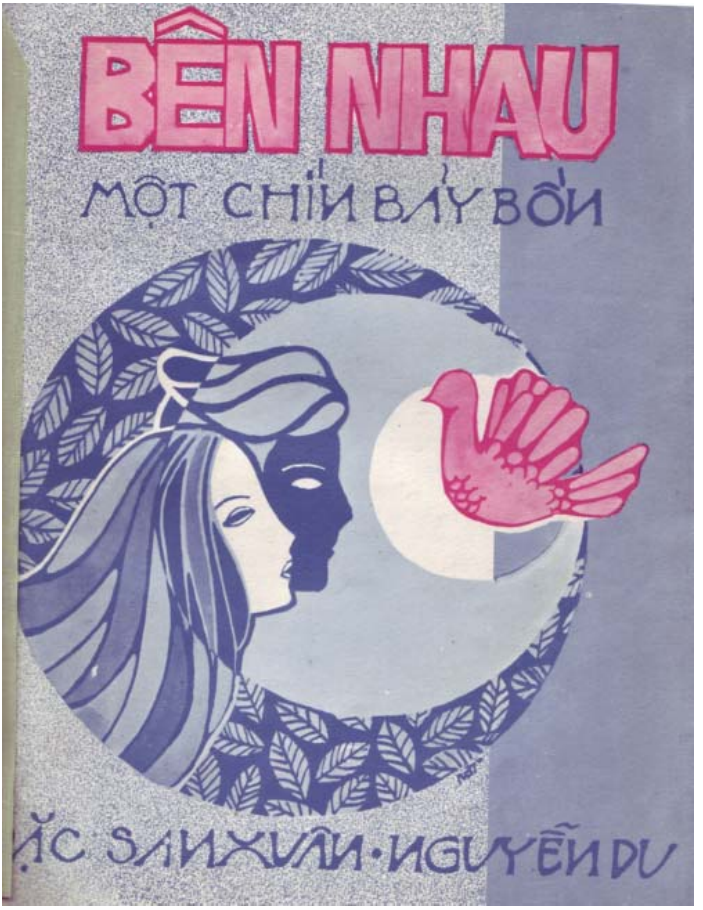

Giai phẩm Xuân Nguyễn Du 1974

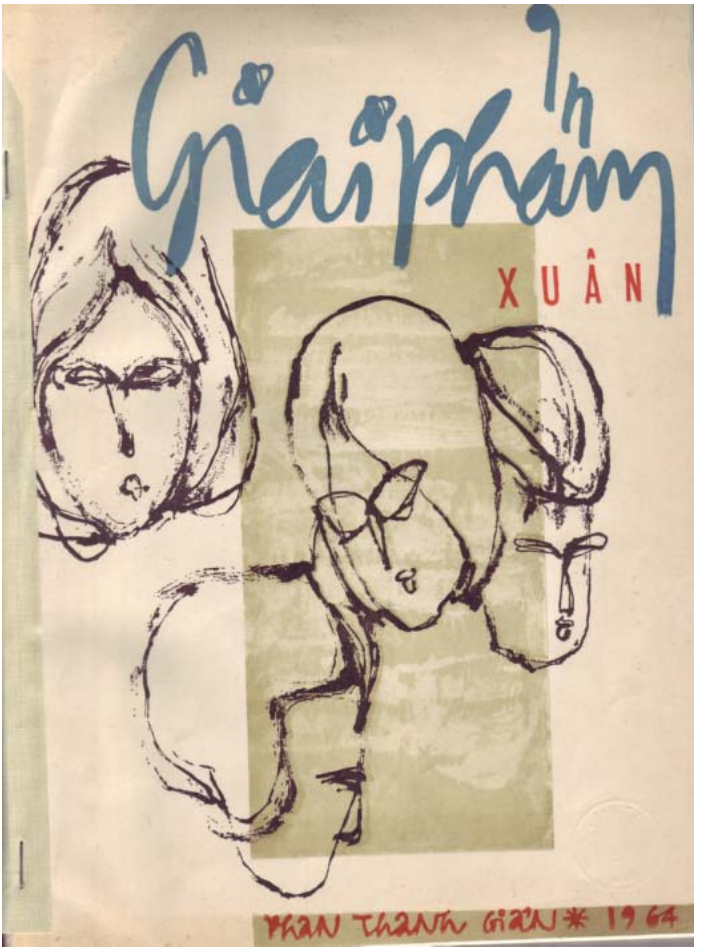

Giai phẩm xuân Phan Thanh Giản – 1964

Giai phẩm Quốc Gia Nghĩa Tử Quí Sửu

DAISY
Con chuồn chuồn đỏ
(Trích giai phẩm Xuân Trưng Vương 1968)

THẾ là em đã nhìn thấy nó rồi. Không phải do một nhón tay chỉ. Mà bởi những chiếc lá na xanh non rung động khiến em chú ý.

Buổi chiều, em nằm ngả người trên chiếc đu trong vườn để ngước nhìn bầu trời xanh ngắt. Nằm như thế mà lại có lợi ghê lắm : Đầu tiên, em được nhìn những tảng mây theo nhau bay đi, không phải ngửng đầu lên mãi.

Sau đó em sẽ được hưởng những giây phút thật thú vị, khi để ý đến những cành lá na xanh mướt. Thật là khác hẳn khi em nhìn từ trên xuống. Em sẽ thấy cành lá na xanh không còn bé nhỏ, không còn e dè khép nép mà tất cả đều như đang cố vươn lên trên bầu trời rộng lớn. Thật cố gắng nguôi ngoai. Thật già nua cô độc.

Con chuồn chuồn đỏ, nó giống em ở điểm đó. Và cũng chính vì vậy mà em chú ý ngay đến nó. Em không hiểu tại sao chuồn chuồn nhà ta không dừng lại bên trên chiếc lá na.

Như những chú bướm hoạ sĩ trong vườn thường dùng mặt trên của cánh hoa để làm nền cho bức tranh vẽ bằng phấn trắng, mà lại gượng gạo xoay mình bám víu vào mặt dưới chiếc lá na. Như vậy tự nhiên em cảm thấy mỏi hộ con chuồn chuồn đỏ bé bỏng ấy. Em muốn nói với nó một

câu. Tụi mình giống nhau, phải không mày ? Như em và đứa bạn thân trong lớp vẫn thường nheo mắt cười với nhau thật là tương đắc. Em chờ đợ câu trả lời :

— Tụi mình giống nhau phải không mày ?

— Chứ sao !

— À ! mà sao con chuồn chuồn của em (chưa chi mà đã tự nhận rồi nhỉ ?) không thể trả lời được một câu thật vui vẻ như bạn em vẫn nói. Nó cứ im lặng hoài thôi, mấy đôi chán nhỏ lại đụi đụi vào mặt như đang xấu hổ. Á À ! «anh chàng» muốn nhắc nhở cho em biết : «tụi mình chưa quen thuộc nhau mà ! » Có khó khăn gì đâu ! Em muốn nói với chuồn chuồn đỏ như thế. Tụi mình sẽ quen nhau trong buổi hoàng hôn này. Bởi vì ở chân trời kia ánh nắng đang chợt lóe lên để đợi chờ giờ lịm tắt mà bóng đêm thì đang rình rập bồn chồn. Có cảm thấy tiếc nuối bâng khuâng, có cảm thấy lạc loài như cánh chim bé bỏng tìm về tổ ấm kia không ? Hãy nhớ rằng hiện giờ chỉ có em và chuồn chuồn trong khu vườn vắng lặng.

Em thì đang có thật nhiều điều muốn nói. Và đôi mắt trong suốt của chuồn chuồn bảo với em là nó cũng đang mang một ước muốn chẳng khác gì em cả vậy thì còn ngại ngùng gì nữa ?

Em cũng muốn nói với con chuồn chuồn đỏ tí hon là đừng lo lắng. Đối với em nó còn rất xa lạ. Em đã nhìn thấy nó nhiều lần. Ở trong khu vườn quen thuộc này mỗi khi chiều xuống ở bãi cỏ non trong sân trường hay bên cạnh những bông hoa tím dại dưới chân em đứng đợi xe vào những giờ tan học. Có thể là em đã gặp những con chuồn chuồn đỏ khác nhau. Nhưng ai bảo cứ mang ý nghĩ tụi nó chỉ là một. Em cảm thấy vô cùng gần gũi với chuồn đỏ, đến độ có lần em đã không ngăn được tiếng reo khi nhìn thấy nó, như đón chào một người bạn thân đến thăm viếng.

Chỉ có chuồn chuồn đỏ là luôn luôn vô tình thôi. Em hay bắt gặp nó làm ra vẻ «ta đây nghệ sĩ» « Nghệ sĩ » thường lang thang trong khu vườn mà không cần biết đến người chủ vườn là ai cả. Trong khi chủ vườn thì đã thuộc lòng cả giờ đi lúc về của «nghệ sĩ»

Thuộc cả tên từng loài thảo hoa, từng phiến lá nghệ sĩ thường dừng lại chuyện trò. Và còn đợi chờ, thương nhớ bâng khuâng trong những chiều «nghệ sĩ»...ốm hay...bận việc không đến thăm khu vườn được.

Đôi lúc con chuồn chuồn đỏ như mải mộng mơ chả thèm để ý đến ngoại cảnh nữa. Nó thường đến thăm những ngọn cỏ non trong sân trường, soi bóng hình xuống vũng nước mưa trong mát, vào buổi sáng sớm, vào giờ ra chơi, không hề để ý đến những tiếng cười nói ồn ào xôn xao khuấy động bầu không khí. « Nghệ sĩ » mà phải làm cho ra vẻ khác người một chút chứ ! Em... biết như vậy.

Nhưng em vẫn cảm thấy vô cùng gần gũi với «nghệ sĩ chuồn chuồn đỏ» của em. Gần gũi ghê lắm. Vì hãy nhớ lại, đã một lần em đặt tên cho con chuồn chuồn đỏ đáng yêu ấy.

Buổi sáng hôm ấy, chúng em đến ngồi trên một mô đất cao của khu công viên để đón chào những tia nắng và làn gió mới. Có thể gọi nơi này là một ngọn đồi con được lắm. Bởi vì dõi mắt ra xa em thấy mọi vật đều như dần dần thấp xuống thấp xuống. Và chung quanh ngọn đồi là thung lũng lá vàng tạo tiếng động lao xao, xào xạc. Khu đồi của em trong buổi sáng hôm ấy là một khu đồi dễ yêu và hiền lành vô cùng. Người qua đồi

không sợ bị roi xuống thung lũng ven đồi hiểm trở, mà còn ước mơ được một mình nằm yên trong màu vàng nồng ấm của nắng và lá na kia là chiếc cầu gỗ nhỏ bắc ngang dòng nước trong nhẹ nhàng uốn khúc, nơi dừng lại của những người thích sống với kỷ niệm, thích nhìn lại những gì đã đi qua một cách nuối tiếc.

Em, em nhìn thấy con chuồn đỏ tung chiếc thân dài yếu đuối lên trời cao từ dòng nước trong vắt.

Có phải là « nghệ sĩ » của em vừa trải qua những phút giây sống với kỷ niệm đầy nhung nhớ hay không ? ước gì em nhìn thấy được những ý nghĩ trong chiếc đầu tròn nhỏ và sau đôi mắt trong như thủy tinh ấy. Các bạn em reo lên mừng rỡ và chuồn chuồn đỏ bắt đầu đùa rỡn với ngọn cỏ non, với làn gió nhẹ. Bạn thân của em thì thầm :

— Làm cách nào cho chuồn chuồn dừng lại trên bàn tay, hay vạt áo mình thì thích quá.

Em nói với bạn : em không phải là cô tiên. Nên trong tay em thiếu mất chiếc đũa thần lấp lánh muôn ngàn sao sáng. Mà tâm hồn của chuồn chuồn đỏ thật vô cùng phóng khoáng. . Như nắng, như gió, như mây trời lồng lộng.

Vậy chỉ còn một cách duy nhất là tụi mình bắt cóc «anh chàng nghệ sĩ» vào trong chiếc túi trắng trong. Đừng có lo chiếc túi của em sẽ đen tối như của những bà phù thủy trong chuyện cổ tích ! Bởi vì em bắt cóc chuồn chuồn chỉ trong giây lát để chiêm ngưỡng và tỏ lòng yêu thích.

Em và các bạn không ngăn nổi tiếng reo mừng và ngạc nhiên khi chuồn chuồn đỏ được đem ra khỏi chiếc túi để đậu lên một tà áo trắng. Đẹp quá đi thôi ! Chuồn chuồn đỏ hiền lành nằm yên, ngoan ngoãn như một chú mèo con trong ngày trời trở lạnh. Cái đầu tròn nhỏ lắc lắc như tỏ ý bất mãn vì cuộc phiêu lưu của nghệ sĩ bị đình chỉ một cách bất chợt. Các bạn em thì thầm như muốn gìn giữ vẻ êm đềm đang hiền lành bao phủ :

— Trông nó giống như cái gì nhỉ ?

— Thì... giống con chuồn chuồn chứ con gì nữa !

— Ngón tay út của mẹ tao mày ạ.

— Không phải ! cái nụ hoa non chưa kịp nở đấy !

— Nhưng tao chưa thấy một nụ hoa nào đỏ lạ lùng như thế cả...

Sự lặng yên bỗng dưng xâm chiếm và kéo dài. Các bạn em băn khoăn nhìn ra bãi cỏ xanh ngợp nắng. Con chuồn chuồn đỏ vẫn im lìm chịu đựng, hình như nó bắt đầu buồn ngủ nên đưa «tay» lên dụi bụi mắt. Em muốn hỏi làm cách nào mà chuồS chuồn có thể điều khiển cùng một lúc «tay chân» và đôi cánh của nó một cách vô cùng khéo léo nhịp nhàng như thế... Bất chợt một người bạn em kêu to lên :

— Trời ơi ! quả ớt tí hon tụi mày ạ.

Cả mấy đứa tự nhiên điều liếm môi suýt xoa. Không thể như thế được. Con chuồn chuồn đỏ mà em nghĩ là của riêng em, vì em có nhiều điều muốn nói với nó, thật là hiền lành và dịu êm, đừng có gán cho nó sự nóng nảy, nồng cháy)

Tiếng kêu của bạn em đột nhiên làm cho chuồn chuồn đỏ tỉnh cơn buồn ngủ. Nó vụt bay lên cao, mang theo ở đôi chân một sợi tóc mềm dài mà bạn em đã dùng để buộc giữ, và trong một phút ngắn ngơ em đã buông rời không cầm chắc. Em hốt hoảng đứng lên. Rồi không một nghĩ ngợi em thoảng thốt gọi :

— Mai ơi !

Tên của chị em. Các bạn em rộn rã cười. Cái tên không gợi một mầu sắc phù hợp với con chuồn chuồn đỏ một chút nào hết. Riêng một mình em ngượng ngập, nhưng em bằng lòng thích thú.

Một sự tình cờ đã khiến em và chuồn chuồn đỏ thân mật thêm lên. Em bằng lòng, em nhắc lại là em bằng lòng cái tên mới em đã đặt cho chuồn chuồn một cách ngẫu nhiên ấy.

Chuồn chuồn Mai, «my» chuồn chuồn đã bay lên cao. Nhưng em nghĩ là nó sẽ có ngày trở lại.

DAISY

ĐỖ VƯỢNG
Bếp lửa nhà em
(đặc san xuân Petrus Ký 1974)

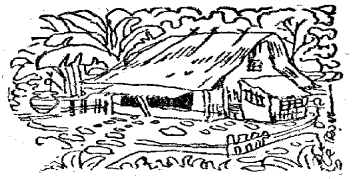

Này em đi xuống bếp,
Nhúm ngọn lửa dầu hôi,
Em hơ đôi gò má,
Cho chảy giọt lệ sầu,

Này em đi xuống bếp,
Nấu giùm ấm nước sôi,
Anh ngồi chờ bốc khói,
Trái tim em thành hơi,

Này em đi xuống bếp,
Pha giùm anh bình trà,
Nhớ bỏ trà thiệt đắng,
Cho anh đỡ xót xa,

Này em đi xuống bếp,
Sao trà nhạt vậy em,
Nhưng anh cũng uống hết,
Vì anh tánh hay quên,

Này em đi xuống bếp,
Pha anh lg cà phê,
Sáng nay hơi buồn ngủ,
Đêm qua anh nằm mê.

Này em đi xuống bếp,
Cà phê ngọt vậy em,
Sao em không pha đắng,
Đời a h khổ đã quen.

Này em đi xuống bếp.
Kẹp mái tóc lại nghe,
Nồi cơm kia sắp chín,
Chút nữa anh sẽ về.

Này em đi xuống bếp,
Tắt bớt ngọn lửa đi,
Nồi cơm em đã chín,
Sao em chẳng nói gì ?

Này em đi xuống bếp,
Thôi anh, anh đi về,
Sao em không cười hả,
Anh thật nhút nhát ghê.

ĐỖ VƯỢNG

Mười Hai Bê Bảy

TRÀM BÍCH DZU

NÓI VỚI QUÊ HƯƠNG

Tôi ghé vào ngôi quán nhỏ
Gọi ly cà phê đen
Không ai thèm đứng dậy
Tôi buồn rồi quay lưng
Trước mắt tôi
Một lũ người cuồng loạn
Đang say sưa trong vũ điệu man di
Lịch sử ơi xin cho tôi tiếng khóc
Có phải bây giờ là thế kỷ 20
Có phải đêm nay loài người trở giặc
Có phải tôi đang đánh mất tương lai
Tôi gọi tôi khan cổ
Em nghe gì không em
Bây giờ trời mưa đó
Em nhìn tôi không quen
Thằng bé không quần áo
Quê hương nó tiêu sơ
Mẹ nó vừa mới mất
Nó bơ vơ đến giờ
Tôi không phải là chứng nhân lịch sử
Nên tôi buồn đứng khóc giữa công viên
Những ngọn cỏ xì xào trêu chọc
Tôi mím môi dẫm nát
Chúng cúi đầu lặng yên
Tôi bước đi nghe linh hồn réo gọi
Cánh đồng hoang cỏ cháy vàng tươi
Tôi trốn chạy âm thanh rừng rú
Quê hương ơi em có thấy gì không
Tôi không muốn làm tên nô lệ
Để ngày mai, mai nữa hãy còn em.

TRÀM-BÍCH-DZU
3A2

THỤC TRẦM

(Trích giai phẩm trung học Duy Tân – Phan Rang năm 1971)

tuổi sương mù

Ấu thời mạ khổ đêm ngày vì con
Thức khuya dậy sớm vóc hạc hèo hon
Củi lửa cay mù những bình minh lạnh
Con cuộn cho tròn giữa lòng núi non
Mạ buồn như loài cỏ dại nắng hè
Chinh chiến điêu tàn cho hồn sắt se
Ôm con những đêm mưa tầm gió tã
Nghe con thỏ thẻ khi mô ba về?
Ba ra đi thuở tóc mạ ngang vai
Cô bé mắt tròn ngơ ngác loài nai
Chừ tóc mạ dài xõa lưng mảnh dẻ
Ba mùa lá rụng bến gan ánh tái
Những chiều giông tố trên ngọn soan mưa
Những ngày nắng đổ hiu hắt hạn trưa
Con ngủ mạ ru trong gian nhà vắng
Buồn mấy cho vừa, thương tiếng võng đưa
Xuân nở quê hương đẹp mùa thanh bình
Ta trả về Trời năm tháng điêu linh
Nhưng xót xa hoài, mạ trồng vạn thọ
Hoa vàng như thuở tiễn ba đăng trình
Điện tín chắp bay tử vũng máu hồng
Đáp trên tay mạ trời chuyển cơn dông
Ngùn ngụt mây mù chiều nay bão biển
Trời đất mây tầng lé tái gió đông
Cỗ xe chở người về miền hư vô
Bình yên thiếp ngủ đêm nay trong mồ
Hồn mơ giờ thu nắng buồn êm ả
Trăng sầu nhớ bước lãng du sông hồ
Mùa Xuân ngập ngừng bên khóm Hoàng Hoa
Giọt sương trong trên mắt con còn nhòa
Nát cả tâm hồn những chiều tím lạnh
Nhịp cầu rực rỡ muôn đời con xa

thục trầm

(trích giai phẩm trung học Ngô Quyền – 1965)

LÂM THẠCH-SANH

CHẤT NỮ SINH = NHs

TRẠNG THÁI THIÊN NHIÊN
LÝ TÍNH
HÓA TÍNH
CÁCH ĐIỀU CHẾ
SỰ TINH CHẾ

I.— TRẠNG THÁI THIÊN NHIÊN

Chất nữ sinh có rất nhiều ở khắp nơi, nhưng thường kết tinh, tụ họp thành từng khối lớn ở những mỏ cao ráo, thoáng khí gọi gọi là « Trường Trung-học ».

Ở Việt nam có những chứa chất nữ-sinh quan trọng như mỏ « Ngô-Quyền » gồm hỗn hợp chất nam sinh và chất nữ sinh, mỏ Gia Long, Trưng Vương chứa toàn chất nữ sinh ròng.

II.— LÝ TÍNH

Nữ sinh là một chất màu trắng ưa nhìn, có mùi thơm dễ thở.

Tỉ trọng đối với «thời gian» cho bởi công thức :

$$d = \frac{M}{t} = 2{,}50$$

M tính bằng kilogram, t tính bằng năm. Trung bình một chất nữ sinh có khối lượng 45 kilogram khi thời gian là 18 năm ... (tuổi)

Chất nữ sinh khó tan trong các «cuộc biểu tình» nhưng dễ tan trong « rạp xi-nê » « rạp cải lương ». Tuy nhiên dưới áp suất cao (của cha mẹ) có thể bị kết tủa ... ở nhà.

Khi tiếp xúc với môi trường ngoại giới chất nữ sinh có đặc tính e-lệ, thẹn thùa... (trông dễ yêu đáo để !)

Ngoài những lý tính kể trên, chất nữ-sinh còn có đặc tính « thu hút nhỡn quang » của các chất khác khi ở hè phố hay giờ ra chơi (chất nam sinh chẳng hạn).

III.— HÓA TÍNH

Nữ sinh là một chất đẹp khá bền khó bị phân tích áp suất thường, nhưng dưới áp suất cao và không khí « căn thẳng » có thể chịu sự tác dụng và cho ra.. nước mắt...

Dưới tác dụng của nhiệt năng hay quang năng — buổi trưa — (má) nữ sinh có màu hồng theo phản ứng :

NẮNG + 2 MÁ ⟶ 2 MÁ HỒNG

CHÚ THÍCH :

Đôi khi không cần bị tác dụng bởi quang năng (má) nữ sinh vẫn hồng, hoặc ở trạng thái thiên nhiên hoặc được che phủ bởi một chất hóa học gọi là « Phấn ».

Ở chất nữ sinh còn có thể xảy ra những phản ứng sau :

1) Phản ứng cọng

Chất nữ sinh có thể kết hợp... bằng thử từ với các chất khác (mang điện tích trái dấu) theo những phản ứng cọng. Loại phản ứng này thường bị cấm đoán của cha mẹ, Hiệu trưởng hay Giám thị nên xảy ra... một cách lén lút.

2) Phản ứng hủy

Khi bị tác dụng bởi chất « thi rớt » hay chất « đau khổ vì... lý do khó nói » chất nữ sinh có thể tự hủy hoại bằng 3 phản ứng hủy chính :

α/ Phản ứng hủy với nhiệt :

$$NH_8 + \text{LỬA} \longrightarrow \text{THAN, TRO} + \nearrow CO_2 + \nearrow H_2O$$

β/ Phản ứng hủy với H_2O

$NH_8 + H_2O \longrightarrow$ Phản ứng xảy ra một cách nhanh chóng khó nhận thấy.. xác.

Nơi xảy ra phản ứng này nổi tiếng nhứt là... Cầu Bình-Lợi.

8/ Phản ứng hủy với chất hóa học.

Thường là thuốc ngủ hay thuốc chuột.

IV.— CÁCH ĐIỀU CHẾ

Muốn điều chế một chất nữ sinh, thoạt tiên người ta lấy một chất « trẻ em » mang điện tích âm, cho vào một môi trường gọi là « Trường Tiểu Học » sau thời gian 5 năm sẽ bắt đầu thành chất nữ sinh. Cách này thông dụng nhất.

V.— SỰ TINH CHẾ :

Từ những mỏ « Trung học » chất nữ sinh được khám phá, khai thác và chọn lựa bằng cách cho vào một thẩm thấu kế, gọi là thẩm thấu kế « Tú Tài II » Màng thẩm thấu này là một màng nguyên sinh, linh động, có tính cách chọn lọc (đôi khi bất công !) chỉ để những chất « nữ sinh khá » thẩm qua còn những chất « nữ sinh kém » bị giữ lại. Các chất nữ sinh khá này nếu được đưa vào môi trường « Đại Học » sẽ thành những chất « nữ sinh viên ».

Ngoài ra, nếu trong điều kiện đặc biệt về áp suất. (của chính mình hay của cha mẹ), không gian, thời gian và hoàn cảnh chất nữ sinh sẽ hoàn toàn biến đổi thành một chất mới gọi là chất « Vợ ». Chất này hòa tan vĩnh viễn trong môi trường « Đời ».

«Cấm ngặt tất cả mọi sự trích làm tài liệu giáo khoa hay dịch sang ngoại ngữ để phổ biến».

LÂM THẠCH-SANH, *IA*

NGUYỄN TRƯƠNG HIỀN

(trích giai phẩm trường Quốc gia nghĩa tử -1973)

Tâm sự một Quốc Gia Nghĩa Tử

KHÚC QUANH

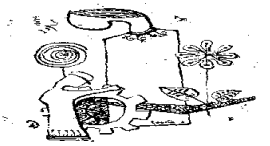

Còn cha gót đỏ như son
Đến khi cha mất gót con đen sì

NGÀY giỗ đầu cha tôi đến thật ngỡ ngàng Vậy là đã hai mươi bốn tháng qua đi lúc nào tôi không hay biết.

Hôm ấy, đang say sưa theo bài giảng, thì chị tôi đến lớp, chỉ kịp báo cho tôi : « Cha mất rồi ». Và òa lên khóc. Tôi đứng sững sờ, không biết có khóc được như chị hay không, lặng lẽ xin phép thầy, bỏ mặc lũ bạn ngơ ngác nhìn theo, tôi chạy về nhà cùng chị.

Chiếc quan tài phủ quốc kỳ đặt ngang trước cửa. Mẹ tôi vật vả khóc. Mấy em tôi cũng khóc. Tôi không hiểu chúng khóc theo mẹ hay đã biết mất cha là khổ, vì thật ra chúng chưa đến tuổi để thấy sự cần thiết của người cha nhất là người cha làm lính trận. Tôi lặng người bên mẹ tôi. Một ý tưởng thật mơ hồ : « Cha tôi nằm trong chiếc quan tài đó ?». Tại sao ? Tại sao lại có thể vậy được ? Người ta có thể nhầm lẫn một kẻ nào đó là cha tôi không. Một sự nhầm lẫn tai hại như vậy, không phải không thể có giữa lúc này, giữa lúc cường độ chiến tranh gia tăng khủng khiếp, giữa lúc hàng ngàn, hàng vạn người ra đi và ngã gục. Nhưng trước mắt tôi, chiếc quan tài phủ quốc kỳ, tấm hình bán thân cha tôi. Tấm hình ông chụp trong ngày lễ thăng chức, nét mặt rạng rỡ tươi vui, hoa mai thật mới cài trên cổ áo. Trong chiếc quan tài chật hẹp đó. Tấm thân cường tráng của ông đã mang bao nhiêu vết đạn. Còn nguyên vẹn hay đã một phần nào mất đi. Đã bao lần thay thêm lớp kẽm bọc. Và linh hồn ông, chưa bao giờ tôi có ý niệm rõ rệt về linh hồn như hiện tại, đang rong đi xứ lạ hay cũng về đây Quanh quất đâu đây chứng kiến cảnh mẹ và các anh em tôi lúc này. Bao nhiêu ý nghĩ về ông quay cuồng, xoáy lốc tôi vào cõi sa mù. Tôi run lên sững mắt nhìn hình ông, nhìn quan tài ông, nhìn mẹ tôi, nhìn chị và em tôi. Có lẽ mắt tôi cũng sũng ướt, cũng đỏ hoe. Nhưng tôi không khóc. Tôi không thể khóc được như mẹ, như chị, như em tôi... Nhiều người đến thăm viếng, cũng có kẻ hiếu kỳ đến xem. Vài người vận quân phục, hình như bạn đồng đội cha tôi, thuật lại trận đánh và trường hợp cha tôi. Nhưng tôi không nghe gì cả. Dù những gì xảy ra thì ông cũng đã nằm đó trong chiếc quan tài bọc kẽm. Và đây là mẹ tôi, anh chị em chúng tôi. Thật xa cách !

Cho đến ngày đó, một ngày khó quên. Sau gần mười hôm bỏ nhà đi hoang. Mẹ tôi chạy khắp nơi tìm kiếm, Bà gặp tôi đang nằm trên ghế đá công viên, không la rầy, mà bà chỉ ngồi khóc. Khóc thật lâu « Cha con đã bỏ mẹ, bây giờ con còn muốn mẹ phải thế nào ? ».

Phải thế nào ? Phải thế nào đây hở mẹ ?

Con, một thằng con vừa mới lớn, đang sống với bao mộng ước mai sau. Bỗng đâu sụp đổ tan tành. Cha mất đi. Mất đi tất cả. Con biết làm gì đây với đôi tay nhỏ bé này. Rồi một ngày nào đó, một ngày rất gần con cũng vào lính. Con cũng tiếp nối thân phận làm người như cha con...

Nhưng không ! Con thật vô lý, con đã thấy rồi. Me ơi, Con đã thấy sai lầm nơi con. Tại sao con có thể vô lý vậy được Tại sao con lại đồng lỏa với cái chết của cha con để hành hạ mẹ. Tấm thân gầy guộc đó, mẹ được hưởng những gì từ ngày về với cha. Những ngày tháng mong đợi Những đêm dài thức trắng cầu nguyện cho cha trong cuộc hành quân. Nhiều lần mẹ đã đi bộ hàng chục cây số đến thăm cha nơi vị trí đóng quân vì đêm rồi, hướng đồn cha, mẹ nghe thấy nhiều tiếng súng, nhiều ánh hỏa châu, mặc dù đường đi nhiều mìn bẫy, mặc dù vừa trông thấy cha, mẹ đã bị cha rầy và cho lính đưa về. Mỗi lần đơn vị cha trở lại hậu cứ, cha còn bận họp

chưa về, mẹ đã hốt hoảng lên, chạy ngay vào doanh trại tìm hỏi tin cha. Gia đình mình vốn không ngoan đạo nhưng những năm gần đây mẹ thường lễ chùa và không một đêm nào mẹ quên tụng kinh cầu nguyện. Vậy mà bất hạnh vẫn đổ dồn xuống. Mẹ làm gì nên tội! Cha chết đi. Bây giờ ông đã yên mồ, yên mả. Tổ quốc ghi ơn ông. Nhưng mẹ và chị em chúng tôi mất ông, vĩnh viễn mất ông. Mẹ ơi bây giờ con về đây. Con về đây để làm một thằng con của mẹ để sống trong tình thương của mẹ...

□

Mùa hè lại tới nắng vàng chói chang như đem lại ấm áp cho gia đình tôi. Tuy công việc buôn bán tảo tần quá mệt nhọc cho mẹ tôi, nhưng bà không thiếu chăm sóc chúng tôi. Tôi ở nhà trông em giúp chị và thỉnh thoảng chạy ra quày hàng với mẹ tôi. Từ ngày lảnh thêm số tiền trợ cấp mẹ tôi đã sang được sạp vải trong chợ nên gia đình không đến nỗi túng quẫn. Chị tôi cũng trở lại bình thường. Công việc nhà dần dần quen đi không làm chị khó nhọc mấy. Những lúc rỗi, chúng tôi đem sách ra học chung chờ niên khóa

tới chị tôi vào học lớp đêm và tôi vào QGNT.

Những gì đến rồi cũng đến. Bây giờ tôi đã được vào trường Kỹ thuật QGNT. Với những bạn bè cùng cảnh ngộ, với những thầy cô hiểu biết mình hơn, tôi thấy bớt đơn lẽ. Tôi mất đi nhiều mặc cảm của kẻ mất cha — Mất cha là đồ mất dạy — Nơi đây, một môi trường cho tôi nhiều an ủi. Tôi đã tìm thấy lại tình thương nơi các thầy khả kính. Tôi như một vật tiềm sinh vừa gặp môi trường sống để nảy nở.

Và nay, ngày giỗ đầu cha tôi. Thật, tôi không nghĩ thời gian qua nhanh như vậy. Hình hài ông dễ đã tan vào cát bụi. Nhưng linh hồn ông, không biết có hài lòng với mẹ con tôi, bắt đầu thích nghi với nếp sống hiện tại ? Mẹ tôi đứng lên khấn vái, bà nhìn hình cha tôi thật lâu rồi nhìn chúng tôi. Tôi đến đứng sát cạnh bà, một làn hương ấm áp từ mẹ tôi tỏa trùm ôm ấp cả chúng tôi. Hơn lúc nào hết tôi đã cảm nhận được thật đầy đủ cái ý vị đậm đà của câu ca dao ;

Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một như đường mía lau

NGUYỄN TRƯƠNG HIỂN 9/2

(Trích Giai phẩm Xuân Phan Thanh Giản-1964)

TRÊN ĐỒI

T.CHYNH

Hai người đưa nhau lên đồi. Bầu trời đầy sương mù ở miền cao-nguyên khiến người ta không đoán biết được giờ khắc. Khi thời gian chuyển mình vào mùa xuân, trời rất lạnh. Mặt trời ở ngay đỉnh đầu vẫn không đủ sức nóng để tạo một độ ấm.

Hai người dừng lại ở lưng chừng đồi. Uyên ngồi xuống ngay vì cảm thấy chân đã mỏi. Thông vẫn đứng. Anh nhìn sang ngọn đồi bên kia. Một rừng cây dầy đặc ẩn hiện trong lớp sương mù.

— Anh nhìn gì thế ? — Uyên khẽ hỏi. Thông không trả lời, vừa ngồi xuống hỏi Uyên:

— Em có thấy gì không ?

— Có, một khoảng không đầy sương mù ngăn cách hai ngọn đồi. Chúng mình đang ngồi trên ngọn đồi cỏ, bên kia là ngọn đồi cây.

— Đúng rồi, còn phía dưới lớp sương mù là một thung lũng.

— Có con đường nào ở dưới đó không anh ?

— Có, chỉ có một con đường vừa một người đi.

— Tại sao lại vừa một người đi ?

— Vì đó là một con đường mòn.

Thông tiếp :

— Có một dòng suối chảy dưới đó.

Uyên reo lên :

— Ồ ! Một dòng suối, nước có mát không anh ?

— Trời lạnh như thế nầy mà mát làm sao được. Câu nói của Thông làm Uyên nhận thấy mình vô lý. Những lần đi với Thông, ngồi bên Thông, Uyên quên mất tất cả sự vật bên ngoài. Khi nghe Thông nói về một con suối, Uyên muốn mình là con suối đó. Con đường là con suối sẽ đi song song với nhau, Thông sẽ đi trên con đường đó. Và những lúc dừng bước nghỉ đỡ chân. Thông sẽ uống nước suối mát đó.

Sau câu trả lời của mình, thấy Uyên im lặng khá lâu, Thông ngỡ là Uyên giận, nên khẽ hỏi :

— Em giận Anh ?

Uyên giật mình, hỏi lại :

— Anh nói gì ?

Thông lập lại :

— Em không giận anh ?

— Không, anh không có làm gì phiền em đâu.

— Thế sao em không hỏi chuyện với anh nữa ?

— Em đang nghĩ...

— Nghĩ gì ?

— Em đang nghĩ đến con đường và dòng suối.

— Con đường đó thế nào ?

— Con đường đó là con đường mà anh đang đi và sẽ còn đi nữa.

— Thế còn dòng suối ?

— Dòng suối đó sẽ đi song song với con đường.

Dòng suối đó chính là em.

Thông thấy lòng mình se lại sau câu nói của Uyên. Qua đôi mắt sáng của Uyên, Thông thấy một niềm tin yêu mảnh liệt — niềm

tin đầu tiên của những người con gái biết yêu. Anh cố gắng đè nén cảm xúc để hỏi Uyên :

— Có bao giờ em nghĩ hai đường thẳng song song sẽ không bao giờ gặp nhau không ?

— Vâng, em đã nghĩ đến điều đó nhưng ở đây em muốn nói đến sự có mặt của em bên cuộc đời anh.

Không đợi Thông nói, Uyên tiếp :

— Dù trong cuộc đời anh có nhiều nỗi gian lao nhưng em vẫn không ngại khi giam hãm cuộc đời mình trong đó. Bao giờ em cũng là dòng suối kia. Nó sẽ có mặt trên suốt quãng đường mà anh đi sau nầy. Anh có tin như thế không ? Anh hãy cho em một niềm tin đi.

— Anh cám ơn em. Em đã đặt hết hy-vọng nơi anh.

Nhưng...

— Nhưng thế nào được ? Em vẫn muốn em là dòng suối kia.

— Em tha lỗi cho anh. Định mệnh không cho phép chúng ta...

Uyên ngắt lời .

— Định mệnh ! Tại sao lại nói tới định mệnh ? Đây là bàn tay của em. Anh hãy nắm lấy tay em để trao một niềm tin. Niềm tin của Anh cộng với niềm tin sẵn có nơi em giúp chúng ta chiến thắng được định mệnh.

Thông nắm tay Uyên :

— Nhưng...

— Nhưng thế nào được ?

Uyên gục đầu vào ngực Thông. Một lúc sau Uyên ngước lên. Mắt Uyên còn ướt nước mắt. Thông cúi xuống. Cúi xuống gần hơn nữa. Thông nghe rỉ tiếng tim mình đập nhanh, hơi thở dồn dập nhưng ấm hơn khi môi anh đặt sát môi Uyên.

Tiếng chuông giáo đường thong thả ngân vang kéo hai người trở về sự thật. Thông sửa lại bâu áo ấm của Uyên khẻ nói :

— Chúng mình về.

Uyên không nói, gật đầu. Hai người đứng lên dìu nhau xuống đồi.

Buổi chiều xuống rất mau. Hai người đi chậm lại. Họ không nói một lời nào. Trong cái không khí ngột ngạt của buổi chiều, Thông thấy mình hoàn toàn bất lực. Hôm nay anh định đưa Uyên lên đồi để bày tỏ lòng mình cho Uyên biết và sau cùng để từ giã Uyên vì anh sắp đi một chuyến xa. Nhưng cuối cùng trước tình yêu của Uyên. Thông không đủ can đảm dứt khoát được tình cảm của mình. Thông khẽ thở dài...

o°o

Cuộc đời quân ngũ đã làm Thông suy nghĩ nhiều. Từ núi đồi cát đá cho đến đồng ruộng sình lầy, không một chỗ nào anh dừng chân lâu cả. Thông có cảm tưởng mình là một kẻ lữ hành cô độc. Thông phải đi, đi để quên những gì hôm qua và để tìm hứng khởi cho cuộc sống. Dường như trong con người anh có sự bất định. Nó thôi thúc hướng dẫn cuộc đời anh. Anh chấp nhận sự bất định đó như người ta chấp nhận một định luật để hành động. Nhưng có đôi lúc dừng chân, trong một chuyến đi, nằm nghỉ dưới chân một ngọn núi, Thông thấy đời mình phi lý. Năm nay đi qua, năm khác đến. Thông vẫn thấy xung quanh mình toàn là núi rừng, đồng lầy. Thông không biết mình đã đi được bao xa, khởi sự đi đâu và đi về đâu. Đứng trước một ngọn đồi, Thông thấy mình biến mất. Thông muốn chạy một mạch lên đỉnh đồi, la lớn lên để biết mình có mặt trong cuộc sống hôm nay. Nhưng có lẽ tiếng la của anh sẽ tan đi trong biển cả hay chỉ được núi rừng vọng lại với tiếng thét của chính anh.

Anh trở về thành phố tìm cho mình sự có mặt đó. Anh đi xuống phố. Im lặng. Anh nghe tiếng giầy mình nện đều đặn trên vỉa hè. Một người đi qua, hai người đi qua ; rồi ba bốn người đi qua. Họ không buồn nhìn lại. Anh cúi nhìn quần áo, đôi giầy. Không có gì lạ, Bất chợt anh muốn mình trở lại một quái vật để được những người khác nhìn thấy anh

dù đó là những cái nhìn sửng sốt, sợ hãi. Thông bước đi. Có tiếng ồn ào ở cuối phố. Thông đi về phía ấy. Lúc đến gần, Thông mới biết người ta đang cười nói về một người điên. Tại sao mình không là một người điên ? Anh lắc đầu thở dài. Anh lại nghĩ đến một con chim sẻ được năm ba đứa trẻ chú ý, vương nả nhắm bắn. Phịch ! Con chim rớt xuống. Chúng nó chạy tới bắt lấy trong tiếng kêu la cuối cùng của con chim, Anh nghe thấy những lời giã biệt cuộc sống. Nó chán quá rồi. Suốt một kiếp chim, nó chỉ thấy vỏn vẹn một bầu trời và những cành cây quen thuộc. Nó bay đi tìm những bầu trời mới, nhưng vô ích. Cánh đã mỏi, nó đậu lại trên cành cây cũ, và sau cùng sự chết đến với nó. Không khác gì con chim ấy, Thông chỉ thấy núi rừng vây quanh anh. Thông đi tìm mới lạ. Chẳng thấy gì đáng nói cả. Có những đêm ngước nhìn bầu trời, những vì sao sáng khiến anh khao khát những cuộc sống mới. Anh thầm mong một ngày nào đó anh sẽ sống trên một hành tinh có vô số người ở. Nhưng làm sao đến đó ? Hoàn toàn là ảo tưởng.

Anh cúi đầu chấp nhận hiện tại.

Két... két, . . Két... Thông ngã xuống.

Chiếc xe hơi dừng hẳn lại. Tai nạn xảy ra vì suy nghĩ miên man, Thông đi giữa lộ mà không hay. Người đi đường chở anh vào bệnh viện. Qua một đêm mê sảng, anh tỉnh lại. Vết thương nơi đầu làm cho anh nhức nhối khó chịu. Anh cố nhớ lại những gì xảy ra. Anh nghĩ đến cái chết của một con chim sẻ. Anh còn sống. Thật là vô lý. Khi người nữ y-tá đẩy cửa bước vào anh mới biết mình còn sống thật.

Người nữ y-tá ấy chính là Uyên hôm nay.

T. CHYNH

TRẦN DZẠ LỮ

Gửi người hoa khôi Đồng Khánh

Rồi chiều nao ta trở về trường cũ
Đứng ngơ ngơ với nỗi nhớ bay vòng
Hương sứ còn thơm ngai ngái trước sân
Sao áo trắng,tóc dài xưa đâu nhỉ?

Em của một thời hoa khôi như thế
Của một thời mắt biếc mộng son tươi
Ta đã tốn biết bao chiều lặng lẽ
Theo em về nhưng tình vẫn mù khơi…

Em mấp mé bên kia đời gương lược
Nón cặp nghiêng nghiêng trên lối nhỏ đi về
Gió cũng thầm ghen với mắt sao khuya
Dáng đài các làm sao người có được ?

Hoa khôi hát biết bao là chim bướm
Cũng sửng sờ thôi dưới nắng mê mê
Thời trung học ta vẫn còn vụng dại
Làm thơ tình mà không dám trao tay…

Rồi mất em chỉ còn sầu ở lại
giữa hồn ta và hoá thành mưa bay
Giữa hồn ta kỷ niệm rung chuông hoài
Hoa khôi vẫn lặng thầm xa biền biệt!

Rồi chiều nay ta lại về trường cũ
Tìm em xưa giờ em ở phương nào?
Hương sứ vẫn còn thơm bên cửa sổ
Sao dấu đời người khuất nẻo chiêm bao?

CAO THOẠI CHÂU

Thư gửi cô học trò nhỏ

Trời đất cũng mừng em chóng lớn
(dẫu rằng hơi chậm trước dung nhan)
Hoa cũng mừng em hương thật ấm
Và nắng vàng thơm giữa đại ngàn.

Đã tốn thời gian ngồi thả tóc
Đã viết vu vơ xuống mặt bàn
Và một ngày kia còn phải đọc
Mấy ngày chưa hết lá thư xanh

(Sẽ hiểu đường xa trên mặt đất
Chỉ là khoảng cách rất không xa
Đường đi của chữ trong lòng giấy
Đi mãi mà không tới được nhà)

Đã biết soi gương và thấy thiếu
Một điều gì đó phía sau lưng
Phải có hai người em đã hiểu
Một mình nên thấy rất cô đơn

Và thấy rất dài đêm thứ bảy
Chuông đồng hồ nghe nhức trong tim
(Vào tuổi em xưa thầy cũng vậy
Nghe vô cùng nỗi nhớ mênh mông.)

NGUYỄN BÍNH

Trường huyện

Học trò trường huyện ngày năm ấy
Anh tuổi bằng em lớp tuổi thơ
Những buổi học về không có nón
Đội đầu chung một lá sen tơ

Lá sen vương phấn hương sen ngát
Ấp ủ hai ta chút nhụy hờ
Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc
Theo về tận cửa mới tan mơ.

Em đi phố huyện tiêu điều quá
Trường huyện giờ xây kiểu khác rồi
Mà đến hôm nay anh mới biết
Tình ta như chuyện bướm xưa thôi.

NGUYỄN TẤT NHIÊN

Chở Em Đi Học Trường Đêm

Chở em đi học mưa, chiều
Tóc hai đứa ủ đôi điều xót xa
Mưa thánh thót, mưa ngân nga
(hình như có bão băng qua thị thành!)
Bàn tay thiếu máu lạnh tanh
Cóng tôi chịu đựng cho đành luyến thương!
Chở em đi học mưa, buồn

Tôi Honda cũ trèo luôn dốc đời
Thình lình chết máy như chơi
Đừng tin lắm chuyện xa vời nhé em!
Đèo em qua dãy cột đèn
Khẳng khiu soi dõi đường đêm bóng người
Bóng xấp nhập, bóng tách rời
Bóng co, bóng dãn, bóng trôi dập dềnh...
(dối gian như bóng dối hình
Dối gian theo những lời tình gió bay ...)
Đèo nhau qua đoạn đời này
Cầu Trương Minh Giảng nghe đầy hoàng hôn
Mưa rỉ rả, mưa nguồn cơn
Mưa đâm lóc thịt, mưa dầm thuộc da ...
Chở em đi học mưa nhòa
Đường loang loáng nước lập lòa loáng cây
Lạnh vừa đủ siết vòng tay
Run đi em để sau này ... nhớ nhau ...
Chở em sa vũng lầy nào
Về nhà nói mẹ qua cầu sẩy chân!

HOÀNG LỘC

khi còn ở đệ tam

thuở ấy trời không mây trắng bay
thuở ấy lòng chưa biết đổi thay
tôi ngồi nhìn trộm em vào lớp
sách vở hờn theo những dấu tay

tôi nói mắt em màu đại dương

rồi nghĩ vì sao mình lại buồn
khi mùa xuân lạnh chùng vai áo
khi nắng hè qua tuổi học đường

em hát bài ca loài ve sầu
tôi thả lời thơ chiều không màu
hành lang dài để em dời gót
tôi vẫn buồn riêng dám nói đâu

năm mùa thu dưng vàng trong tôi
năm mùa xuân hồng em nét cười
lòng có gần đâu mà xa cách
tình có bao nhiêu mà ngậm ngùi

tôi giữ lời em đã quá xưa
e trời nổi gió mây giăng mưa
tuổi học trò bay rồi ai khóc
tuổi tình yêu trôi rồi ai chờ ?

thuở ấy trời xanh chỉ một lần
thuở ấy tình chưa bớt ngại ngần
tôi ngồi nhìn trộm em vào lớp
áo đã thu và tóc đã xuân

có phải em buồn hay vẫn tôi ?
có phải thơ hờn hay nắng rơi ?
bây giờ hai đứa nhìn không thấy
chỉ thấy sân trường cỏ uá phơi ...
1963

TRẦN BÍCH TIÊN

Nói Với Em Lớp Sáu

Này em lớp sáu này em nhỏ
Gặp em rồi không quên em đâu
Chiều nay hai đứa về qua phố
Rất tự nhiên mà ta quen nhau

Em chạy tung tăng không mắc cỡ
Chị thì bước bước chậm theo sau
Tuổi mười hai chị xa vời quá
Chị gọi em chờ, em chạy mau

Này em lớp sáu này em nhỏ
Em hãy dừng chân một chút lâu
Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ
Tóc em thơm ngát mùi hương cau

Hương cau vườn chị xa như tuổi
Ba má chị nằm dưới mộ sâu
Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa
Chị đi về hai buổi âm u

Gặp em ngoài phố mình như bạn
Thời mộng trong bàn tay nắm nhau
Chị ngắt cho em hoa cúc nhỏ
Em cười cái miệng mới xinh sao

Ngày xưa chị cũng như em chứ
Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào
Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm
Bạn bè đuổi bướm thật xôn xao

Những con bướm lượn trên bờ cỏ
Chị cũng như em chạy đuổi mau
Bây giờ bướm biệt trên đường phố
Em đuổi sương mù chơi chiêm bao

Này em lớp sáu này em nhỏ
"Gặp em rồi muôn thủa không quên"
Trời ơi câu đó ngày hôm trước
Ai rót vào hôn chị hỡi em?

Sách trên tay chị nghe chừng nặng
Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh?
Thôi nhé em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên

PHAN NHỰ THỨC

Bài tình buồn

người qua nhà tôi, mỗi ngày bốn bận
nón nghiêng che nên chẳng thấy tôi buồn
ngày bốn bận nhớ thương, tôi đúng hẹn
đứng đợi chờ nón trắng với tay thon

mười ngón tay thon của người con gái
- mười đắn đo suy tính chuyện ân tình
tôi nhìn thấy tay người chưa nhẫn cưới
vẫn ngại ngùng khi trao gởi thư xanh

lá thư ấy xanh xanh màu nước biển

xạnh như màu áo ấm của người yêu
nằm trong sách vẫn thơm từng ước hẹn
ngát tình thơ vừa nhớ sáng thương chiều

người vẫn thế áo học trò vẫn trắng
guốc thời trang kiêu hãnh bốn mùa cao
bàn chân thon đè trên biển cát
đêm chờn vờn tình ái rộn chiêm bao

tôi cơm áo, bây giờ xa sách vở
tuổi phiêu bồng rơi rớt một mùa xuân
thơ tình ái thôi bướm vàng cánh vỗ
còn tâm hồn: một gốc rạ cô đơn

THƠ VĂN SÁNG TÁC

TRẦM MẶC HOA HUYỀN

CON TRÂU PHÁO

Nhân dịp về thăm quê hương trong những ngày cuối năm, tôi và thằng bạn học cũ cùng xóm rủ nhau đi thăm các vườn hoa kiểng trong Huyện. Vừa để ngắm kiểng xem hoa vừa để tìm mua một chậu bạch mai đem về trang trí nơi phòng khách cho xôm tụ ra vẻ ngày Tư ngày Tết với người ta. Nó nói để tao chở mày đến xem vườn mai của ông Sáu ở xã Phước Thiền. Tuy ổng chỉ là nghệ nhân tài tử, không qua trường lớp nào cả nhưng phong cách, kiểu dáng uốn tỉa cây kiểng của ổng thật tuyệt vời.

Khi đến nơi. tôi thấy một ông lão tuổi độ ngoài tám mươi, mặc bộ bà ba trắng, lưng còng, râu tóc bạc phơ, mang kính trịch xuống gần chót mũi, đang lui cui ngắm nghía, cắt tỉa cành lá cây mai vàng trồng

trong chậu sành lớn có ba chân cao, màu diệp lục thật đẹp, đặt trước hiên nhà. Tôi nhìn ông chừng như quen quen. Té ra là chú Sáu Sộ, hồi trước ở đợ chăn trâu cho nhà bác Tám Sửu con ông Cả Ba ở cạnh nhà tôi. Chú cháu lâu ngày gặp lại quá đổi mừng vui, chú giơ tay vỗ nhè nhẹ trên má tôi như cha âu yếm nựng con, giọng run run:

- Mèn đét ơi! Mấy chục năm trời mới gặp. Nghe nói cháu đi Mỹ lâu rồi mà. Mới về hả? Hèn chi trắng trẻo, mập mạp, lạ quá làm chú nhìn không ra. Rồi chú dắt tay dẫn tôi vào nhà. Mời chúng tôi ngồi nơi chiếc bàn tròn màu cẩm thạch bằng đá mài ngoài hiên. Chú quay vào trong nhà dặn lớn:

- Liên! Con đem cho ba dĩa mồi nhậu lai rai trước, sẵn có cá mới tát đìa hôm qua, con làm một bữa cơm cho thật ngon để cha con mình đãi khách đặc biệt nghe con! Trong nhà giọng nói rất thân quen của Liên vọng ra:

- Khách nào mà đặc biệt dữ vậy ba?

- Con ra đây rồi sẽ biết! Chú Sáu trả lời

Những ngày cận Tết, ở quê tôi người ta thường chuẩn bị sẵn những món ăn nguội để đãi khách khi đến nhà chúc tụng nhau trong ba ngày Xuân như: nem, chả, giò thủ, lỗ tai heo ngâm giấm, thịt quay giả, lạp xưởng, dưa hành, tôm khô, củ kiệu... Liên bưng dĩa tôm khô củ kiệu , giò thủ, nem và thịt quay giả vừa bước ra khỏi cửa, nhìn thấy tôi, Liên giật mình chưng hửng, tay run lên xém chút nữa dĩa mồi rơi xuống đất. Chập lâu, nàng lấy lại bình tĩnh, tình tứ liếc tôi, xúc động hồi tưởng và hỏi trổng thật khẽ: "Về hồi nào? Tưởng quên Việt nam rồi chớ!". Liên đặt dĩa mồi trên bàn rồi ngoe nguẩy bỏ vào nhà. Chú Sáu kể sơ qua về cuộc đời đau khổ và đáng thương của Liên sau ngày nàng lấy chồng. Chồng Liên là một tên nát

rượu. Tối ngày chẳng những chè chén say sưa hoang đàng quán xá mà khi về nhà còn chưởi bới đánh đập vợ con. Hắn chết trong một đêm mưa gió ngoài nghĩa địa vì quá say không lếch nổi về nhà. Để lại cho nàng một đứa con gái bị bệnh si khờ và khuyết tật teo cơ chân vì ảnh hưởng dòng máu rượu chè của người cha nát rượu để lại... Gần mười năm trời mẹ góa con côi. Liên về tá túc bên nhà chú Sáu Sộ, trước là có nơi ăn chốn ở, sau là phụng dưỡng cha già khi tuổi đã xế chiều. Liên không dám bước thêm bước nữa vì những người đàn ông nơi Liên cư ngụ, sau ngày "giải phóng" và "đổi mới" mười người say sưa hoặc nghiện ngập ma xì ke ma túy đủ mười. Không biết vì họ buồn cho bỉ vận nước non, cho số phận con người hay vì rượu chè, nghiện ngập đã trở thành một "phong trào" một thứ bệnh dịch truyền nhiễm lây lan?! Với đôi mắt bồ câu đen tròn, làn da bánh mật, thân mình mảnh mai, rắn chắc của gái góa miệt vườn, nụ cười hiền đằm thắm nên tuy đã đứng tuổi nhưng nàng vẫn còn giữ được nét đẹp duyên dáng để thương. Tôi và Liên thân thiết và khắng khít bên nhau như anh em ruột từ thuở còn ở truồng tắm mưa. Chú Sáu không có con trai chỉ có hai đứa con gái. Thím Sáu mất sớm chú ở vậy làm gà trống nuôi con. Liên là con út. Nghe nói người chị của Liên theo chồng ra tận miền ngoài Quãng Bình, Quãng trị chi đó biệt tăm. Liên nhỏ hơn tôi ba tuổi. Lúc nhỏ chúng tôi học chung trường Tiểu học xã Phước Thiền. Vì không có con trai nên chú thương tôi như con ruột. Chú thường dẫn tôi về nhà cho ăn cơm, ăn bánh no nê và chơi đùa với gái Liên cho có bạn. Chú xin ba tôi cho tôi làm con nuôi để chú lấy hên, may ra thím sanh thêm cho chú một mụn con trai nối dõi tông đường.

Nhớ năm tôi vừa từ giã áo thư sinh, bước chân vào

Trường Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức được vài tháng thì Xuân về Tết đến. Chúng tôi được nghỉ phép về nhà ăn Tết. Chiều cuối năm tôi ra thăm gia đình chú Sáu. Chỉ có một mình Liên ở nhà. Năm nào cũng vậy, hễ gần đến tháng Chạp chú Sáu thường trồng bông để bán chợ Tết. Chú có thuê một chỗ bên góc chợ để bán bông và cùng chị của Liên ở ngoải luôn cho đến chiều ba mươi Tết mới trở về. Liên đang tắm. Lạnh run. Kêu tôi đem dùm cái khăn lau ra nhà tắm cho nàng vì nàng lỡ bỏ quên trong nhà. Nhà tắm nằm khuất trong vườn trầu, chỉ che sơ sài bằng ba tấm phên thấp chủm, quá ngực một chút. Cửa nhà tắm che lại bằng một tấm nylon chỉ cần một cơn gió thoảng qua là thấy rõ người tắm bên trong. Tôi vén tấm nylon đưa khăn tắm cho Liên. Một thân hình thon nhỏ, nõn nà, trần truồng sững sờ trước mắt. Tôi sượng sùng đỏ mặt. Đứng tần ngần như bị trời trồng. Nàng nghiêng người qua tránh né sự dòm ngó của tôi, thẹn thùng, mắc cỡ nói ú ớ trong miệng:

- Đi vô đi! Người ta đang tắm!...Tôi chẳng những không trở vô nhà mà còn chui qua tấm nylon thẳng vào nhà tắm, tiện tay lấy khăn lau nước cho nàng và truyền tải thân nhiệt đang nóng bừng từ thân thể của mình để sưởi ấm thân thể nàng trong cơn lạnh giá. Cả hai thân thể chúng tôi đều nóng rần lên một cách lạ lùng... Và, sau cái lần đưa hộ khăn tắm ấy...Liên đã là người của tôi!

Đời chinh nhân tôi như cánh chim ngàn phiêu bạc giang hồ không hẹn ngày trở lại. Liên mòn mỏi đợi chờ. Rốt cuộc rồi nàng cũng cất bước sang ngang, neo thuyền nhằm bến đục với người chồng nát rượu để giờ này cam chịu sống cảnh mẹ góa con côi uổng một đời Xuân!

Chú rót rượu, gắp mồi bỏ vào chén chúng tôi. Mời

nâng ly. Sau dó, chú vào trong nhà kéo ngăn tủ lấy ra tấm ảnh trắng đen, chụp khi chú còn nhỏ, đứng cười thật tươi tay vói ôm cổ con trâu đực cao to. Cổ con trâu bự sự như cổ voi. Chú thì lùn nên chỉ giơ tay vịn vào cổ nó chớ không làm sao mà ôm giáp vòng cho được. Tấm ảnh có vài chỗ bị tróc bay màu không còn nhìn thấy rõ. Chú lấy tay phủi phủi bụi, đưa tôi xem và hỏi:

- Hòa! Cháu còn nhớ con trâu Pháo này không? Cục cưng của chú hồi thời ở đợ chăn trâu đó nghen!

Nhìn tấm hình khiến tôi nhớ đến một kỷ niệm vui vui. Năm ấy, gia đình bác Tám Sửu có rước một anh thợ chụp hình nổi tiếng ở Quận về, tướng tá cao nhòng, ốm nhách, mang cặp mắt kính đen trông giống như điệp viên thứ thiệt. Cái máy chụp hình đen to như hộp trà Thiết Quan Âm Kỳ Chưởng cỡ lớn, treo tòn teng trước ngực, trông có vẻ như tài tử "xi nê". Bọn trẻ lối xóm xúm nhau chạy bu quanh sân nhà ông Cả Ba để xem chụp hình. Ông Cả Ba mặc đồ lễ phục. Áo dài xuyến xanh nước biển nổi chữ thọ vàng. Đầu đội khăn đống giống như khứa cá lóc kho. Tay cầm "batoong" bằng gõ mật lên nước đen xì, láng cón. Ngồi chiễm chệ trên ghế trường kỷ. Anh thợ chụp hình đặt máy ảnh lên cái giá có ba chân dang rộng ra cho khỏi ngã, rồi trùm phủ kín mi kín mít đầu cổ và chiếc máy ảnh bằng một tấm vải đen lớn, chỉ chừa phần ống kính ló ra ngoài. Không biết anh ngắm nghía cái gì ở trỏng, một lúc sau anh bảo ông Cả Ba: Cười lên đi ông Ba ơi! Ông Cả Ba nheo mắt, gượng cười miệng mồm móm xọm. Ừ!...Đẹp lắm! Chụp nghen...Hai...Ba. Rắt. Rắt. Đoạn anh giỡ tấm vải đen ra tươi cười nói xong rồi. Đến lượt vợ chồng bác Tám Sửu, rồi chị Tư Bò và anh Năn Ron con của bác Tám, ai nấy cũng ăn mặc bảnh bao, quần

là áo lụa, vàng vòng đeo đỏ cổ vàng tay. Vợ chồng bác Tám thì ngồi cạnh chậu hoa mồng gà đỏ và chậu vạn thọ vàng, còn chị Tư Bò và anh Năm Ron thì tay vin cành mai vàng miệng cười tươi như hoa nở. Sau đó ông Cả Ba bảo chú Sáu Sộ thay quần áo chụp một tấm làm kỷ niệm. Thuở đời nay, Tết nhứt người ta thường chụp hình có hoa lá cành cho nó đẹp, nó hên, còn đàng này, chú Sáu kêu anh thợ chụp hình lên trên chuồng trâu để chú chụp chung với con trâu Pháo. Anh thợ chụp hình vốn là dân thành phố rất sợ trâu nên lưỡng lự từ chối: Lên trển lỡ trâu thấy lạ nó chém hư máy chụp hình của tôi thì sao. Chú Sáu nói để chú bảo đảm cho, có chú bầy trâu không dám làm gì đâu mà sợ. Anh thợ chụp hình nhìn thấy con trâu đực Pháo lông đen mốc cao to dềnh dàng. Cặp sừng cong vòng nhọn hoắc, hất mặt nghinh về phía anh khình khịch cái mũi khiến anh ta sợ điếng hồn, run run lật đật chui đầu vào tấm vải đen, chú ôm cổ con trâu Pháo vuốt vuốt mặt nó cho anh thợ chụp hình chụp. Cũng may là anh trùm tấm vải đen nên bầy trâu không đá động tới, chớ nếu anh trùm tấm vải trắng chắc nó đã chạy bang tới chém anh một trận tơi bời hoa lá rồi. Vì tính bẩm sinh của loài trâu đen chúng nó rất ghét màu trắng! Bọn trẻ chúng tôi nhìn thấy cái tướng sợ trâu của anh thợ chụp hình xúm nhau vỗ tay cười rần lên. Khiến anh ta quê một cục, đỏ mặt tía tai, cuốn vải xếp máy, đi nhanh một nước về nhà ông Cả Ba, không dám quay mặt dòm lại. Tấm ảnh này là một kỷ vật quý giá nhất trong cuộc đời ở đợ chăn trâu của chú mà chú đã cất giữ suốt mấy chục năm trời.

Xã tôi thuộc miền Đông Nam phần, nên ruộng đồng không thẳng cánh cò bay như ở miền Tây. Ông Cả Ba là Hương Cả trong làng. Gia đình ông thuộc thành phần phú nông. Có trên dưới hai mươi mẫu ruộng và

hai mươi ba con trâu vừa đực vừa cái, vừa nghé vừa lớn. Con nào khi đẻ ra chú Sáu Sộ cũng đặt tên cho chúng. Nếu trâu cái thì tên Bầu, tên Bĩnh...Nếu trâu đực thì tên Pháo, tên Sấm, tên Hưu, tên Nai...Nghe nói chú Sáu chăn trâu cho ông Cả Ba từ lúc mười ba, mười bốn tuổi cho đến khi có vợ con, nhưng vẫn còn đầu đội nón lá bung vành, lưng đeo cơm gói mo cau, bình toong nước và tấm áo mưa hàng ngày thả trâu ra đồng. Vui cùng thảo nguyên bát ngát. Hít thở khí trời trong sạch, ngắm nhìn những cánh cò thong dong bay về nơi cuối trời xa vắng, hòa mình vào cảnh giới thiên nhiên hầu trút bỏ mọi lụy phiền nhân thế! Cho đến khi giặc giã nổi lên rần trời. Ông Cả Ba qua đời. Bác Tám Sửu lần lượt bán hết bầy trâu. Chú Sáu mới trở về sống với vợ con!

Tôi còn nhớ bầy trâu của ông Cả Ba con nào con nấy chú Sáu cũng đeo một cái lục lạc ở trên cổ, hình vuông cỡ như cái hộp đựng mứt Tết làm bằng ván mỏng, bịt kín ba phía, dưới đáy trống, bên trong có những que sắt nhỏ bằng ngón tay, hễ mỗi lần trâu bước đi lắc lư cái cổ hoặc ngoái đầu đuổi ruồi muỗi thì lục lạc kêu lốc ca lốc cốc nghe thật êm tai. Những buổi chiều khi nắng vàng ngã bóng, mặt trời đỏ rực như hòn than gác đầu trên rặng trâm bầu bên bờ Suối Lấp phía tây. Nghe tiếng lục lạc rền vang của bầy trâu Chú Sáu về chuồng, bọn trẻ chúng tôi chạy ùa ra đón nơi đường Cát Nước để được chú Sáu bế đỡ lên cõi trâu. Chẳng những chỉ có con trai chúng tôi thôi mà cả bọn con gái trong xóm cũng rắng mắc không thua, một hai đòi chú Sáu đỡ lên cõi trâu cho bằng được. Rồi cả bọn xúm nhau vỗ tay ca hát nghêu ngao. Chú Sáu cõi con trâu Pháo cũng vỗ tay vui cười hòa theo như trẻ nít. Ôi! Hạnh phúc làm sao cái thuở thanh bình trên quê hương đất nước!

Rượu đã cạn ly nhưng không ai buồn rót. Cả ba chú cháu tôi đều im lặng. Sự lặng im nhường chỗ cho dĩ vãng trôi về. Ôi! Những kỷ niệm thời thơ ấu đầy ắp thân thương, yên bình nơi quê nghèo yêu dấu đang sống lại trong tôi và trong cả chú Sáu nữa. Tôi thấy đôi dòng lệ già nua tưởng chừng như không còn đủ sức lăn trên đôi má nhăn nheo, gầy hóp hằn sâu nếp phong trần, đầy gian khổ, nghiệt ngã của thế gian mà chú đã gánh chịu trong mấy chục năm trời!

Chú như chợt tỉnh sau cơn đắm hồn vào quá khứ . Cái quá khứ mà suốt cuộc đời chú không thể nào quên. Chú gỡ kính xuống. Lấy vạt áo lau nước mắt. Rót rượu mời: "Mấy cháu cứ tự nhiên uống đi chứ. Hơi đâu mà đợi chú. Già rồi ưa nhớ chuyện xưa. Người ta thường nói tuổi trẻ thì nhìn về phía trước còn già thì ngó ngoái lại sau lưng". Rồi chú nâng ly: "Nè! uống cạn trăm phần trăm nghe mấy cháu".

Tôi vừa uống rượu vừa nhắc lại câu chuyện mà tôi đã chứng kiến tận mắt con trâu Pháo chém lộn giành đồng với con trâu Hổ làng kế bên. Lúc ấy trời mới vào Thu. Lá bần dọc theo bờ kinh, đê suối đã có vài chiếc nhuốm vàng. Cỏ bên đường cũng bắt đầu lấm tấm đọng sương mai. Những cánh đồng đã phủ màu xanh mơn mởn của lúa, dập dềnh theo gió heo may như tấm lụa trải rộng đến tận chân trời chờ đợi mùa bội thu sắp đến. Trâu bò không còn đất trống để ăn cỏ. Phần đông, ở quận tôi, trâu làng nào đều có đồng nấy. Nước sông không động nước giếng. Nhưng nay đã đến mùa vụ. Lúa cấy bít đồng nên không còn chỗ để thả trâu thong dong như những ngày tháng lên mùa. Chú Sáu lùa trâu qua cánh đồng Gò Dưa cho trâu ăn ké với bầy trâu của anh Bảy Tẹt làng Phước Lai. Mỗi bầy trâu đều có một con đầu đàng. Con trâu này có nhiệm vụ dẫn dắt và bảo vệ bầy trâu đàn em

của nó, nên rất khỏe mạnh và hung hãn lắm. Con trâu Pháo là trâu đầu đàn của bầy trâu chú Sáu. Trưa hôm ấy, tôi đi học về ngang qua đồng Gò Dưa đã chứng kiến một trận chọi trâu ly kỳ hấp dẫn chưa từng có. Con trâu Pháo của chú Sáu chém lộn với con trâu Hổ, con trâu đầu đàn của bầy trâu anh Bảy Tẹt để giành đồng. Bên con Pháo có ba con nữa theo hộ tống yểm trợ là con Nai, con Hưu và con Sấm. Còn bên con Hổ cũng có ba "đồng chí" hổ trợ. Chia ra hai phe cách nhau con mương thủy lợi nhỏ. Con nào trông vẻ mặt cũng hầm hừ, dữ tợn. Con Pháo và con Hổ chiến đấu tay đôi, còn những con theo yểm trợ thì mặt nghinh lên trời rống họng kêu nghé ngọ đi vòng quanh. Chúng cúi đầu mài sừng lia lịa nơi bờ ruộng hay các mô đất cao, hất bung đất cát văng lên tung tóe đầy trời. Từ hai thửa ruộng xa nhau, con Pháo và con Hổ đồn hết sức lực chạy băng về phía đối thủ. Bốn sừng đụng nhau cái "rốp" nghe đinh tai nhức óc, rồi gầm đầu xuống bốn chân lấy thế, dốc toàn lực đẩy đối phương. Sau đó lại dang ra, chạy một vòng như để lấy trớn rồi xáp vô đụng tiếp, gầm đầu đẩy, rồi ngẩn đầu lên dùng đôi sừng cong vút chém mạnh vào cổ vào đầu nhau. Bụi bay mù trời mịt đất. Những người đi làm, những học trò đi học về ngang hoặc đi ruộng xúm nhau bu lại coi đông như xem đoàn hát sơn đông mãi võ. Con Hổ lớn tuổi hơn con Pháo, tuy già dặn kinh nghiệm trong chiến đấu nhưng sức lực thì không bằng. Chúng chém nhau gần ba bốn tiếng đồng hồ mà vẫn bất phân thắng bại. Sau đó, con Pháo dường như đoán biết đối thủ tuy đã đuối sức nhưng vẫn còn hung hăng lắm nên nó giả đò thua chạy lùi lại. Thắng thế, con Hổ lấy hết sức nhảy qua mương, quyết tâm diệt địch. Không ngờ, con Pháo thừa cơ đối thủ vừa nhảy qua mương chân chưa kịp chấm đất, nó quay đầu lại,

dùng hết mười phần công lực hút một phát mạnh như vũ bão, khiến cho con Hổ rớt xuống mương, thân hình co quắp nửa trên bờ nửa dưới nước. Ba "đồng chí" còn lại của con Pháo thấy đàn anh thắng thế vội vàng nhào vô phò trợ, kiếm hôi. Còn phe bên con Hổ thấy "đại ca" mình bị thua trận bèn tháo lui chạy mất, bỏ bạn lo thân "tam thập lục kế dĩ đào vi thượng sách". Bây giờ tuổi lớn, nằm đêm gác tay lên trán ngẫm lại chuyện đời. Con người nhiều khi cũng vậy, khi đắc thời thắng thế thì có lắm kẻ theo bợ đít, nịnh nọt tung hô để nhờ vả chở che việc này việc nọ mong cầu lợi ích cá nhân mà không cần đếm xỉa gì đến tiếng đời nguyền rủa chê bay. Ngược lại khi bị sa cơ thất thế thì có những người trước kia từng cho là bằng hữu chi giao kể cả người thân quyến thuộc đều tìm phương xa lánh, vì sợ liên lụy, sợ vạ lây hoặc mang đến những phiền toái cho họ!

Sợ con trâu Pháo và đàn em chém một hồi con trâu Hổ sẽ chết, chú Sáu lật đật chạy ra can thiệp. Con Pháo thấy bóng chủ mình nên thả sừng ra. Con Hổ hì hục lòm còm đứng dậy rống lên mấy tiếng rồi ba chân bốn cẳng dẫn đàn em chạy tuốt ra khỏi đồng không dám ngó lại. Từ đó về sau đồng Gò Dưa thuộc quyền cai quản của bầy trâu chú Sáu, nhờ vào sự đắc thắng vẻ vang của con Pháo!

Tuy câu chuyện thuộc về dĩ vãng xa xưa. Nhưng sau khi nghe tôi kể, gương mặt chú Sáu bỗng trở nên rạng rỡ, nở nụ cười hồn nhiên như trẻ thơ mặc dù răng cỏ không còn. Như đắc chí và hảnh diện về sự thắng lợi của con trâu Pháo, chú gần gật cái đầu rồi rót rượu uống tiếp. Chú nói nếu có bạn tri kỷ cùng ngồi lại với nhau nhắc chuyện xưa, tích cũ thì dù rượu uống đến ngàn ly đi chăng nữa cũng chẳng thấy thấm tháp gì!

Đầu năm đầu tháng, không muốn nhắc nhở đến

những chuyện buồn, nhưng lỡ kể thì kể luôn cho có đầu có đuôi có mở có kết. Tôi quay sang hỏi chú Sáu về chuyện con trâu Pháo bị chết. Vì sự việc này tôi không được chứng kiến tận mắt. Chú đặt ly rượu xuống bàn. Đôi mắt nheo lại như hồi tưởng. Ngùi ngùi kể:

Cứ lệ cuối năm, các bạn cày, bạn ở đợ chăn trâu cũng như người ăn kẻ ở của những nhà phú hộ đều được chủ cho phép trở về nhà để vui Xuân hưởng Tết cùng gia đình. Chú Sáu Sộ cũng vậy, nhưng chú phải lùa trâu vào thả hoang trong rừng. Mỗi bầy trâu đều có một khu rừng riêng như trên những cánh đồng cỏ. Trời hừng đông chú vào rừng thả trâu, chiều đến, trở vô điểm danh và đốt lửa vừa để tránh thú dữ như cọp, beo, hùm, gấu đến quấy nhiễu vì chúng thấy lửa sợ có người và vừa để đuổi muỗi cho bầy trâu. Trâu thả hoang đều tháo gỡ tất cả dây cột dàm, mũi ra để chúng được tự do đi lại và bảo vệ cho nhau khi bị bắt trộm hoặc thú dữ tấn công. Trâu bò là loài động vật khôn ngoan. Ban đêm chúng xếp thành đội hình bể bảo đảm an toàn cho nhau trong lúc ngủ. Tất cả trâu nghé, trâu con đều dồn vào chính giữa như cái rốn, kế đến là trâu mẹ nằm bao xung quanh bảo vệ đàn con, rồi đến số trâu già, sau cùng là những con trâu đực tơ, khỏe mạnh kết thành một vòng đai lớn vừa canh chừng vừa chiến đấu với kẻ thù.

Chiều mùng bốn Tết năm ấy, chú vào rừng đốt lửa và điểm danh bầy trâu như thường lệ, nhưng không thấy con Pháo, con Nai, con Hưu và con Sấm trở về. Bầy trâu còn lại thì đang gầm đầu mài sừng như chuẩn bị chiến đấu. Chú đoán biết là có điềm không hay xảy ra cho bầy trâu. Chú nghĩ, một là Tết Nhứt bọn thua cờ bạc lén vào rừng trộm trâu rồi đem bán đổ bán tháo cho các lò thịt để lấy tiền gỡ vốn. Chuyện này xảy ra

thường xuyên ở Quận tôi. Vào dịp Tết Các lò sát sinh đều chuẩn bị sẵn tiền để mua trâu bò của bọn trộm cướp với giá rẻ mạt, ra Giêng ra Hai chúng tung ra chợ bán lấy lời thập bội. Hai là đánh nhau với lũ cọp bị chúng nó giết mang xác vào rừng sâu để ăn thịt. Chú hoãng hồn chạy về làng báo tin. Thanh niên trai tráng trong làng lật đật ùa nhau chạy vào rừng, kẻ cầm đèn "pin", người xách đèn lồng, đèn khí đá, đuốc...túa nhau đi tìm trâu. Nhưng tìm cả đêm vẫn không phát hiện được gì. Sáng hôm sau lại đi tìm tiếp đồng thời cho người đến hỏi thăm các lò sát sinh nhưng vẫn không thấy tăm dạng chúng đâu cả. Ba ngày sau, những người làm cây đi xe be vào rừng sâu nghe thấy mùi sình thúi. Khi họ đến nơi thì thấy con trâu Pháo đang gầm đầu ghìm bện cứng ngắt xác con cọp đã chết sình ươn vào sát gò mối cao, còn ba con trâu kia bao xung quanh, đi qua đi lại canh thủ bên ngoài. Họ về cho xã hay tin. Chú Sáu cùng trai tráng trong xóm chạy vào. Khi thấy bóng dáng chú Sáu, con trâu Pháo liền sụp quỵ xuống vì quá đuối sức. Suốt ba ngày đêm ròng rã chúng không ăn không uống gì mà cứ lo giữ mãi cái xác con cọp đã chết vì chúng sợ buông ra con cọp hung dữ kia sẽ phản công trở lại. Chúng là loài vật thì làm sao biết được con cọp kia chết đã ba ngày rồi. Cổ con trâu Pháo bị móng chân cọp móc một lỗ lớn. Tuy đã cầm máu nhưng các sớ thịt bị hôi thúi ruồi nhặng bu đầy. Còn ba con trâu kia con nào cũng bị cọp quào trầy da xước thịt nhưng không đến đổi nặng bằng con trâu Pháo. Vì nó gan dạ trực chiến tay đôi với chúa sơn lâm cũng như đã từng oanh liệt chiến đấu với con trâu Hổ ngày nào. Và cũng nhờ sự chiến đấu kiên cường này mà bầy trâu của ông Cả Ba không mất một con nào dù là trâu mới sanh vài ba tháng.

Sau đó chú Sáu thuê xe chở ba con trâu về nhà, cho ăn uống bổ dưỡng và chạy chữa thuốc thang cho chúng như con cái của mình. Nhưng vết thương trên cổ con trâu Pháo quá sâu và móng vuốt loài cọp quá độc nên vết thương càng ngày càng ăn sâu vào cuống họng. Con trâu Pháo bỏ ăn bỏ uống. Nửa tháng sau vào một buổi chiều, mưa Xuân lất phất, nó đã lìa đời. Phủi xong một kiếp làm trâu bò mang lông đội sừng trả nợ thế gian. Chú Sáu Sộ thương tiếc con Pháo buồn bã khóc suốt mấy ngày!

Người ta thường nói "ngu như trâu bò". Nhưng chúng còn biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết một lòng chống lại sức mạnh của kẻ thù hung bạo như mãnh hổ để bảo vệ đồng loại dù phải hy sinh tánh mạng. Huống hồ chi con người tự cho mình là thông minh khôn ngoan tài trí bậc nhất trên hành tinh này mà lại đi hận thù, chém giết lẫn nhau. Dùng quyền uy bạo lực bắt bớ tù đày, đàn áp gây nên biết bao cảnh điêu linh thống khổ cho chính dân tộc nòi giống của mình cũng vì bả lợi danh! Thật đáng buồn thay!

Về phần Liên và tôi, hiện giờ đầu đã điểm sương, mỗi người đều có một gia đình riêng, một số phận riêng, chỉ còn đối xử với nhau bằng tình nghĩa anh em, mặc dầu chúng tôi đã có một thời yêu nhau say đắm. Tôi có gởi cho chú Sáu và Liên một ít tiền gọi là làm quà cuối năm nhưng cả hai đều từ chối không nhận. Gia đình chú Sáu hiện giờ khá giả lắm nhờ bán mấy lô đất ở ngay mặt tiền đường liên tỉnh.

Từ giã chú Sáu ra về, tôi bỗng nhớ đến những người bạn lưu vong thường nói pha trò dí dỏm rằng những người sống tha hương nơi đất khách quê người, đa số đều thay tên đổi tuổi. Anh A vào Quốc tịch Mỹ đổi tên là Tony, chị B đổi tên là Cindy, anh C đổi tên

thành Tomy...Còn tuổi của mười hai con Giáp đều đổi thành tuổi Sửu, nghĩa là đi cày suốt mùa thu, làm việc tám giờ một ngày chưa đủ, còn tranh thủ làm overtime. Tôi khẽ lắt đầu mỉm cười tự nhủ: Năm nay đúng là "năm tuổi" của mình, không biết hung hay kiết, mặc dù tôi sanh vào năm Hợi!

Kansas City, Xuân Kỷ Sửu 2008

ĐÀO ANH DŨNG

Cũng không cần đâu

Hôm nay thứ bảy, thay vì ngủ thêm một tiếng đồng hồ như thường lệ, vợ chồng Tuấn thức dậy sớm vì có một cái hẹn vào lúc chín giờ sáng. Điệp, vợ Tuấn, lui cui pha bột, trộn thịt, luộc trứng. Chị làm bánh bao cho buổi điểm tâm gia đình. Tuấn nấu nước để pha trà, cà phê, lát nữa đãi khách. Chợt nhìn qua khung cửa sổ, anh bắt gặp mặt trời vừa ló dạng, ửng hồng qua làn tuyết mỏng đang lất phất bay. Thật là đẹp. Anh thơ thẩn nhìn khung cảnh sau nhà. Tuyết phủ kín sân cỏ, các mái nhà, cùng những nhánh cây và cả con đường quanh co chạy quanh xóm. Đường vắng. Không một bóng xe. Không gian cô quạnh, im lặng, lạnh lẽo làm Tuấn chạnh nghĩ đến đám tang của bà Elizabeth cách nay độ ba tuần lễ. Hôm ấy, trời cũng đổ tuyết khi vợ chồng anh đến viếng thăm và đưa bà đến mộ phần. Một đám tang lạnh lùng, cô đơn như cuộc sống cuối đời của bà, một quả phụ anh chị quen biết qua công việc thiện nguyện với hội Bạn Của Những Người Cao Niên gần bốn năm qua. Hai ngày nay anh chị suy nghĩ, bàn luận nhưng vẫn chưa hiểu lý do nào khiến văn phòng luật sư Ngân gửi thư thông báo và sau đó gọi hẹn để gặp giải thích về một việc có liên quan đến bà Elizabeth.

Tuấn bảo thầm: "Ừ, mới đó mà gần bốn năm rồi!" Nhớ lúc ấy, vợ chồng con cái Tuấn đã tạm yên nơi ăn chốn ở. Ba đứa con không còn nhiều trở ngại ngôn ngữ, đã theo kịp chúng bạn trong trường học. Chị hoàn tất khóa cắt tóc và trang điểm, đã có việc làm bán thời gian. Anh xong chương trình "Nutrition Science" (1) sáu tháng ở trường huấn nghệ. Nói cho oai, chứ đó là nghề nấu bếp. Nghề không cao sang nhưng đã giúp anh kiếm được việc làm trong một cơ xưởng thực phẩm. Anh không phải nấu nướng gì hết, chỉ trông nom các miếng bột bánh mì đã đi qua máy nhồi trộn, giai đoạn lên men, nặn thành bánh. Chúng phải đúng khuôn khổ, tiêu chuẩn vệ sinh, nằm ngay ngắn trên làn giây cuốn, lần lượt được đưa vào phòng đông lạnh. Cũng may, công việc ca hai, không nặng nhọc, không đòi hỏi trí óc, anh mới có thể trở lại đại học vào buổi sáng nhờ vào trợ cấp học phí của công ty. Nghĩ đến công ty, Tuấn cảm thấy mình có phần may mắn hơn nhiều bà con đồng hương.

Cơ xưởng Tuấn đang làm công nhân trực thuộc một đại công ty chuyên sản xuất và tiếp thị nhiều loại thực phẩm, món hàng cho giới tiêu thụ. Do đó, công ty chú trọng đến công tác giao tế nhân sự, bảo trợ tài chánh cho nhiều cơ quan, công việc thiện nguyện, và khuyến khích công nhân viên cùng gia đình tích cực tham gia. Đầu tiên, Tuấn theo bạn đồng sự làm việc thiện nguyện trong chương trình "Lái Xe Giao Thực Phẩm" (2), hai tuần một lần phân phối các phần ăn trưa cho quí cụ sống một mình tại nhà. Nhờ công việc này, Tuấn biết đến hội Bạn Của Những Người Cao Niên và hai buổi tiệc thường niên trong ngày lễ Tạ Ơn và lễ Phục Sinh do công ty tài trợ. Anh cùng vợ con tham gia nấu nướng và tiếp đãi quí cụ không thân

nhân đang sống ở các viện dưỡng lão. Gia đình Tuấn quen với bà Elizabeth trong buổi tiệc này.

Trong những khúc quanh của cuộc đời, có nhiều lúc Tuấn cảm thấy tâm tư mình giao động vì những hoàn cảnh đặc biệt. Ngày lễ Tạ Ơn năm ấy, nhờ thời tiết tốt quí cụ đến dự tiệc khá đông. Bà trưởng toán yêu cầu vợ chồng Tuấn và các con phụ giúp tiếp đãi khách, thay vì làm việc trong bếp. Theo lời chỉ dẫn, Tuấn chào hỏi, trải khăn ăn dùm một bà khách rồi mời bà dùng nước táo đã hâm ấm trong lúc chờ món ăn chính. Bà khách tuổi độ bát tuần, mặc áo màu đỏ, tay run run bưng ly nước táo, nói: "Cám ơn." Khi ấy, Tuấn đã tiếp hơn mười vị khách và còn nhiều khách khác đang chờ anh phục vụ. Anh định trả lời bà cụ: "Không có chi.", rồi quay sang tiếp ông khách kế bên, nhưng lòng chợt thấy bất nhẫn, không đành bỏ đi. Tuấn đưa tay đở ly nước, bà khách ngước mắt nhìn anh, một ánh mắt hiền hòa trên một khuôn mặt có gì là lạ. Bà uống một hớp rồi nhè nhẹ nắm tay Tuấn, nhìn anh, nói: "Cám ơn con". Lúc ấy Tuấn mới nhận ra môi son của bà tô tèm lem, loe loét trông thật tội nghiệp. Thoáng nhìn đôi bàn tay nhăn nheo, run rẩy của bà, anh biết được lý do. Phụ nữ mấy ai không thích làm đẹp? Tuấn tiếp tục công việc của mình, nhưng hình ảnh đôi bàn tay run rẩy của bà khách mặc chiếc áo đỏ cứ ở mãi trong lòng anh, làm cho anh nhớ đến người mẹ thân yêu của mình. Mẹ ơi, giờ này ở quê nhà, mẹ đang làm gì? Bàn tay của mẹ sau bao năm làm lụng phụ ba nuôi nấng chúng con, bàn tay nấu từng chiếc bánh làm quà thăm con khi con học ở quân trường, thời gian con đóng quân ở tận Cà Mau, và những năm tháng con ở tù cải tạo, bàn tay của mẹ nay chắc đã run rẩy theo tuổi đời chồng

chất như bàn tay cụ già này. Sáng mơi mẹ thức dậy, có ai têm dùm mẹ miếng trầu, có ai giúp mẹ pha ấm trà không . . .

Tiếng chạm ly của bà cụ lôi Tuấn trở về thực tế. Sau loạt tiếp nước táo, Tuấn biết mình phải làm gì. Anh tìm gặp Điệp, vợ anh, và cho chị hay tình trạng của bà khách. Nổi máu "nghề nghiệp", Điệp muốn giúp trang điểm môi son cho bà cụ, nhưng chị sợ quá đường đột vì đang giữa bàn tiệc. Dầu vậy chị vẫn để mắt trông chừng. Một lát sau Điệp thấy bà chống gậy ba chân chậm chạp đi về hướng phòng vệ sinh. Chị vội vàng chạy đến giúp, và trong phòng vệ sinh chị xin phép được trang điểm lại môi son cho bà. Bà vui vẻ chấp thuận, bảo rằng già rồi, ai mà để ý đến mình, nhưng trước khi ra ngoài, là phụ nữ mình phải sửa soạn áo quần, tóc tai, mặt mày cho tươm tất một chút thôi. Bà còn ngước nhìn Điệp, nói như phân bua rằng vài ba năm nay, đôi tay của bà dở chứng, không theo ý của bà nữa. Bà lại cười nụ, cái miệng móm mém trông vừa buồn cười vừa dễ thương khiến Điệp xúc động nhanh nhẩu đáp lại bằng một lời an ủi lí nhí trong miệng.

Bà khách đưa cho Điệp chiếc bóp đầm da cá sấu cũ kỹ, bảo chị trong đó có thỏi son và khăn *kleenex*. Chị dùng chiếc khăn giấy chặm nhè nhẹ, bôi đi những vết son loang cho bà khách mà lòng rưng rưng như đang chăm sóc cho chính người mẹ của mình còn ở lại quê nhà, với bao nỗi nhớ thương khôn nguôi. Chị cố dấu cảm xúc ấy đang muốn dâng trào trên đôi mắt vì sợ có thể làm bà khách bối rối. Điệp nhớ lại hôm chị về nhà cho mẹ hay anh định nộp đơn xin đi Mỹ. Chị rất phân vân vì mình là con gái duy nhất của mẹ, sớm tối mẹ con hủ hỉ, chị đi rồi biết người chị dâu có lo trọn vẹn cho mẹ hay không. Khi

ấy mẹ đang ngồi trên bộ ván, vai mẹ vắt chiếc khăn rằn, miệng mẹ bỏm bẻm thong thả nhai trầu, nước cổ trầu chảy ra hai bên mép mà mẹ không hay. Hình như mẹ đang suy nghĩ điều gì lung lắm. Một chập sau, theo thói quen, mẹ lấy chéo khăn chùi miệng, bảo: "Con phải đi vì chồng đâu, vợ đó, vì tương lai của mấy đứa nhỏ. Còn thằng Tuấn, họ thả nó ra, họ có để nó yên hay không? Các con cứ đi, đừng lo cho má. Má còn sống đây hay sau này theo Ông theo Bà, các con sống hạnh phúc là má yên lòng, má vui rồi." Trời ơi, mẹ thương, mẹ hy sinh cho chị như vậy mà sao lúc ấy chị không biết lấy khăn chặm môi cho mẹ. Đó chỉ là một biểu lộ nhỏ nhoi để tỏ lòng thương mẹ mà chị lại vô tình để hôm nay chị làm việc này với một người xa lạ . . .

Tình cờ đưa đẩy vị khách mặc chiếc áo đỏ hôm ấy là bà Elizabeth. Sau buổi tiệc bà tìm gặp Điệp, cám ơn chị rối rít. Bà lại vui hơn khi biết Tuấn là chồng của Điệp, trò chuyện đến lúc xe buýt đến đón về viện dưỡng lão cũng chưa dứt. Bà trao đổi với Điệp số điện thoại và chị hứa sẽ đến thăm bà. Mối thân tình giữa bà và gia đình anh chị ngày càng thắm thiết sau vài lần thăm viếng, tâm sự. Bà nguyên là giáo chức hồi hưu. Sau khi ông tử trận trong cuộc chiến ở Đại Hàn, bà ở vậy nuôi con, một trai, một gái. Brian lớn lên, gia nhập Thủy Quân Lục Chiến, rồi cũng chết trận ở Việt Nam. Bà bảo, lúc ấy bà có cảm tưởng như mình hai lần quả phụ. Kathy, cô con gái của bà có gia đình ở tận California. Vì nhiều khó khăn trong cuộc sống, cô ít khi về thăm bà. Bà còn có một hai thân nhân ở địa phương đôi khi có viếng thăm, nhưng chỉ trong giây lát. Bà gần như sống lẻ loi một mình. Do đó, mỗi tuần Điệp thường đến thăm, trò chuyện, có khi cắt tóc cho bà, nhân tiện bà

dạy chị phát âm, đàm thoại Anh ngữ. Thỉnh thoảng Tuấn đến đón bà đi ăn cơm Việt Nam với gia đình anh chị. Ngày lễ Phục Sinh và lễ Tạ Ơn, vợ chồng con cái Tuấn đến sớm để chị chải tóc, trang điểm cho bà, xong mới đưa bà đến dự buổi tiệc thường niên.

oOo

Luật sư Ngân tìm ra ngôi nhà của người ông có hẹn thật dễ dàng nhờ vào chiếc máy GPS (3), một trong những món trang bị căn bản của chiếc Lexus sang trọng ông đang sử dụng. Tay xách chiếc cặp da đen, tay bấm khóa tự động, ông nói thầm: "Phải cẩn thận, khu này không được an toàn đâu!" Ông nhận "ca" này không ngoài mục đích kiếm thêm khách đồng hương vì độ này công việc khá chậm. Một tổ hợp luật sư người Mỹ thuê ông lo vụ này, nhỏ thôi, nhưng biết đâu qua đầu giây này ông có thể "tư vấn", bày ra một mối kiện tụng khác. Hơn nữa họ trả 100 đô la một giờ, tội gì không làm. Vả lại, thứ bảy này ông quá rỗi rảnh. Vợ ông đã đi Las Vegas du hí cùng nhóm bạn của bà. Cậu con trai của ông đi trợt tuyết cuối tuần ở phía bắc tiểu bang, còn cô con gái thì dự buổi "ngủ qua đêm" (*pajama party)* ở nhà bạn từ tối hôm qua.

Theo thói quen, sau khi bắt tay chào thân chủ, luật sư Ngân đưa ngay tấm danh thiếp và nhanh nhẹn giới thiệu các dịch vụ và thành tích của văn phòng cố vấn pháp luật của mình:

- Chào ông, tôi là luật sư Ngân, giám đốc văn phòng tư vấn pháp luật, đặc biệt bảo vệ quyền lợi cho đồng hương người Việt từ hơn 10 năm nay. Chúng tôi đã phục vụ thành công cho rất nhiều đồng bào, từ

DWI (4), bảo lãnh thân nhân, vị hôn phu, hôn thê, quí vị cao niên nhập quốc tịch, cho đến tai nạn giao thông hay trong sở làm, di chúc, đại diện thân chủ trong việc mua bán bất động sản, cơ sở thương mại . . .

Tuấn choáng váng trước câu chào hàng của luật sư Ngân. Anh buồn cười, nghĩ đến các nhân vật luật sư "săn xe cứu thương" (5) trong tiểu thuyết của John Grisham (6). Anh cố gắng nhã nhặn:

- Dạ, chào luật sư. Xin mời luật sư ngồi. Luật sư dùng gì, trà hay cà phê hay nước lọc?

- Trời lạnh. Ông cho tôi xin tách cà phê.

Chủ nhà vừa quay lưng, luật sư Ngân đảo mắt quan sát theo thói quen nhà nghề. Gian phòng khách nhỏ nhắn. Bàn ghế cũ kỹ nhưng khá ngăn nắp, chưng dọn theo lối Việt Nam. Bàn thờ gia tiên với lư hương, cặp chân đèn và vài tấm ảnh người quá cố, dưới là chiếc máy truyền hình. Tranh sơn mài hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị cởi voi ra quân, đồng hồ cắt theo hình thể bản đồ Việt Nam có in lá cờ vàng ba sọc đỏ, lịch Tam Tông Miếu treo trên tường, cùng ba chiếc nón lá bài thơ làm cảnh. Vài tờ báo "chợ", một tạp chí, quyển hồi ký của một nhân vật nổi tiếng Việt Nam, một bìa DVD ca nhạc nằm trên bàn, trước ghế sa-lông. Luật sư Ngân khẽ cười, ông đoan chắc đây là một gia đình cựu tù nhân cải tạo. Trong đầu ông phát họa ngay vài câu hỏi và câu trả lời xã giao cho thích nghi. Đó cũng là thói quen của một luật sư.

- Dạ, mời luật sư dùng cà phê.

Luật sư Ngân mỉm cười, giọng thân thiện:

- Cám ơn ông. Xin lỗi, ông . . . ông là . . là chồng của bà Điệp phải không? Chẳng hay ông bà định cư ở thành phố này được bao lâu rồi mà tôi chưa bao giờ gặp?

Tuấn mỉm cười, thầm nói trong đầu: "Ông chào hàng tươm tướp như gã bán xe hơi làm sao tôi có cơ hội mà tự giới thiệu!" Các nhân vật tiểu thuyết John Grisham lại lướt qua ra trong tâm trí, anh vội xóa chúng ngay, trả lời câu thăm hỏi của luật sư Ngân:

- Dạ, tôi tên là Tuấn. Nhà tôi là Điệp. Mới đó mà chúng tôi định cư ở đây gần sáu năm rồi, thưa luật sư.

- Ừ, thời gian qua mau thật. Xin ông cho tôi hỏi thăm, ông bà là thuyền nhân, HO hay là sang đây do thân nhân bảo lảnh?

- Dạ, tôi tù cải tạo. Trước 75, tôi phục vụ ở Năm Căn. Hải quân.

Luật sư Ngân vỗ vay Tuấn, la to lên, giọng mừng rỡ:

- Trời đất! Vậy tụi mình là anh em trong quân đội với nhau rồi!

Rồi một lần nữa ông bắt tay Tuấn.

- Tôi, khóa 16 Thủ Đức. Di tản 75.

- Dạ, vậy thì lúc tan hàng chắc luật sư cũng đã là Tá rồi!

Thật ra, Tuấn đâu có biết vừa mãn khóa 16 luật sư Ngân được biệt phái ngay về một bộ, do người bác trong giới chính trị thời ấy can thiệp. Ông không có dịp nào mặc chiếc áo *treillis* (7). Nhưng điều ấy không là một trở ngại cho ông khi giao thiệp với đồng hương cựu quân nhân hay tù cải tạo. Ông theo đúng sách vở "không hỏi, không nói", chỉ lập lờ:

- Thôi, chuyện xưa rồi. Tá với tiết gì nữa. Chú gọi tôi bằng anh, thân mật hơn, là tôi vui rồi. Trong nhà tôi thứ tư. Còn chú thứ mấy?

Cử chỉ thân thiện của luật sư Ngân tuy có làm Tuấn khá ngạc nhiên nhưng anh cũng thấy cởi mở hơn. Anh cười, nói đùa:

- Dạ, mô Phật! Em thứ bảy. Chứ nếu em thứ hai hay là ba thì . . . anh em mình khó gọi à nghen.

Từng làm nhiều dịch vụ tư vấn luật pháp với đồng hương, luật sư Ngân biết không ít người Việt còn nhạy cảm với chuyện "kẻ đến trước, người tới sau", "trâu chậm uống nước đục" lắm. Vì thế, ông không đá động đến việc ông di tản cả tuần lễ trước biến cố 30 tháng 4, nhờ có bà xã làm việc cho cơ quan DAO (8). Ông chỉ kể cho Tuấn nghe những khó khăn khi mới đến, ngôn ngữ dị đồng, nhưng ông cố gắng tiếp tục học, giật được mảnh bằng tiến sĩ Luật, không ngoài mục đích làm rạng rỡ giống nòi, giúp đỡ đồng hương, và sau đó là nuôi sống gia đình. Ông bảo rằng xứ này không ai chết vì thiếu ăn, thiếu mặc. Điều quan trọng là người Việt phải chung lưng đâu cật, đoàn kết, giúp đỡ nhau, để thành công trên đất "tạm dung" này, mới có sức mạnh mà tranh đấu cho tự do, độc lập thật sự cho đất nước. Bài bản về mình, luật sư Ngân biết bấy nhiêu đó là đủ, ông còn cần chú trọng đến đối tượng để gây cảm tình. Ông hỏi Tuấn thật nhiều, về những gian nguy, khổ cực khi phục vụ trong quân đội, những nỗi ê chề khi nước mất, nhà tan, đi tù cải tạo . . . Tuấn thật tình kể cho ông nghe chuyện đã qua và những ước vọng cho tương lai, như những lời tâm sự với một bạn đồng ngũ, mặc dù chiếc áo lính đã rời vai anh hơn 20 năm rồi. Luật sư Ngân kiên nhẫn, khéo léo chờ cho Tuấn kể xong chuyện mình, sau một vài phút im lặng, ông định vào đề, nhưng ông đổi ý, hỏi Tuấn:

- Chú phục vụ trong Hải Quân mà sao không thoát được vào năm 75?

- 30 tháng Tư em ở căn cứ Năm Căn, chưa vợ con, có đi cũng dễ, nhưng em tự ái, mất khôn, anh à. Em nghĩ Mỹ nó đã bỏ mình mà mình chạy theo nó thì

còn thể thống gì nữa? Ra tù cải tạo vào thời "mở cửa", thấy người Đại Hàn rần rộ kéo sang làm ăn, em mới "ngộ" ra. Mình nói Mỹ nó bỏ mình vì nó đã bắt tay với thằng Trung Cộng, không cần dùng mình làm "tiền đồn chống Cộng" nữa. Vậy thì tại sao nó không bỏ Đại Hàn, hàng năm phải tốn bạc trăm triệu duy trì các căn cứ ở đó, trong lúc mình xin có ba trăm triệu để đánh giặc, nó không cho? Theo em, mất nước là tội của dân miền Nam mình, anh à. Khó mà đổ lỗi cho ai…

Luật sư Ngân thấy câu chuyện ngã màu chính trị, một điều tối kỵ trong việc làm ăn, ông vội rào đón và vào đề:

- Thôi, chuyện cũ, nói ra đau lòng chứ không ích lợi gì chú à. Gặp nhau ở xứ lạ quê người, tâm tình bên tách cà phê nóng, ngoài kia trời giá lạnh, thật là ấm cúng, làm anh quên đi mục đích của cuộc gặp gỡ này. Chú thứ lỗi cho anh nghe, mãi mê nghe chú kể chuyện, anh quên không hỏi thăm thím. Chính ra, thím là người anh muốn gặp để thảo luận về di chúc của bà Elizabeth Spencer đó chú.

Tuấn rất đỗi ngạc nhiên, anh vội xoay người về hướng căn bếp, gọi Điệp:

- Em ơi, ra đây. Anh Ngân muốn nói chuyện với em về bà Elizabeth.

Điệp đưa tay vén lại mái tóc, bước ra căn phòng khách, gật đầu chào luật sư Ngân.

- Dạ, chào luật sư. Hôm nay tôi có làm vài cái bánh bao ăn sáng. Bánh chín rồi, mà anh Tuấn với luật sư cứ mãi mê trò chuyện, tôi không dám quấy rầy mà mời. Sẵn đây, xin mời luật sư dùng buổi điểm tâm với chúng tôi cho vui.

Luật sư Ngân đứng dậy, gật đầu chào Điệp, giọng thân mật:

- Chào thím, tôi với chú Tuấn là anh em trong quân đội với nhau. Xin thím đừng khách sáo, gọi tôi là luật sư này nọ. Tôi đến nhà làm việc trong ngày nghỉ đã làm phiền chú thím rồi, mà còn được thím mời ăn sáng nữa. Được, anh em trong nhà cả mà, cám ơn thím, tôi sẽ thưởng thức tài nấu nướng của thím. Nhưng bây giờ, mình lo công việc cho xong đi, sau đó ăn uống, trò chuyện thoải mái hơn.

Tuấn xen vào:

- Dạ, anh nói đúng đó. Mời anh ngồi.

Điệp ngồi xuống chiếc ghế đối diện luật sư Ngân. Ông lấy từ trong cặp da một tập hồ sơ, mở ra trước mặt Điệp.

- Đây là di chúc của cụ cố Elizabeth Spencer. Cụ mất đi, để lại tài sản cho cô con gái hiện còn sống ở California. Thím thấy đây, di chúc do luật sư thảo ra, được đánh máy đàng hoàng, nhưng trong phần linh tinh để trống, cụ Spencer viết tay, dạy rằng sau khi cụ khuất núi, cụ tặng cho thím, Điệp Nguyễn, đôi bông tai có gắn hột xoàn duy nhất của cụ.

Điệp ngồi im lặng, sững sờ. Thật vậy sao. Hôm ấy, lần đầu tiên chị đến trang điểm cho bà Elizabeth trước khi đi dự tiệc, bà nhờ chị mở khóa hộp sắt an toàn lấy ra dùm bà đôi bông tai lâu lắm bà không tự mang được. Chị thật tình, xuýt xoa khen đôi bông đẹp, rồi sau khi đeo vào tai bà chị nhốm ra xa, nhìn bà, khen bà đẹp thêm với đôi bông thật xứng với khuôn mặt của bà. Trong thâm tâm chị thật sự ước sao mình cũng có một đôi bông như vậy. Lúc cưới chị, anh đi tù cải tạo về được một năm. Gia đình anh nghèo xơ xác, cha mẹ anh quơ quào, xoay trở mới sắm được cặp nhẫn và đôi bông hai chỉ vàng cưới vợ cho con. Chị quí chúng như báo vật, nhưng chị không khỏi thèm thuồng đôi bông tai hột xoàn của bà

Elizabeth. Từ đó, mỗi lần có dịp đeo đôi bông tai cho bà, chị lại có cảm giác thèm muốn kín đáo ấy. Nhưng chị không giấu được lòng mình với bà Elizabeth. Bằng chứng là những dòng chữ viết tay của bà trên bản chúc thư.

Luật sư Ngân kiên nhẫn, ngồi quan sát gương mặt của Điệp. Khi thấy ánh mắt chị không còn vẻ suy nghĩ, xa vắng nữa, ông mới lên tiếng:

- Thím à, khó khăn lắm văn phòng luật sư Rosenberg mới tìm ra ai là Điệp Nguyễn. Họ hỏi ban quản lý viện dưỡng lão, rồi qua nhân viên phục vụ ở đó, họ liên lạc với hội Bạn Của Những Người Cao Niên để xin địa chỉ cùng số điện thoại của chú thím. Luật sư Rosenberg, đại diện cho bà Kathy Zocher, con gái của cụ cố Elizabeth Spencer, nhờ tôi liên lạc với thím. Bề nào mình cùng là người Việt, dễ thông cảm với nhau hơn. À, mà thím quen sao với cụ Spencer vậy?

Điệp nhìn Tuấn, rồi chị kể cho luật sư Ngân nghe cơ duyên gia đình chị quen biết bà Elizabeth và kết mối thâm tình trong bốn năm qua. Nói xong, nước mắt chị đã lưng tròng.

- Tốt lắm! Chú thím rất xứng đáng với món quà của cụ Spencer tặng cho thím. Vậy mà bà Zocher lại muốn cướp nó chứ! Nói thật với chú thím, là luật sư anh có bổn phận phải bảo vệ quyền lợi của thân chủ của anh hiện giờ là bà Zocher. Nhưng là người Việt với nhau, tình nghĩa đồng bào, anh thấy anh phải khôn khéo . . . xé rào . . .

Nói đến đó, luật sư Ngân ngó quanh, giọng ông trở nên quan trọng:

- Nhưng chuyện này tuyệt đối không thể lộ ra ngoài. Nếu xảy ra, anh hoàn toàn *deny*, phủ nhận đó à!

Rồi, không chờ Điệp hay Tuấn đồng ý, ông nói tiếp, lần này giọng có vẻ chân thành lắm:

- Họ nhờ anh giải thích cho chú thím rằng món nữ trang ấy là của gia bảo. Họ muốn thương lượng đền bù cho thím năm ngàn đô la nếu thím chịu ký tên từ chối món quà ghi trong di chúc và quyền tranh chấp. Chú thím xem như vậy có láo không? Có mẹ già mà không biết lo, để mẹ sống trong cô đơn, chết trong cô độc, bây giờ lại muốn hưởng trọn gia tài. Anh nói chú thím nghe, cái xã hội Mỹ này bắt đầu băng hoại rồi!

Nghe đến đó, Điệp lắc đầu:

- Không, tôi không chịu đâu luật sư. Tôi không nhận tiền của ai hết!

Luật sư Ngân không giấu được vẻ hài lòng. Ông nghĩ thầm, chị đàn bà này bộ vó coi bộ thật thà nhưng cũng khá hiểu biết, không chịu nhận năm ngàn đô. Ông không ngờ sự việc xảy ra quá thuận lợi cho ông, ngoài số tiền ông nhận thù lao cho ngày hôm nay. Ông sẽ khôn khéo gián tiếp giới thiệu với Điệp văn phòng luật sư Tài để lo vụ này. Ông và luật sư Tài đã từng ngầm giúp đỡ nhau, có thù lao, một loại *kickbacks* - *under the table* (9). Ông bảo:

- Nói thật với chú thím, anh không rõ gia tài của bà Spencer tổng cộng là bao nhiêu đô la. Anh cũng không rành về hột xoàn, nhưng họ dám bỏ ra năm ngàn để thương lượng thì món nữ trang đó phải có giá trị cao lắm. Mình phải kiện, không được đôi bông tai đó thì cũng phải vài chục ngàn. Anh đã nhận công việc này qua luật sư Rosenberg nên không thể trực tiếp giúp thím được, nhưng anh sẽ tìm cách giới thiệu thím với luật sư Tài . . .

Điệp lật đật xua tay, nói:

- Xin lỗi, luật sư đã hiểu lầm. Tình thương và

hảo ý của bà Elizabeth là một gia tài vô giá đối với tôi rồi. Tôi tôn trọng kỷ niệm của bà Elizabeth. Xin phép cho tôi từ chối lời đề nghị của luật sư. Tôi không nhận món nữ trang đó, mà cũng không nhận tiền của cô Kathy đâu. Lúc còn sống, bà Elizabeth có nói với tôi rằng con bà không khá giả, lại ở xa nên không thể thường xuyên thăm bà. Tôi không muốn làm một việc trái lòng tôi đâu. Xin luật sư thông báo với họ như vậy.

Luật sư Ngân ngồi chết trân, sửng sốt. Không lẽ ông đã đánh giá sai lầm cặp vợ chồng giới "cổ xanh" (10) này? Ông nhìn sang Tuấn, đưa mắt hỏi ý kiến người đàn ông Việt Nam mà theo quan niệm của ông vốn là người quyết định mọi sự trong gia đình.

- Dạ, vợ em nói đúng ý em đó anh. Anh thương chúng em mà giúp ý kiến, chúng em cám ơn anh. Tuy nhiên, đôi bông tai đó đâu phải của mình mà mình nhận. Vả lại, nó là gia bảo của người ta. Còn số tiền, nói về lý thì mình không có mặc cảm gì mà không nhận, nhưng nói về tình, về niềm tự hào người Việt, thì em thấy mình không nên nhận.

Luật sư Ngân giận run trong lòng. Không phải ông tiếc một dịch vụ béo bở mà vì ông thấy mình bị xúc phạm. Ông không tránh khỏi suy nghĩ thầm, chú em tự ái vặt nên phải đi tù cải tạo mà bây giờ cũng chưa tởn, chưa học được bài học đó, chú em còn lên tiếng dạy đời nữa. Thế giới này "*dog eat dog*" (11), chú em còn phải học nhiều lắm! Tuy nhiên, vâng theo bản chất luật sư ông khôn khéo không để lộ ra những suy nghĩ của mình, ông mỉm cười:

- Ừ, chú thím nghĩ vậy cũng phải. Anh vì quá hăng say muốn giúp chú thím, anh chỉ nghĩ đến cái lý mà quên đi cái tình. Anh sẽ tiếp xúc với văn phòng luật sư Rosenberg làm tờ cam kết từ chối món quà.

Tuần sau anh sẽ trở lại đưa chú thím đi ký tên trước mặt thừa phát lại. Cần hai người làm chứng, nhưng anh sẽ lo vụ này.

Nói xong, thấy không còn hứng thú và lợi lộc gì để tiếp tục hầu chuyện cùng vợ chồng Tuấn nữa, luật sư Ngân vô tình để lộ một trò bịp thời thượng:

- A, điện thoại rung. Xin lỗi.

Ông bước vào căn bếp, nói vào cái di động im lìm:

- Em đó hả? . . . . . Ừ, anh về ngay. Hôm nay gặp một cặp vợ chồng đồng hương còn trẻ, vui quá nên anh quên. Xin lỗi cưng nghe!

Luật sư Ngân trở lại căn phòng khách, phân bua:

- Xin lỗi chú thím, anh phải về ngay. Hôm nay thứ bảy chị ở nhà làm cơm trưa cho cả nhà mà anh quên mất. Buổi cơm gia đình, anh không thể vắng mặt. Thôi để lần sau vậy.

Luật sư Ngân bắt tay Tuấn, gật đầu chào Điệp, bước qua ngưỡng cửa. Ông đưa tay bấm cái khóa tự động từ xa. Chiếc xe Lexus bóng láng đậu trước nhà chớp đèn, máy tự động nổ. Tuấn cùng Điệp đứng bên trong cửa sổ nhìn luật sư Ngân bước lên xe. Anh ngẫm nghĩ ngành nghề nào cũng có người hiền lương, kẻ ma mãnh. Hồi tưởng lại những lời nói và cung cách của luật sư Ngân, Tuấn thấy ông quả là một loại luật sư "săn xe cứu thương". Hạng người này không màng đến tình người, mà chỉ biết có lợi. Nơi nào có lợi thì họ bu đến như lũ ruồi lằng, không thì họ lảng xa. Khi nãy, Tuấn vốn rất thính tai nhưng anh đâu có nghe tiếng điện thoại rung.

- Ông khách về rồi hả má? Tụi con đói bụng quá!

Nghe tiếng thằng Nam hỏi, Điệp nắm tay anh, lắc mạnh:

- Mình vô ý quá, không gói vài cái bánh bao gởi biếu bà luật sư Ngân.

Tuấn siết tay Điệp, anh khe khẽ bảo chị:

- Cũng không cần đâu, em!

Đào Anh Dũng
Apple Valley, Minnesota

(10) Khoa Dinh dưỡng
(11) Meals on Wheels
(12) Global Positioning System. Nôm na là máy tìm địa chỉ gắn trên xe hơi.
(13) Driving While Intoxicated. Lái xe trong lúc say ma túy hay rượu.
(14) Ambulance chaser. Chỉ các luật sư, chủ nhà quàn khi có tai nạn chạy theo xe cứu thương để kếm mối.
(15) Văn sĩ nổi tiếng của Hoa Kỳ. Nguyên là luật sư, nhưng bỏ nghề, viết tiểu thuyết vạch trần mặt trái của luật pháp.
(16) Quân phục
(17) DAO (Office of Defense Attache). Văn phòng Tùy viên Quân sự Mỹ ở Việt Nam thời chiến tranh.
(18) Tiền hối lộ, lén lút trao (dưới gầm bàn) vì bất hợp pháp.
(10) Blue collar. Thành ngữ gọi giới công nhân thợ thuyền.
(11) "It's a dog eat dog world". Câu tiếng lóng, ngụ ý con người chà đạp nhau tranh sống như thú vật.

TRANG LUÂN

Trên phiến mòn ký ức

Năm tôi lên mười tuổi, thì tình hình chiến sự chuyển biến sang giai đoạn gay go và quyết liệt nhất. Mặt trận Điện Biên Phủ đột nhiên bộc phát dữ dội, khốc liệt. Ba chữ Điện Biên Phủ bỗng chốc trở thành địa danh nổi tiếng, quen thuộc. Bao nhiêu nỗ lực của người Pháp đều đổ dồn vào khu lòng chảo tử thần, hiểm hóc này. Đâu đâu người ta cũng bàn tán, xôn xao về số phận hẩm hiu của vị trí trọng yếu ấy. Các thành phố lên cơn sốt tột cùng, nằm trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt trước các vụ bắt lính táo bạo để bổ sung cho tiền tuyến. Rốt cuộc, Điện Biên Phủ được mô tả bằng sự thoi thóp, khó thở rồi bị thất thủ sau năm mươi lăm ngày đêm chống cự với lực lượng Việt Minh lúc bấy giờ. Sự thất bại của cứ điểm Điện Biên Phủ đã khiến cho người ta phải bàng hoàng, sửng sốt trước viễn ảnh đen tối đang thập thò, ám ảnh, đe dọa ở phía trước.

Sau khi quân đội Pháp bị thua trận một cách nhục nhã, thì số phận của con bệnhViệt Nam được đặt lên bàn giải phẫu của hiệp định Genève, khiến cho ai nấy đều phải nín thở, hồi hộp, lo âu về nỗi bất hạnh, u ám sẽ đến với đất nước, cũng giống như tên tử tội đương cúi đầu, chờ đợi sự phán quyết tối hậu của tòa án.

Người Pháp buộc phải ký tên vào hiệp định Genève, chia đôi hai miền Nam Bắc, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, phân chia thành hai thể chế chính trị rõ rệt. Lệnh đình chiến được ban hành, cuốn theo biết bao nỗi ngậm ngùi, băn khoăn cùng những nét hân hoan, khó hiểu nơi tâm tư người Việt Nam lúc bấy giờ, trước các mâu thuẫn, trái chiều, nghịch lưu về quan điểm, lẫn hình thái cùng màu sắc của chính thể và sự lựa chọn về hai chữ tự do.

Tiếng súng đã ngưng bặt trả lại sự im lặng bình dị cho đất nước, nhưng bên trong vẫn còn ngấm ngầm nở ra một cuộc chiến đấu gay go, dằng co về tư tưởng. Giữa lúc ấy, cả hai phe Việt Minh lẫn Pháp đều ra lệnh phóng thích tù binh. Trong số những người trở về có cả bố tôi cũng được thả ra từ trại tù Lý Bá Sơ khét tiếng, ẩn sâu trong miền rừng núi heo hút Liên Khu Tư chướng khí, ẩm thấp. Người ta thường ví von, cho đấy là của *tử,* là địa ngục tăm tối của trần gian. Chính bố tôi đã từng bị giam cầm ở nơi đấy, bị cùm cả hai tay lẫn hai chân, bị đánh đập tàn nhẫn và cuối cùng thì trở về từ cõi chết.

Trước đây, bố tôi đương phục vụ trong đơn vị công binh của quân đội Pháp. Một đơn vị chỉ biết có nhiệm vụ bắc cầu, làm đường hoặc xây đồn cho các lực lượng trú phòng. Dạo ấy, gia đình tôi đang sinh sống ở Thái Bình. Cuộc sống chỉ biết trông chờ vào đồng lương hàng tháng của bố tôi. Tôi cho đấy là khoảng thời gian bằng phẳng, êm đềm và hạnh phúc nhất. Rồi, đột nhiên bố tôi có lệnh thuyên chuyển lên Hà Nội. Tôi không hiểu vì nguyên nhân hoặc động lực nào đã dẫn tới các biến cố dồn dập, thê thảm đến với gia đình tôi. Mãi cho đến sau này, khi tôi lớn lên, có đôi chút trí khôn, tôi mới hiểu được nguyên nhân chính, cũng chỉ vì bố tôi dám cãi lại ông quan Tây, để

bênh vực cho một người lính thuộc hạ. Dọc đường, trên chuyến xe nhà binh chở bố tôi cùng vài người lính khác được nghỉ phép, thình lình bị phục kích và tất cả đều bị bắt. Ngày bố tôi lâm nạn thì cũng chính là ngày mà ba anh em chúng tôi bị lên sởi đồng loạt. Mẹ tôi khóc sướt mướt, thu vén chữa chạy cho anh em chúng tôi, rồi bồng bế nhau lên ô tô hàng, vượt qua bến phà Tân Đệ để về quê.

Biện pháp đầu tiên là hai anh em chúng tôi đều phải nghỉ học. Riêng phần em tôi thì lúc ấy còn nhỏ dại, mới vừa lên bốn, nên chưa tới tuổi cắp sách đến trường. Vả lại, trường làng lúc bấy giờ chỉ có tới lớp ba mà năm đó thì tôi đã bước lên lớp nhì, còn anh tôi thì đang ngồi ở lớp nhất.

Trong suốt khoảng thời gian này, gia đình tôi phải trải qua giai đoạn cực kỳ khó khăn và thê thảm nhất. Mẹ tôi phải lặn lội đi cấy mướn, gặt thuê. Tảng sáng, trời lạnh như cắt, bà phải dậy sớm, nhịn đói, tất tưởi ra đồng. Chung qui cũng chỉ vì lo cho anh em chúng tôi. Thân hình bà trở nên tiều tụy, gầy đét hẳn đi. Lắm khi tôi bắt gặp mẹ tôi đứng tựa cửa, buông mắt nhìn vào tận cõi xa xăm với nỗi buồn vô hạn. Có lẽ bà đang hướng niềm suy tư về bố tôi, về phương trời ấy, về nhà tù cùng chuỗi ngày tháng lầm than, đầy ải đang bủa vây kín mít ở chung quanh. Cho đến giờ phút này, thỉnh thoảng hồi tưởng lại, tự nhiên tôi cảm thấy chua chát, thấm thía hơn lúc nào hết. Tôi mường tượng ra hình ảnh hai anh em chúng tôi vào những vụ gặt, với chiếc bị cói cũ mèm ở trên tay, bì bõm lội dọc theo cánh đồng chiêm chói chang, dưới sức nóng như thiêu như đốt của tháng năm, mót từng hạt lúa còn sót lại, vương vãi dưới gốc rạ. Tôi không khi nào quên được chuỗi thời gian ảm đạm, thê lương đó. Chuỗi thời gian mà ở đấy đã ghi lại vết thương

đậm nét, đau nhói, in hằn, đóng băng ở tâm não. Chưa bao giờ tôi quên mà cũng chẳng bao giờ dám quên nó! Đó là thứ kỷ niệm đau buồn của một thời thơ ấu. Một dấu tích hay nói khác đi, đó là ngọn hải đăng dẫn lối cho tôi phấn đấu, dò dẫm vươn lên trong đại dương của cuộc đời sau này. Rồi, thình lình có tin bố tôi trở về, khêu dạy niềm vui lớn, rạng ngời đến với gia đình tôi. Nó tắt lịm, nguội lạnh kể từ hai năm nay. Thời gian trải mòn bằng những đợi chờ, những vật vã, đắng cay, ê chề nơi cuộc sống. Người được mô tả là vui nhất, phải nói đến, chính là mẹ tôi. Bà đả tỏ ra quá mệt mỏi, đuối sức trước những lượn sóng đời cuồn cuộn, hung bạo đương dồn dập, đổ xô, bủa vây kín mít ở chung quanh. Giữa giây phút tuyệt vọng ấy, bà cố ngoi lên, quơ tay tìm chiếc phao để bám níu làm điểm tựa. Chiếc phao ấy đến thật đúng lúc, thật bất ngờ. Chiếc phao ấy không ai khác hơn, chính là bố tôi. Tôi thấy mắt mẹ tôi sáng lên, rồi trong thoáng giây sững sờ, hình như lúc ấy mẹ tôi đang trải qua một cơn xúc động mạnh mẽ thì phải. Trên khóe mắt sâu hút, tôi đọc thấy được hai giọt nước mắt vui mừng, long lanh đọng lại ở trên đấy.

Từ khi nhận được tin bố tôi đã về đến làng dưới, bà cứ lăng xăng, cuống quít, hối thúc ba anh em chúng tôi phải tắm rửa sạch sẽ rồi thay quần áo khác cho tươm tất. Có tiếng cô tôi nói vọng vào:

"Anh nhắn về, chị nhớ mang cho anh ấy bộ quần áo."

"Mà tại sao không về thẳng nhà mà lại ghé làng Môi làm gì!"

Mẹ tôi nói khe khẽ vừa đủ nghe. Ngẫm nghĩ giây lát bà lẩm bẩm:

"Chắc là quần áo rách rưới, ngượng chẳng dám về chứ gì."

Nói xong, bà lục tung đám quần áo cũ kỹ, ngắm

nghía, lựa lấy một bộ lành lặn, ưng ý rồi tất tưởi ra đi. Tới cửa buồng, bà còn ngoái lại, căn dặn anh tôi:
"Nhớ tắm rửa cho các em rồi thay quần áo khác. Mẹ đi đón bố về."

Hôm ấy, gia đình tôi rộn ràng, sống động hẳn lên, chẳng bù với chuỗi ngày tháng đìu hiu, quạnh quẽ như trước đây. Hàng xóm hai bên đều chạy sang tấp nập. Cả xóm trên lẫn xóm ngoài cũng đổ xuống. Công việc đồng áng ngày hôm ấy đều ngưng lại trước tin tức nóng hổi về sự trở về của bố tôi. Họ ngồi phệt xuống vỉa hè, cười nói uyên thuyên, thấp thỏm chờ đợi. Họ chuyền tay nhau từng chiếc điếu cầy, trao cho nhau từng bát chè tươi xanh ngắt còn bốc khói và khỏa lấp vào cái khoảng trống rộng thênh thang ấy bằng các câu chuyện về mùa màng, về khí hậu giao mùa, đồng thời so sánh mức thu hoạch của năm nay với năm ngoái. Trong khi ấy thì cô tôi bận rộn luôn tay ở dưới bếp. Khói rơm mịt mùng, cuồn cuộn tỏa ra kín mít cả góc sân. Thường ngày ngôi nhà vắng vẻ, lạnh tanh, nay bỗng dưng nhộn nhịp hẳn lên, đánh tan bầu không khí nặng nề, u uất như trước đây. Tôi thấy mọi người đều nhìn ba anh em chúng tôi bằng những ánh mắt dịu dàng, tràn đầy sự trìu mến, như ngầm san sẻ với chúng tôi về niềm vui lớn hôm nay.
"Anh em vui nhé! Bố sắp về tới rồi."

Ba anh em chúng tôi ngây dại, sững sờ đứng nhìn họ. Ánh nắng bắt đầu lên cao, chiếu xiên xuống vỉa hè, tạo thành bức tranh sống động, linh hoạt của đồng quê. Câu chuyện được chuyển qua đề tài về đường xá, về đê đập, về ngôi trường làng cũ kỹ, loang lỗ cần được quét vôi lại. Có tiếng nói bâng quơ phát ra trong đám đông:
"Quái! Sao lâu nhỉ?"

Tiếp đến có tiếng "Ồ" mừng rỡ nổi lên. Mọi

người đều nhốn nháo, trố mắt hướng về phía cầu ao. Thì ra là bác cả Đĩnh. Bác ta dơ tay chỉ ra ngoài đê:
"Kia rồi! Đúng là cô chú ấy, chứ còn ai vào đấy nữa."

Mọi người đều dáo dác nhìn ra xa. Thời gian nặng nề, chậm chạp đi qua. Im lặng. Ai nấy đều im lặng. Chẳng một tiếng động nào dấy lên. Sự yên lặng lắng xuống tột cùng, khiến cho người ta có thể nghe rõ được từng tiếng thở nhẹ nhàng cùng tiếng ruồi nhặng vo ve đảo lượn ở chung quanh. Người ta chăm chú, nhẫn nại chờ đợi. Cuối cùng rồi bố tôi cũng xuất hiện ở ngoài ngõ. Mọi người đều nhốn nháo chạy ùa ra, tạo thành cái hoạt cảnh ồn ào, náo động hẳn lên. Mẹ tôi le te đi ở sau lưng bố tôi. Xuyên qua rừng người thấp thoáng, tôi thấy bố tôi có phần ốm đi rất nhiều. Hai má ông hóp sâu xuống cùng những nếp nhăn đậu chằng chịt, hằn lên khuôn mặt khắc khổ, thiểu não. Có tiếng bàn tán, thì thào nổi lên ở chung quanh:
"Bác ấy trông gầy và tiều tụy đi nhiều."

Lại có giọng khác xen vào khôi hài:
"Ở tù mọi thứ đều thiếu thốn thì làm sao mà béo được."

Ai nấy đều cười rộ cả lên. Mọi người không ai bảo ai đều tự động dạt sang hai bên, nhường lối cho bố tôi tiến vào. Ông gắng gượng nở nụ cười thăm hỏi mọi người, rồi bước lại ôm ghì lấy ba anh em chúng tôi. Tôi muốn vòng tay ấy cứ xiết chặt mãi và đừng khi nào lỏng ra, rời xa chúng tôi như thời gian trước đây. Chuỗi thời gian trống vắng ấy đã để lại nơi tâm khảm của chúng tôi cả một hố sâu buồn tủi và tê tái. Chính cái vòng tay ấy phả ra thứ hơi ấm nồng nàn, chuyền qua thân thể khô héo của anh em chúng tôi một thứ nhựa sống, hồi sinh trở lại. Tôi sung sướng,

ngước mắt nhìn lên bố tôi. Có lẽ, hình như ông cũng đang tận hưởng cái trạng thái tột cùng của sự cảm động. Ông âu yếm, cúi xuống nhìn ba anh em chúng tôi bằng đôi mắt trải đầy niềm yêu thương dạt dào ở trên đấy. Đôi môi ông mấp máy như muốn nói với chúng tôi về một điều gì đó thật thầm kín, xuất phát từ nội tâm, từ hơi thở, từ mạch máu, cho đến từng lớp tế bào đang bừng lên niềm sung sướng tột cùng, mà tôi khó có thể diễn đạt được đầy đủ mọi ý nghĩa trừu tượng của nó lên trang giấy trắng nhỏ bé này.

. . . . . .

Hôm ấy, gia đình tôi rộn ràng, náo nhiệt hẳn lên. Tiếng lợn bị chọc tiết, thét thất thanh. Tiếng dao thớt chạm nhau, hòa trộn với tiếng sàn sạt vọng lên từ phía cầu ao. Tôi thích thú tận hưởng cái cảm giác sung sướng ấy và muốn nó đan đậm liên tục vào cuộc đời. Những chiếc nồi đồng cùng những ông đòn rau được bưng ra đặt ở ngoài sân, kèm theo những tàu lá chuối xanh dờn nằm tênh hênh, diễu cợt dưới mặt đất. Người ta phân công ra thành từng nhóm. Đàn ông, trai tráng thì có nhiệm vụ xẻ thịt, hãm tiết để đánh tiết canh. Riêng nhóm đàn bà, con gái thì có bổn phận nấu nướng hoặc thái rau….Tôi yêu bức tranh ấy. Bức tranh thật sống động, chân thật. Nó được gói ghém bằng một thứ tình cảm sâu đậm, mộc mạc, gắn bó liên tục vào chuỗi năm tháng bất tận. Tôi ôm ấp kỷ niệm bóng bẩy ấy và đóng khung nó vào cái vị trí quan trọng ở tận chiều sâu của ký ức.

Mặt trời vừa đúng ngọ thì mọi việc đều xong xuôi, hoàn tất. Những tấm chiếu hoa cạp điều được trải ra thành hàng lối từ trong nhà cho đến ngoài sân. Từng bát sáo, bát su hào còn bốc khói nghi ngút, tỏa ra mùi thơm phức cho đến những đĩa tiết canh màu đỏ chót

trông thật đẹp mắt, hấp dẫn. Bác tôi xoa hai tay vào nhau, lên tiếng mời mọi người lần lượt trở về chỗ ngồi. Xong đâu đấy, ông đảo mắt nhìn sang hai bên, rồi cất giọng khàn khàn, ngụ ý là thay mặt cho gia đình, có đôi lời cảm ơn đến với tât cả mọi người hiện diện trong bữa tiệc hôm nay. Sau chót, bác tôi mời mọi người đều nâng chén để chúc mừng ngày trở về của bố tôi.

"Chú dùng thử miếng tiết canh này." Bác tôi lên tiếng.

Bố tôi trả lời :

"Bác cứ để mặc em."

Chú tôi xen vào:

"Anh ăn thêm miếng dồi. Ở trong tù làm gì mà có thứ này."

Bố tôi chép miệng, buồn buồn:

"Làm gì mà có! Trong ấy chỉ có cơm hẩm độn khoai. Chỉ có nước độc, muỗi, cùm cùng bệnh kiết lỵ. Chẳng ai có đến viên ký ninh để trị bịnh sốt rét rừng. Bao nhiêu người xuôi tay, nằm xuống ra đi mà hành trang đem theo chỉ vỏn vẹn có manh chiếu rách."

Bố tôi kể rất nhiều về hai lần vượt ngục, về các trận đòn độc ác, dã man sau khi bị bắt lại. Về mùa đông lạnh lẽo, âm u trong miền rừng núi khu tư. Văng vẳng, có tiếng ai phát ra gần chum nước.

"Họ ác thật."

"Thôi! Bây giờ chú về mọi sự được bình an đều do ơn bề trên cả. Chẳng bù cho thím ấy ở nhà lặn lội hết đền ông thánh này sang tới đền bà thánh khác." Bác tôi an ủi.

Bất chợt chú tôi lên tiếng hỏi:

"Anh về có tính gì không?"

Bố tôi ngần ngừ giây rồi trầm tĩnh trả lời:

"Trước hết tôi sẽ nghỉ ở nhà vài ba hôm, rôi sau đó

tôi trở lại trình diện đơn vị. Sau khi trở lại đơn vị, công việc đầu tiên là tôi sẽ xin phép về đón gia đình ra Hà Nội và lần hồi thu xếp cho mấy cháu cùng nhà tôi vào trong Nam."

Chú tôi trợn tròn đôi mắt:

"Anh tính lại đi chứ! Theo em thì đâu cũng chẳng bằng quê hương, làng nước mình. Hơn nữa, bây giờ nước nhà đã độc lập, anh nên ở lại thì hay hơn. Em nghe nói đời sống ở trong Nam cũng phức tạp vô cùng. Em còn nghe nói về những hành vi độc ác, bóc lột của đám cai phu đồn điền cao su. Chúng đối xử, hảnh hạ những người phu chẳng khác nào như dối xử với những người nô lệ thời xa xưa. Đấy là em chưa đề cập đến bọn Tây cai quản, chóp bu ở bên trên. Vả lại, nơi đất lạ quê người, nếu có chuyện gì xảy ra thì cũng khó bề xoay sở."

Bố tôi dơ tay chận lại:

"Chú đừng có khuyên tôi làm gì! Vô ích! Bởi vì tôi đã quyết định từ lâu lắm rồi. Mỗi người đều có hoàn cảnh riêng biệt cùng chí hướng và con đường để đi. Tôi cũng muốn ở lại lắm chứ! Bởi vì, đây mới chính là quê cha đất tổ, là nơi chôn rau cắt rốn mà tôi được sinh ra. Nói dại, ngộ nhỡ đêm hôm có trái gió, trở trời thì cũng có các bác, các cô, các chú, có bà con thân thuộc, có hàng xóm, láng giềng! Nhưng vì tình thế bắt buộc, tôi đành phải bấm bụng đưa các cháu ra đi. Tôi đã suy nghĩ, đắn đo kỹ lắm rồi. Nếu tôi ở lại thì khó mà có thể sống với họ được. Tôi biết chắc rằng: Họ sẽ chẳng bao giờ buông tha cho tôi đâu! Chi bằng giữa lúc này mình nên nhanh chân trước đi thì hay hơn. Bây giờ còn tranh tối, tranh sáng thì họ nói như vậy. Nhưng đến mai mốt xong xuôi đâu vào đấy, thì họ lại lật lọng, đổi ý nói sang nghĩa khác."

Ai nấy đều lặng thinh không nói. Không khí ngột

ngạt hầu như quyện lại, đặc quánh bao trùm kín mít ở chung quanh. Thoang thoảng, tôi nghe có tiếng ai thở dài phát ra ở cuối sân. Bố tôi ngồi im lặng giây lát rồi cất giọng nhỏ nhẹ:
"Thôi! Chúng mình hãy gác chuyện này sang một bên. Biết đâu quả đất xoay tròn, rồi đến một ngày nào đó, chúng mình lại gặp nhau nữa không biết chừng."

Mọi người đều uể oải, nhìn nhau với nỗi buồn thâm tím ở bên trong, kèm theo những lời chúc tụng mộc mạc và bình dị. Chủ đề câu chuyện được thu hẹp ở bên trong lũy tre xanh hiền lành cùng những mái rạ nghèo nàn, thầm lặng. Cuối cùng rồi bữa tiệc cũng phải tan. Ai nấy đều lục tục đứng dạy, cáo từ ra về. Trên đống bát chén nằm la liệt, ngổn ngang, bề bộn dưới mặt chiếu, chỉ còn lại có bố tôi với khuôn mặt đỏ gay, ngà ngà say. Ông chuếnh choáng, gượng gạo đứng dạy, bước xiêu vẹo tiến về phía buồng ngủ. Bên ngoài, chiều bắt đầu ngả màu hoàng hôn. Những sợi nắng yếu ớt, vàng vọt như còn muốn níu kéo, luyến tiếc một ngày dài mệt nhọc.

Thấp thoáng mà một tuần lễ trôi qua chẳng khác nào như cơn gió thoảng. Với một tuần lễ thật ngắn ngủi đã biến đổi toàn diện lên thân thể của ba anh em chúng tôi. Mọi rách rưới, nhem nhuốc tuần tự biến mất và thay thế vào đấy bằng những bộ quần áo mới toanh vừa lên ngôi cùng những cử chỉ vụng về, xúng xính, khiến cho chúng tôi cảm thấy sảng khoái, phơi phới, hãnh diện hẳn lên. Trước mắt tôi lúc bấy giờ, là cả một chân trời ngà ngọc, lấp lánh. Chân trời đó được mô tả, thêu dệt bằng các ngôn từ bóng bẩy, lồng lẫy, chói lọi bởi hào quang của niềm tin và hy vọng. Mới đấy mà đã đến ngày bố tôi phải lên đường ra Hà

Nội để trình diện đơn vị. Trước khi chia tay, người dặn dò ba anh em chúng tôi, ở nhà phải ngoan ngoãn vâng lời mẹ và cố gắng chờ đợi, bởi vì người sẽ trở về đón chúng tôi ra Hà Thành. Đến lúc ấy, chúng tôi sẽ được đi học trở lại. Tôi yên tâm không còn phập phồng lo nghĩ vẩn vơ như trước đây. Bố tôi là cây cột chính trong gia đình. Ông chẳng khác nào như sợi mưa đầu mùa tưới xuống thửa đất hạn hán lâu ngày cằn cỗi. Nhờ đấy, chúng tôi bắt đầu hồi sinh trở lại, rồi nẩy mầm tăng trưởng và đổi màu thành xanh ngắt. Tôi miên man liên tưởng đến chuỗi ngày tháng ở Thái Bình. Đến bọn thằng Hùng, thằng Hậu, thằng Phú, thằng Hiệp. Đến cầu Bo. Đến con sông đào nhỏ bé cùng những lần tập trận giả vào các buổi chiều mùa Hạ. Những buổi chiều thật ngoạn mục, vang dậy cả khúc sông. Những buổi chiều đi vào tháp ngà, lụa là của kỷ niệm. Nó được gói ghém, cất giữ vào cái bảo tàng viện của ký ức mà tôi biết chắc chắn rằng: Nó sẽ chẳng khi nào tàn phai ở trong tôi. Tôi nhớ đến những lần tập xe đạp ở trường Nam tiểu học. Vui thật! Đến con đường Trưng Trắc xầm uất cùng các cây đèn kéo quân vào những mùa trung thu vằng vặc trăng sáng. Tới đền Mẫu mà bọn tôi thường lui tới vào những ngày rằm chờ phát oản. Tới sân vận động. Tới từng ly lục tàu xá ngọt lịm, xuýt xoa. Từng gói lạc rang còn nóng hổi vào những buổi chiều đông giá lạnh căm. Tôi nhớ tới con đường Hoàng văn Thụ mà nhà tôi ở đấy hằng bao nhiêu năm trời. Tới trại lính tàu bò. Đến gánh phở vào những buổi sáng còn tinh sương, ngạt ngào tỏa ra mùi thơm phức. Tôi hình dung ra gương mặt dễ thương của thị xã. Đến con đường dẫn tới ngôi trường Trần Lãm ở quá khứ. Ngôi trường cô đọng biết bao nhiêu giọng nói ngộ nghĩnh, dễ thương cho đến những cử chỉ dịu

dàng và âm thanh hiền từ, ấm áp của thầy giáo tôi. Nó chẳng khác nào như những lọn sóng bạc nhẹ nhàng, êm đềm, vỗ về, ru tôi đều đặn ở dĩ vãng. Chân trời đó nay đã khép lại, chìm khuất vào hư vô. Tôi muốn níu kéo chuỗi thời gian vàng son ấy trở lại! Nhưng tôi biết chắc rằng, nó sẽ chẳng bao giờ mở ra, mà ngược lại, nó sẽ khoanh tròn ngủ say trong toa tàu ký ức ở trong tôi. Trước mắt tôi, đương chuẩn bị mở ra một chặng đường mới. Một chặng đường được phác họa, tiêu biểu bằng những nhân vật mà hiện giờ tôi vẫn chưa được biết đến tên, trong một thành phố mới mẻ, rộng lớn, đồ sộ, nguy nga hơn Thái Bình. Tôi hy vọng sẽ xây ở trên đấy một tháp ngà lộng lẫy, tráng lệ cho tuổi thơ. Tôi muốn lấp đi cái khoảng trống vô nghĩa, dị biệt vừa qua, và lát ở trên đó bằng những viên gạch son đỏ chót, cho tuổi thơ tôi no tròn, cho tâm hồn tôi bay bổng vào cõi không gian bất tận, bao la, lướt qua các thửa rừng già ngút ngàn màu lục, những đồi núi chập chùng xanh mướt cùng các giòng sông thầm lặng, uốn khúc. Tôi muốn được thảnh thơi, không còn bận bịu suy nghĩ, để từ đó thực hiện cái hoài bão ngà ngọc, chói lọi, vàng óng cho tuổi thơ./.

LTS: *Để giúp quí bạn chọn một bài văn hay giữa trùng trùng điệp điệp văn chương trên Mạng, chúng tôi xin được giới thiệu truyện ngắn Dã Quỳ của Nguyễn Xuân Thiệp.*
Đây là bản mới nhất đã được tác giả nhuận sắc lại và đặc biệt dành cho TQBT

NGUYỄN XUÂN THIỆP
Dã Quỳ

Thế là Đài không trở về nữa. Anh đã mất hút sau cánh đồng dã quỳ bên kia suối. Tin từ người nhà của Đài cho biết chiều ngày 25 tháng 2 anh lái xe đến thành phố Wichita, tiểu bang Kansas. Trước khi mất tích, dường như anh có điện về nhà nói anh đang dừng chân ở một quán bên đường lúc chiều đã xuống. Bặt tin tức của Đài trong nhiều ngày, người nhà tìm đến cái quán nọ thì dân địa phương cho biết có một chiếc xe hơi nằm trong ruộng hoa quỳ nhưng không thấy người chủ xe đâu. Vào sâu trong ruộng, thấy quả nhiên như thế, chiếc xe của Đài nằm chơ vơ trong ruộng quỳ vàng.

Tôi như người bước đi trên không. Sự ra đi của một người bạn thân, dù là mất tích hay chết, cũng khiến mình bàng hoàng. Sẽ chẳng bao giờ còn gặp Đài nữa

ư? Thật tình, tôi hoang mang dao động, không biết Đài đi đâu. Đã hơn một tuần trôi qua, người nhà nhờ đến cảnh sát nhưng vô ích. Đài như một cánh bướm biến mất trong màu vàng lộng lẫy của hoa quỳ vào một buổi chiều nắng rực.

Hồi tưởng lại, chúng tôi đã từng có mặt bên nhau trong những quãng đời đứt nối. Quen biết nhau hồi mới vào quân trường đầu cạo trọc lóc. Ra trường mỗi người một phương. Tôi ở lính một thời gian rồi được biệt phái về bộ Tư pháp; còn Đài trước đóng đồn miền núi, rồi về quân đoàn làm phóng viên quân đội, đồng thời là corespondent cho một hãng thông tấn ngoại quốc. Chuyện tình của Đài và Ngọc tôi có biết ít nhiều do Đài kể trong những lần đi bãi qua rừng cao su hoặc ở những dịp gặp nhau vội vã tại Sài Gòn. Ngọc là học trò cũ của Đài ở trường LNH bên dòng sông Cửu Long những năm cuối 50. Họ yêu nhau, một thứ tình yêu chín đỏ như trái mận đầu cành. Thời gian Đài đóng đồn ở Kontum, Ngọc có lên thăm một lần giữa mùa hoa quỳ nở. "Ngọc mặc áo lụa trắng, đi giữa rừng hoa quỳ bạt ngàn. Màu hoa quỳ vàng dội trong nắng, Ngọc như cánh chim bay lướt trong trời giêng hai ấm áp. Về phía con sông rừng, một đoàn quân xa lăn bánh trong bụi mù... Hình ảnh ấy ở mãi trong trí mình, như một vết cháy, một ám ảnh vừa đau đớn vừa hoan lạc." Đài kể với tôi như thế. Họ yêu nhau, như hoa quỳ yêu nắng, như rượu yêu môi. Nhưng chiến tranh vào thời kỳ khốc liệt nhất, đã chia cách họ, làm họ bặt tin nhau.

Từ ngày sang Mỹ, tôi và Đài có dịp gặp lại trong những sinh hoạt văn hóa. Đài hiện sống với gia đình và con cái, nhưng dường như không mấy vui bởi đã

có nhiều đổi khác trong sinh hoạt của từng người. Trong điện thoại gọi cho tôi cách đây mấy tuần, Đài cứ nhắc đi nhắc lại về những cánh đồng dã quỳ ở Kontum ngày nào. Anh nói: "Thơ của bạn sao nhiều hoa quỳ thế?

Một lần
cỏ hoa thầm nhắc
tên một đóa quỳ điên

và
Cầm bút viết. đồi hoa quỳ vàng

rồi lại
Hút với nhau điếu thuốc
Giữa buổi chiều hoa quỳ
Nói dăm câu từ tạ
Mây với người cùng đi

Ngọc lên thăm mình, đi giữa đồi hoa quỳ vào độ giêng hai. Đài kể. Ngày đó, mỗi lần đi làm phóng sự mặt trận ở vùng Kontum mình lại có dịp hái hoa quỳ, ép vài cánh trong sách rồi gởi về cho Ngọc. Hoa quỳ ở những vùng đó đẹp vô cùng, hoang dã nguy nga. Dã Quỳ. Mùa xuân bắt đầu là nở vàng rộ như một tám thảm nhấp nhô biển sóng dưới ánh mặt trời. Sang Mỹ, mình cũng có dịp nhìn những ruộng dã quỳ quanh thành phố Oklahoma và vùng ven con Sông Đỏ Red River. Những lúc đó, tâm trí đầy ắp hình ảnh Ngọc. Quay quắt và đau đớn, như một vết thương bỗng cựa mình, bật máu. Rồi trong những giấc mơ chợt đến vào những đêm chuyển trời, mình thường thấy chìm sâu trong biển hoa quỳ nồng nàn quyến rũ. Và có lúc, mình thấy Ngọc bay lượn trên triền sóng

vàng dậy. Mình đuổi theo, càng đuổi theo thì Ngọc càng bay xa, rồi mất hút. Trời, mình có nghe tin tức về Ngọc, khá mơ hồ và bất định. Dường như Ngọc đang có mặt đâu đây, ở thành phố phía Bắc Oklahoma. Nhưng chắc chuyện đã khác ngày xưa rồi. Sông không ngừng trôi và con người cũng phải đổi thay... Tìm lại đóa hoa ngày cũ e chỉ là ảo tưởng, nhưng ảo tưởng đó sao đẹp não nùng đến thế? Có thể nào người ta chết vì một ảo tưởng không?"

Đài đi đâu, hay Đài đã chết trên một ngọn đồi nào đó, như ngọn đồi ngày xưa? Chính sự mơ hồ này làm tâm trí tôi không yên, cứ như vướng mắc vào một mạng lưới trùng điệp. Với những điều biết được, rất là rời rạc và bềnh bồng, tôi có thể tạm dựng lên một kịch bản như sau. Mà đã là kịch bản thì chắc không ăn khớp với thực tế một cách toàn vẹn được. Tôi thấy chiều hôm ấy Đài lái xe từ Oklahoma City đi Wichita. Anh đi tìm ai? Có thể đó là Ngọc vì anh cũng nói hình như Ngọc hiện có mặt tại thành phố này. Buổi chiều đầu xuân, nắng rự rỡ. Hai bên đường nhấp nhô những ruộng hoa quỳ trong nắng gió. Vàng trong không gian, vàng ngợp như men say. Dọc đường, Đài dừng xe ở một lữ quán, có lẽ để giải khát hoặc uống một vài ly rượu Ngồi trong lữ quán nhìn ra, mắt anh bị màu vàng rỡ của những ruộng quỳ thu hút. Uống xong anh lái xe đi tiếp, nhưng thay vì đi thẳng về hướng Wichita, anh lại rẽ vào một ruộng quỳ, và cứ thế lái xe dẫm nát tấm thảm màu vàng của dã quỳ. Đài đã nhìn thấy gì chăng? Một ảo ảnh? Có thể lúc ấy tâm trí mê thiếp trong hương say của dã quỳ và men rượu, anh đã nhìn thấy Ngọc trên cánh đồng hoa quỳ vàng xô. Và Đài đã đuổi theo, bỏ xe chạy băng qua ruộng quỳ, lội qua suối và rồi...

Không ai biết Đài đi đâu, về đâu. Có thật là Ngọc, người học trò xưa và người yêu thất lạc của anh, ở Wichita không hay một người nào khác cùng tên? Và Đài đi tìm một cái bóng chăng? Có lẽ chỉ có loài hoa dã quỳ mới biết được sự thật mà thôi.

LÊ NGUYÊN LÊ

Mê Lộ

Từ vào mê lộ mù bay
Ta như con nước tháng ngày về xuôi
Mộng cao tay với nửa vời
Sau lưng ngựa chứng, mặt trời vỡ tan
Từ mơ trái cấm thiên đường
Đêm đen ảo mộng, ngày tàn chiêm bao
Cuối đường chợt tắt vì sao
Chiều nay hương khói ta vào hư vô

Những Đám Mây Qua Đời Tôi

PHẠM VĂN NHÀN

Bây giờ là đầu mùa xuân, nhưng cái lạnh cuối đông vẫn còn nơi cái xã miền núi này. Hơi lạnh làm tôi thấy khó chịu; vì không quen với khí hậu miền núi. Tôi vội kéo cao cổ áo để tìm chút hơi ấm. Đứa cháu gái nhìn tôi cười cười, rồi nói:
- Có lẽ cậu không quen với cái lạnh nơi đây?
- Vâng, dưới đồng bằng dù gì cũng ấm hơn.
- Chịu thôi, cháu không thích khí hậu dưới đó.
- Ở đâu quen thôi cháu ạ!
Tôi và đứa cháu ngồi trước hiên nhà buổi chiều. Chiều nơi đây mù mù như có sương phủ. Những dãy hoa cúc chưa nở rộ trên lối đi mà hôm qua Thiện nói với tôi tất cả những gì tôi thấy chung quanh nhà hay trong nhà đều do bàn tay của đứa cháu gái này làm nên . Ngay cả bình hoa tươi trên bàn thờ của ba cháu cũng vậy, cứ hai ngày là nó thay hoa mới. Có thể là hoa dại. Cũng có thể là hoa trồng chung quanh nhà. Ngồi trước nhà, nó nói với tôi: mẹ ngày nào cũng như cái bóng, cứ ngồi mãi nơi cái bàn uống nước trước bàn thờ ba. Có khi tới khuya mẹ cũng không chịu đi ngủ. À, mà cậu có biết gì về cái chết của ba cháu không?
Nghe nó hỏi, tôi im lặng. Một đổi lâu, nó lại nói:

- Hình như ai trong nhà này kể cả cậu Thiện và mẹ đều không nhắc đến cái chết của ba cháu.
- Hai mươi năm rồi mà, cháu ạ.
- Nhưng chẳng lẽ chỉ có mẹ cháu là mang nỗi buồn ấy vào lòng. Còn cháu nữa chứ?
- Đó là nỗi buồn riêng mẹ cháu. Một kỷ niệm của một đời người con gái.
- Chỉ riêng cho mẹ cháu?
- Vâng, cháu lúc đó còn nhỏ quá…
- Cháu lớn lên không biết gì về cái chết của ba cháu. Nghe nói ba cháu đi lính? Cậu nói cho cháu biết đi.

Hai mươi năm qua. Thật sự ngày ấy tôi không nghĩ ly cà phê mà tôi uống với anh lại là ly cà phê cuối cùng trong đời anh với tôi. Buổi sáng nắng ấm ngoài sân. Những chiếc lá khuynh diệp rơi nhẹ trước sân tiểu đoàn. Và, những hang cây bang lá đang đổi màu. Một màu huyết dụ, buồn buồn. Sân tiểu đoàn vắng bóng những khóa sinh, chỉ có những chiếc lá vàng rơi, anh ngồi nhìn ra sân nói: mau nhỉ, mới đây mà đã vào thu rồi. Tôi bảo anh ăn thêm cái gì đó trước khi cho đoàn xe lên đèo. Anh bảo anh không ăn sáng được, chỉ một ly cà phê là đủ. Tôi xem đồng hồ đã 10 giờ sáng hơn, tôi nói với anh như thế. Ngồi một chút nữa xem sao, chờ lính mở đường đi cho an toàn. 10:30 anh đi. 11 giờ tôi nghe báo về hai chiếc xe bị bắn cháy trên đèo P.H. Có chuyện gì thế anh Dậu? Chẳng lẽ nào một trong hai chiếc xe bị bắn cháy đó là xe của anh? Quả thật như vậy, ly cà phê cuối cùng của tôi và anh uống trong câu lạc bộ trước sân tiểu đoàn của tôi như có một cái gì đó chận nghẹn trong cổ họng tôi. Những câu hỏi cứ lờn vờn mãi trong óc : sao lạ vậy? Đơn vị mở đường đâu mà để cho bị phục

kích? Hai chiếc xe bồn quay trở lại xuống chân đèo. Tôi đứng nơi cầu 24 chờ tin. Một sự chờ đợi nóng ruột. Nhưng không thấy chiếc xe của trưởng xa xuống. Ly cà phê sáng trong ngày như chia tay anh thật sự. Đơn vị bộ binh lên giải tỏa. Tôi âm thầm bỏ về đơn vị. Ngày hôm sau, về Nha Trang. Chị khóc, vật vã như người điên. Trong nôi, đứa con đầu lòng của anh chị đang chơi với con thú nhồi bông , người vú già ngồi đong đưa nhẹ cái nôi cho con bé. Một nỗi buồn phủ xuống trong ngôi nhà thuê. Người vú già như muốn gục xuống thành nôi. Còn chị, không còn biết gì nữa.

Tôi rầu thúi ruột. An ủi chị vài câu. Chị gào thét. Thôi thì để yên cho chị trút hết nỗi đau qua những giọt nước mắt. Chiến tranh thật tàn nhẫn. Cái hạnh phúc nhỏ bé dưới mái ấm gia đình của chị cũng đã bị cướp mất đi rồi. Tôi để yên chị ngồi khóc, ra bưu điện đánh điện tín khẩn cho Thiện ra gắp .

Tuần lễ sau, ngày anh Dậu mất, tôi trở về phố ghé tới thăm chị và cháu. Người ta nói chị đã dọn đi về lại quê. Quê chị cùng quê với tôi. Một miền đất chết ngày nào cũng bị bom đạn cày xới. Tôi nhớ, lâu lắm , gia đình chị tản cư về sống trên khu đất mà nhiều gia đình đã di dời về tái định cư, tạo nghiệp nơi đây. Trong đó cũng có gia đình tôi. Những ngôi nhà vách đất, mái tôn đã tạo nên một cái xóm có tên là Xóm Mới. Cái tên nghe thật lạ bên cạnh nghĩa địa với những gò mã đất, mã gió mà, có lẽ, chẳng ai biết tên, hay cũng có thể là những ngôi mộ của những người theo VM bị Tây bắn rồi đem chôn tại đây. Nhiều mồ mả như thế này lắm. Mộ nào cũng chẳng cần biết, bọn trẻ trong xóm xem đã quen thuộc. Cứ ngày rằm mùng một, hay lễ tết, thanh minh, người dân trong khu Xóm Mới ra thắp nhang trên những ngôi mã này

. Những làn khói tỏa nhẹ trong nắng sớm hay sương chiều cũng làm cho cả xóm ấm lòng với người đã khuất.

Bỏ làng xóm ra đi là một việc bất đắc dĩ, cũng vì bom đạn. Cho nên, chị tới trường học trễ hơn tôi với Thiện . Ngôi trường làng được cất lên trên mảnh đất gần những thửa ruộng, cũng tường gạch mái ngói đỏ au. Từ ngày có ngôi trường ấy, cái Xóm Mới rộn rã tiếng nói, tiếng cười, tiếng guốc mộc của các cô học trò nữ chân quê nhưng vui như chân sáo. Chị là một trong những cô nữ sinh trường làng vui như sáo ngày nào; mà mái tóc thề của chị đã là nguồn cảm hứng cho tôi vẽ. Cũng vì mái tóc thề ấy, cũng vì thích vẽ cuội vẽ trăng qua những hình vẽ mà tôi thấy được trên những tấm thiệp xuân bày bán ở những tiệm sách dưới phố vào những dịp xuân về. Tôi bắt chước vẽ lại qua hình ảnh của chị. Mỗi lần gió từ đồng ruộng thổi vào lớp học, mái tóc của chị bay nhè nhẹ như những sợi tơ. Gió thổi nhẹ làm cho chúng tôi dễ buồn ngủ. Nhưng không, tôi không thể nào ngủ gục được khi những nét phát hoạ bằng bút chì mái tóc và gương mặt của chị trên trang giấy học trò. Thằng Thiện ngồi bên cạnh tôi cứ thế mà dòm vào những nét bút chì phát thảo của tôi. Tôi phải nhìn cụ thể mái tóc ấy, để về nhà, quyết định qua phố mua hộp màu nước, cây cọ và quyển tập vẽ bằng giấy croqui. Rồi nhịn tiền ăn sáng mua cái thiệp xuân về nhà ngồi bắt chước vẽ. Trên thiệp xuân, người họa sĩ nào đó chắc chắn vẽ mái tóc người con gái không đẹp bằng mái tóc của chị dưới cái nhìn của tôi. Tôi mê mái tóc ấy. Nhưng chị vẫn là chị của người bạn tôi và của tôi. Mái tóc thề ấy đeo tôi mãi cho đến khi tôi lập gia đình, người con gái đi vào đời tôi cũng có mái tóc dài như chị ngày xưa. Dài lắm. Người Huế.

Những tấm thiệp xuân tôi vẽ mái tóc chị. Có mái tóc màu nước đen. Có cái mái tóc là màu xanh da trời. Cũng có mái tóc là màu đỏ. Vài nét chấm phá ra vẻ ta cũng là họa sĩ, thằng Thiện nói sau này mày thi vào trường mỹ thuật được đấy. Nhưng rồi, những nét phát họa ngày nào, dù là bắt chước , sau này tôi không tập vẽ nữa, mà tay chân tôi đã quen với sắt thép của nòng súng lạnh ngắt trong 10 năm trời.

Sau này, im tiếng súng. Cuộc chiến đã chấm dứt có nhiều nỗi buồn vui lẫn lộn trong cuộc sống của mỗi người dân Xóm Mới. Trong số những gia đình dời về đất cũ, có gia đình chị. Mà, vùng đất bán sơn địa này ngày xưa cũng là nơi xảy ra nhiều trận đánh, dân cư đã bỏ đi, nay trở về đất cũ làm ăn sinh sống trở lại. Tôi tìm đến thăm.

Con đường trãi đá lở lói bỡi lâu năm không tu bổ. Mưa núi đã làm sói mòm từng chỗ. Nhưng hai bên đường thật đẹp vô cùng. Nắng ban mai nhè nhẹ. Tiếng chim hót vui tai. Những hoa dai màu trắng và màu vàng nở rộ trên những đám cỏ dại. Hai bên đường là những rừng dầu không cao lắm, thẳng tắp như có ai đã trồng. Trên đường đạp xe tới nhà chị, lòng tôi vui như một đứa bé quê ngày nào được ba mẹ dẫn đi chơi xa. Một bản nhạc vui nào đó chợt đến. Ngồi đạp xe đạp tôi hát nghêu ngao: "*ôi mê lý, mê ly. Ôi mê lý mê ly đời ta"* . Ừ, mà sao không mê ly được nhỉ. Khi về thăm lại chị và cháu. Thăm lại thằng bạn cũ ngày nào ngồi học chung một lớp nơi ngôi trường làng. Sau này tôi vào lính, nó là con một, nên được hoãn dịch. Mê ly là phải. Nhất là nụ cười vui của chị khi anh chi còn thuê nhà ở trên đường Lữ Gia Nha Trang mà cứ mỗi cuối tuần tôi về thành phố ghé đến

thăm để được chị làm món gỏi cá mai, mà ngày xưa mẹ tôi hay làm cho tôi ăn. Mê ly là phải, lâu lắm, hai mươi năm qua, tôi không còn gặp những người thân quen ấy nữa. Hai mươi năm vật lộn với đời, với cái thân phận bèo bọt chạy ăn từng bữa cùng với vợ con âu lo cho một tương lai chẳng có gì là sáng sủa. Sáng nay, đạp xe trên con đường mà tôi thấy có cỏ xanh, có hoa lá, có những rừng dầu thẳng tắp đưa đến một ngôi nhà mà nơi đó chắc chắn tôi sẽ tìm thấy nhiều kỉ niệm của tuổi thơ tôi. Dù biết tuổi thơ của bọn tôi cũng chẳng có gì là vui như những người bạn sống nơi thành phố. Chiến tranh và tuổi trẻ hầu như đã cướp đi mất của chúng tôi trong cái Xóm Mới, mà nơi đó chỉ nhìn thấy những gương mặt rầu rĩ của cha ông nhìn về mảnh đất xưa mù mịt, như gia đình của chị. Có vui chăng là những lần đến trường học trong ngôi làng định cư ấy. Dầu gì tiếng guốc mộc của các bạn ngày xưa như vẫn còn vang lên đâu đây trên những lần tôi nhấn mạnh bàn đạp xe đạp trên con đường quê về cái xã xa xôi này.

Đứa cháu gái nói với tôi:

- Thấy mẹ vui, cháu mừng.

Rõ ràng, chị và thằng Thiện bạn tôi thấy tôi lên thăm, vui ra mặt.

Thấy chị đứng nơi cánh cửa, Tôi mang thêm cái ghế, mời chị:

- Chị ngồi xuống đây.

Chị cười. Nụ cười vẫn như ngày nào anh chị còn ở Nha Trang mỗi lần tôi đến thăm. Khi ấy con bé này còn nằm trong nôi. Nụ cười hạnh phúc của cặp vợ chồng trẻ tôi vui lây với cái hạnh phúc ấy. Chị đưa tay ra sau búi lại mái tóc. Tôi nhìn, mái tóc chị vẫn còn dài mặc dù có điểm nhiều sợi bạc. Chị hỏi:

- Dạo này cậu sống ra sao?

- Bầm dập lắm chị ơi. Tôi vừa nói vừa cười.
- Phỏng chừng hai mươi năm rồi mới gặp lại cậu?
- Vâng.
- Nghe cậu lên thăm, tôi với thằng Thiện vui lắm. Mong gặp lại cậu để biết công việc làm ăn ra sao?
- Đã nói với chị là bầm dập lắm. Đủ nghề. Bách nghệ mà. Tôi cười.
Chị cũng cười. Nụ cười buồn khi chị hiểu "bách nghệ" của tôi. Chị nói thời buổi này ai cũng khổ. Đứa cháu gái vui hẳn lên:
- Thế là cậu giỏi lắm phải không. Làm nghề chi cũng được.
Chị kí nhẹ vào đầu nó:
- Chẳng hiểu gì!
Đứa cháu nhí nhảnh:
- Cậu biết không, mẹ cháu mấy hôm nay vui lắm đó.
Tôi nhìn chị, chị cười. Cái bịnh trầm uất của chị có lẽ sẽ không còn sau hai mươi năm chị im lặng. Ngồi một đổi với tôi và đứa con gái, chị đứng dậy đi vào trong nhà. Gió chiều bắt đầu trở lạnh. Chị nói:
- Thằng Thiện giờ này vẫn chưa về. Chiều tối rồi.
Tôi nghĩ chị đang lo cho nó.
Còn lại hai cậu cháu, tôi thấy con bé vui hẳn. Nó cứ nhìn tôi rồi nhìn vào trong nhà xem mẹ nó có trở ra lại không. Nó nói nhỏ:
- Cậu xem kìa, mẹ tới thắp nhang trên bàn thờ ba.

Ở lại chơi mấy ngày, ngôi nhà như ấm lại trong cái tình gia đình. Thiện lúc nào cũng nhắc đến ba cái chuyện cũ khi còn ở Xóm Mới. Những ngôi mã lạng. Những vòng hoa cườm màu đỏ mọc lang trên những ngôi mã đất. Những khóm xương rồng, gai bàn chải mọc nhiều trên những lối mòn ra nghĩa địa. Những

cây nhang mà chiều chiều mấy đứa tôi thường hay đem ra thắp. Chúng tôi nghĩ người dưới mộ chắc cũng vui như bọn trẻ chúng tôi. Để rồi, hôm nay, chiến tranh không còn nữa, cái Xóm Mới ấy nhiều gia đình cũng đã dọn về quê. Không biết những ngôi mã đất đó có còn hay không nữa khi thành phố phát triển. Như hài cốt của anh Dậu cũng được cải táng mang về đây. Tôi và đứa cháu gái chiều nào cũng ra thắp nhang trước mộ anh.

Chiều xuống lạnh. Sương núi như dày thêm. Và, ngọn đồi trước mặt nhà mờ mờ cái lô cốt cũ. Tôi hỏi Thiện cái lô cốt này có từ đời nào? Thiện nói tao chẳng biết. Nhưng có lẽ có từ đời gót giầy viễn chinh của Pháp.

Tôi nhìn lên ngọn đồi trước nhà. Cái lô cốt như xạm màu đen, cao vút. Những gốc sứ cũng xạm màu chiều khi ánh nắng sắp tắt. Rồi Thiện nói với tôi: cậu thấy không, nơi nào có Tây ở là nơi đó có những cây bông sứ. Tôi nhớ những dãy phố Tây mà thuở nhỏ tôi đã đi qua. Những cây hoa sứ. Những hàng me tây như có một cái gì đó cứ theo tôi mãi, như những ngôi biệt thự quét vôi trắng kín cổng cao tường mà tôi đã đi qua trong những năm lính của tôi. Phải nói thật, tôi nhìn những ngôi biệt thự đó mà lòng tôi căm thù. Nơi đó, cha tôi đã nhiều lần bị tra tấn. Nơi đó thân gầy của ông đã bao lần chết đi sống lại cũng vì ông có cảm tình với những người kháng chiến. Xóm Mới, ông không ở được, dời về thành phố, đi làm việc cho Tây. Mong có sự yên thân. Thế mà vẫn bị bắt, bị tra khảo. Sau này lớn lên, tôi vẫn thấy những con chó đó. Nhưng thấy chúng già nua, sống lây lất tội nghiệp cho kiếp người làm chó săn của chúng.

Những dinh thự, những cây bông sứ, những hàng me tây, những lô cốt một thời Tậy thuộc địa vẫn còn đó.

Dù chiến tranh đã qua. Dù khổ đau đã ít nhiều lắng xuống trong lòng của mỗi người. Nhưng nhìn nó, tôi vẫn nhớ những lần cha tôi bị tra khảo, thả về người mềm nhũng ra, trông ông thật tội nghiệp.

Tôi nghĩ về chị, hai mươi năm quá lâu để chị mang trong lòng nỗi buồn. Cái hạnh phúc ấy, có lẽ, hôm nay chị gặp lại tôi mà hai mươi năm trước những lần tôi rảnh rỗi về thăm, hay chị nghĩ ngày nào tôi vẽ những tấm thiệp xuân vụng về tặng chị. Cái thuở mà chị còn mang guốc mộc bình dị nơi Xóm Mới. Và hôm nay, cuộc sống của chị nơi cái xã miền núi này cũng bình dị trong cái im lặng nhìn tháng ngày trôi qua. Không nói , không cười, dù ngày nào chị cũng nhìn thấy đứa con gái ngày một lớn lên cũng trong cái bình dị của cuộc sống mà người dân nơi đây đã sống.

Tôi không mong gì hơn. Hôm nay, nghe đứa cháu gái nói: mẹ đã vui lại rồi.

Và, tôi cũng thấy vui. Nhìn chị, tôi lại nhớ những tấm thiệp xuân tôi vẽ về chị, của cái thời biết yêu một mái tóc.

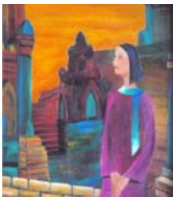

Trần Dzạ Lữ

MÓN NỢ MÙA XUÂN

Bạn bè rơi rụng hết
Còn sót lại mình tôi
Hắt hiu nơi trần thế
Sống để trả nợ đời…

Nợ bạn đêm Đà Nẵng
Hai đứa thức làm thơ
Vợ bạn nằm trăn trở
Gió lùa nhà trống huơ!

Nợ anh đêm Vỹ Dạ
Ngày cưới cũng không quên
Lưu giữ dêm hôn phối
Thân quen một bóng hình!

Nợ em cầu Trường Tiền
Khuya lơ ngồi tình tự
Cầu đổi màu ngũ sắc
Ai đổi màu nhớ, quên ?

Nợ mùa xuân lầm lỗi
Tôi chưa về quê xưa
Hoa bưởi rơi đầy lối
Mẹ ru người ầu ơ…

Tháng giêng còn mộng mơ
Sông Hương còn gương lược
Tôi hẹn về chải tóc
Cho người tình năm xưa…

(Xuân 2009)

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG

BÀI TÂM CA VÔ NIỆM

1.
Kìa ai,
bên suối ôm ảo tượng
Mắt dã hoang vu bụi lốc huyễn hờ
Vũ trụ chết -
tầng âm thanh lắng đọng
Tay ơ hờ vuốt gió hát bâng quơ

2.
Tâm niệm lặn,
lững lờ sương ốc đảo
Gánh càn khôn u ẩn tiếng mưa khơi

Tóc khô kiệt kết tinh mùi thủy thảo
Thoáng mờ xa từng lượn sóng rã rời

3.
Qua cổng nắng
soãi cánh mềm hải điểu
Cát lao lung
phủ ấp đá dung tình
Ai thảng thốt ướp thiền hoa mỹ diệu
Buông tiền thân,
xua tự ngã u minh

4.
Mây xám tạc hình ẩn khách
Xiêm y loạn lửa chân như
Nguyệt tàn, cõi giam sấm động
Cung thương lạnh phím ngù ngờ

5.
Rượu tàn canh -
rượu tàn canh ngập ngừng chân du mục
Réo gọi hồn phiêu lãng phách trầm luân
Tâm huyền niệm - ý lạc loài vô thức
Em –
em về chưa, sao vân ảnh chập chùng

6.
Thôi nhé em -
giếng hồng hoang cô tịch
Trót cạn nguồn lạch kín dấu thiên di
Đèo hun hút
bạt ngàn -
đêm tận tuyệt
Rãi sa mù

khuất bóng nẻo từ ly

7.
Sưởi hâm chi ngọn tình hương phấn cũ
Ta về đâu -
ta về đâu chiều đã mỏi cánh bay
Lỡ tha hóa như rừng sâu tróc lá
Loảng âm hao lã mộng gối vân đài.

Lê Uyên Tự
Chiều bên cầu Liongate

Quán vắng mé cầu, cay hớp rượu
thu vàng nhuộm hực một rừng phong
chiều phai, bóng lá bay man mác
dẩu chưa thi sĩ cũng nao lòng

Lá úa bao giờ về với đất ?
đâu những ngày thơ, mướt sắc xanh
tan tác thu phong ,đời lạc diệp
chỉ mới đầu xuân, một chút mầm

bỗng nhớ năm ba thằng bạn nhậu
khề khà kim cổ,giọng kinh luân
ngữa mặt lên trời than hết rượu

luận cũng không ra lẻ mất còn

ta cũng...thu rồi nên bạc tóc
lâu rồi, say giấc mộng thân danh
ừ ,cũng vô thường như kiếp lá
cười khan, nhớ thuở chỉ hư không

xưa tổ Đạt Ma ngồi diện bích
chín năm đại định vượt trầm luân
ta nay uống rượu bên bờ vắng
sắc không cứ chực chẻ đôi lòng

Lêuyêntự
vancouver 10/08

HẢI PHƯƠNG

Biển Nguyệt Lực Em
Biển Cấn ThaiNguyên Đán

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
con triều cao vời vợi nghìn năm
sóng tâm không nghiêng lệch bờ vô thể tràn đầy sơ sinh
đêm hoan ca cỏ rối chân em mộng mị
riêng mình ta nghe ra dấu tàn phai trên miếu đài
hoang phế sắc mầu hương dĩ vãng.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
ở chỗ thiên thu xanh hố thẳm tiềm thức âm ỉ ngọn lửa
khát khao cời lên những tro than nồng nàn tiền kiếp
hoang đường kỳ ảo
ở chỗ thiên thu xanh môi em còn thơm ngát miếng
trăng khuya vỡ vụn chất cô độc rịn ứa một bình minh
thao thức.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
dạ khúc giao hưởng lạ lùng cung bậc đa cảm mềm
mại như thơ của bọn thi sĩ thứ thiệt trốn chạy khỏi
quê nhà
vòng tay em huyền khải ngân rung sợi âm thanh đa
tình rơi xuống trũng đời ta cung bậc lưu đày điên dại
ngan ngát trời viễn xứ.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
đất đai nở rộ bông anh đào
em nở rộ mùa màng gieo trồng hạt giống mới
ta ân cần hái lượm mùa gặt tinh thể đồng dao nô nức.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
tháng giêng xanh biếc triền sông non
mùa màng em cánh én mang tin mùa xuân hoa trái nở
rộ
phiến đá thời gian nở rộ nụ cười khan
ta nở rộ trang nhà Lá Hát Nguyên Ngôn
kẻ du tử nở rộ thong dong dạo chơi trên bình nguyên
em sơ khai lá cỏ.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
buổi chiều đứng trên núi hát
nghe hoàng hôn thõng xuống vai tượng đá ngụ ngôn
bóng tối ngự trị trên các cửa sổ tu viện không bao giờ mở
đêm rã rời trí nhớ.

Biển nguyệt lực em
biển cấn thai nguyên đán
mưa huyền không chan chứa
suối trinh nguyên tràn lũ ngân giang
mây ngũ sắc thoáng qua bầu trời tam hợp
tóc em bay ba nghìn thế giới.

Biển Nguyệt Lực Em
Biển Cấn Thai Nguyên Đán.

Khi ở San Jose
mùa xuân 2009
haiphuong68@hotmail.com

Giới thiệu sáng tác bằng hữu

Tranh Lữ Kiều

Mặc dù chiến tranh đã lùi vào ngăn kéo của lịch sử, nhưng ở trên/trong thân thể của những người từng tham dự vẫn còn có những vết sẹokhông bao giờ mờ phai. Nào ai biết đêm nay, có người lính cũ, chong mắt nhìn trong cõi tối. Ở đó,
đời lính đó đây xoáy mòn thép súng
quán biên thùy xơ xác chén sương sương
(thơ Cái Trọng Ty)
hay
Chiều! chiều mưa nhiệt đới đẫm đồng bằng,
trùm kín poncho về Tân Phú Trung
giọt ngắn, giọt dài xuôi triền nón sắt
bàn tay che khói thuốc đời mong manh.
(thơ Đoàn Xuân Thu).

*Đọc thơ bạn bè, mà thấy lại bóng mình. Muốn chia sẻ cùng bạn đọc thân mến..**(THT)***

ĐOÀN XUÂN THU
Tân Phú Trung.*

Chuẩn úy sữa về Bình Đại,
giặc bắn vu vơ, hầm nhảy đại,
lính cụ rung râu, cười như dại
mặt chuẩn úy bồ quân, rồi tím tái
nạt lính đùa: ai một lần không hãi?

Rồi cũng ngầu dần theo tháng năm
băng đồng, lội ruộng, nước phèn ngâm.
quần nhau với giặc hơn mươi trận
râu, tóc bồm xồm, tua tủa đâm.

Chiều nay giận quá! thằng giặc láo!
bắn chẳng nhằm ta trúng bình toon.
rượu đẫm mình ta, ta tưởng máu.
đổ rượu! trời ơi! chết sướng hơn!

Chiều! chiều mưa nhiệt đới đẫm đồng bằng,
trùm kín poncho về Tân Phú Trung
giọt ngắn, giọt dài xuôi triền nón sắt
bàn tay che khói thuốc đời mong manh.

Phố chợ Tân Phú Trung buồn như mưa
tạ ơn quán em cho bình toon rượu
nếu không có em, đìu hiu phố chợ
không rượu chiều nay lấy gì ta say.

Dẫu là rượu tiễn lời vĩnh biệt
ngã xuống đời ta kín poncho
không tiếc đâu em, ta không tiếc

ngẫu nhiên về em Tân Phú Trung.

Bình Trung* chuệnh choạng một bến sông.
xuồng ai chợ tết chở đầy bông.
trăm, ngàn vạn thọ tưng bừng nở
chúc phúc cùng ta một nhánh bông.

Em nhá đừng yêu người lính trận
lính trận mà em chẳng có về!
Túy ngọa sa trường quân mạc vấn
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

** Tân Phú Trung một xã thuộc quận Bình Đại, Tỉnh Kiến Hòa.*

CÁI TRỌNG TY

Vượn với người (trích)

Tưởng niệm thiếu úy Phước k.27 SQTBTĐ

.....

đời hư huyễn chiến tranh mù tim óc
con giốc thật dài thao thức dấu chông chênh
đời lính đó đây xoáy mòn thép súng
quán biên thùy xơ xác chén sương sương
bốn phương mây xám màu u uẩn
còn được gì rách nát tấm thân
âm nguy khổn xạc xào bờ lau lách
cỏi vô ngôn mù mịt thở tai ương
đời chinh chiến em vẫn chờ phố nhỏ
thảy tương lai canh bạc chốn phù vân
cưỡi ngựa què những mong làm tráng sĩ

nhớ đến em yêu gác trọ ngày mùa
xưa guốc mộc khua vườn im tịch mịch
âm vọng buồn rung bóng lạc tường hoa
thuyền cố vượt qua một mùa biển động
giữa muôn trùng bóng vỡ sóng tăm chim
nắng lụa lung linh mềm se hơi gió
hoa mười giờ cổng vắng ngóng trông em
hạnh phúc mong manh bờ môi mê muội
đêm ngọt ngào rát bỏng vết truân chuyên
đời đi mãi con sóng tình chất ngất
giữa chân mây vô hạn kiếp long đong
sống vốn đợi mong bọt bèo vạn nẽo
nước sông ròng đâu chảy ngược nguồn xưa
chúng ta yêu nhau giữa mùa ly loạn
có gì không vui em lạnh nhạt xa anh
dòng sông ấy đã chia lìa đau xót
em về đâu đêm giặc đánh quận đường
xưa phố hẹp chiều Tuy Hòa tối vội
mưa ướt tà áo lụa lấm sân rêu
mối tình xót theo em từng đợt sóng
cõi vô minh u tịch giữa đồi hoang

2008

KIỆT TẤN

LỤC BÁT ĐIÊN (trích)

"...Lục Bát Điên *là một nỗ lực nhằm đưa lục bát trở về với đời thường, nơi nó xuất phát. Đồng thời, cũng là một nỗ lực khai phóng"*
KT (trích Mở Lời)

*** Khúc 7**
bây giờ tỏ rạng nguồn cơn
cồn xanh lý bạch ngồi đờn dưới trăng
quí phi lụa múa cung hằng
để rơi chéo áo xích thằng đường vương
nửa đi nửa ở trăm đường
dùng dằng núi biếc ngập ngừng mây xanh
con chim nó đậu trên cành
hót lên một tiếng ngọn ngành chẻ hai
phi phi thiết chu chu hoài
bì khu phi thiết phượng đài nhiên nhiên
lục bát điên lục bát điên
điên khùng lục bát khùng điên điên khùng

*** Khúc 63**
lô nhô đất đỏ bụi đường
ghé qua quán nhỏ cô nường hỏi han
dựng chiếc xe đạp cà tàng
mái tranh quán chật ghế bàn vẹo xiêu
một dòng nước nhỏ cô liêu
quanh co dợn uốn ít nhiều tương tư

bướm xanh nghiêng đảo chần chừ
cô em đưa mắt chừng như gọi mời
đậu xuống đây bướm xanh ơi
đậu rồi ta sẽ có lời nhắn nhe
nhắn chàng ca sĩ ve ve
cô nường thao thức đợi nghe tiếng tình
ve ơi sao cứ im thinh
đã bao mùa hạ một mình quán xiêu
mái tranh chừng nhớ thương nhiều
sàn tre ọp ẹp quạnh hiu cô nường

*** Khúc 64**

một hình hài những da xương
bụi sao thân thể tóc vương mây hồng
xôn xao huyết quản cửu long
gân xanh danube một dòng luân lưu
sahara mắt biệt mù
hằng hà tải cát hoang vu lưng trần
cột đền ai cập hai chân
mây trung hải cũng tỏa gần mày xanh
vai nhấp nhô vạn lý thành
hồng hà đã đỏ ngọn ngành tóc may
dương tử giang ruột nối dài
lạp sơn hy mã non đoài sống lưng
bụng sôi núi lửa tưng bừng
hành sơn năm ngón vói lừng trời cao
rốn trung tâm nở bừng sao
đầu quan ải cuối cà mau chân trần

Biên khảo văn học

tranh Lữ Kiều

ĐẶNG TIẾN

Thơ là gì ?

Dưới tiêu đề tổng quát này, chúng tôi mở đầu một loạt bài biên khảo về thơ, trên bình diện lý thuyết.

Đề tài không phải là mới mẻ ; từ thời Khổng Tử san định Kinh Thi, từ thời Aristote luận về Thi pháp đến nay, hơn hai mươi thế kỷ đã nghiêng mình xuống ngôn ngữ thi ca. Tuy nhiên, cho đến nay, những bình luận về thơ chỉ dừng lại ở mức cảm thụ, nghĩa là cái phần trực giác bén nhạy giúp ta linh cảm chất thơ ; thậm chí có người đưa ra những quan niệm thần bí về thơ, như nhóm Xuân Thu Nhã Tập trước đây, và một số tác giả khác hiện nay tại miền Nam.

Giới văn học Tây phương cũng đã lúng túng rất lâu trong việc định nghĩa thi ca. Năm 1925 trước năm Viện Hàn Lâm họp đại hội đồng tại Paris, Henri Bremond, trong bài diễn thuyết về « thơ thuần túy » [(1)] đã đưa ra một quan niệm huyền nhiệm về thơ, làm lung lạc cả thế giới khảo cứu của Pháp. Nhưng từ ấy đến nay, nếu các lý thuyết về tiểu thuyết, kịch, … không tiến bộ bao nhiêu thì kiến thức về thơ của Tây phương đã phát triển rất nhanh ; nhất

là từ hai mươi năm nay, bộ môn « thi pháp » (poétique) trở nên thời thượng, nhờ những lý thuyết thẩm mỹ nói chung, nhờ sự đóng góp của các triết gia như Heidegger, Bachelard, Sartre, … và nhất là nhờ những tiến bộ vượt bực của ngành ngôn ngữ học, từ de Saussure đến Jakobson và bộ môn nhân chủng học từ Sapir đến Lévi-Strauss. Năm 1962, Jakobson và Lévi-Strauss, mỗi người đã mang những kiến thức nghiêm túc của mình để cùng giải thích bài thơ Mèo (Les Chats) của Baudelaire, có sự đóng góp của nhà ngữ học Benveniste. Bài giải thích này là bước tiến quyết định trong việc phá vỡ huyền thoại về thơ [(2)] .

Tại Việt Nam 1973, có lẽ vì hoàn cảnh, nên chưa có những biên khảo thật nhất quán và khoa học về thơ, tại miền Nam cũng như miền Bắc. Đây là việc cần phải làm vì ai cũng biết người Việt Nam yêu thơ và ngôn ngữ Việt Nam giàu thi tính. Vì vậy mà chúng tôi không ngại kiến thức hẹp hòi, đưa ra một số suy nghĩ trong loạt bài sắp tới : thơ và văn xuôi khác nhau ra sao, tương quan giữa ý thơ và lời thơ, đặc tính của lời thơ, khả năng của khoa học áp dụng cho việc hiểu thơ… Để thoát ly khỏi quỹ đạo kiến thức tây phương, chúng tôi sẽ trình bày quan niệm của tổ tiên ta về thơ, thi tính của ca dao, và sẽ phân tích một vài thi phẩm cổ kim của ta ; một lý thuyết về thơ chỉ có giá trị nếu ta có thể áp dụng để phân tích rất nhiều tác phẩm cụ thể, thuộc nhiều hình thức và thể loại khác nhau, trong nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới, như Jakobson đã đề xuất và thực hành.

Việc này, chúng tôi không viết thành sách, mặc dù có lời yêu cầu của một vài nhà xuất bản ; tôi chỉ muốn trình bày trên báo để góp ý với nhiều giới

độc giả, dù biết rằng khó trình bày được toàn bộ lý luận qua dăm mười bài viết rời rạc.

Viết loạt bài này, chúng tôi đứng trước bốn khó khăn : thứ nhất, sự khảo cứu chỉ mới ở bước đầu ; thứ nhì, thiếu tài liệu về thơ Việt Nam, nhất là về lý luận Việt Nam xưa về thơ ; thứ ba, muốn trình bày một đề tài chuyên môn bằng ngôn ngữ bình dị ; thứ tư, viết về thơ mà không văn vẻ thì đọc chán, mà văn vẻ thì giảm bớt tính khoa học.

Bạn đọc sẽ nhận thấy những khuyết điểm do các khó khăn nói trên tạo ra.

* *

Trong một ngành khoa học khác, môn nhân chủng học, Lévi-Strauss cũng đi đến một kết luận như Jakobson : « *chúng ta đều thừa nhận rằng từ ngữ là những ký hiệu, nhưng giữa chúng ta, thi sĩ là những kẻ cuối cùng còn sót lại còn biết rằng từ ngữ, xưa kia, cũng là những giá trị* »[3].

Từ quan niệm : thơ là một ngôn ngữ trong ngôn ngữ theo lời Valéry, các nhà khảo cứu xây dựng một nền khoa học mới, môn « thi pháp » (la poétique) với những quy luật chuyên môn, thậm chí ngày nay, có người không còn xem thơ như một lãnh vực của văn chương như ta vẫn quan niệm, mà là một hệ thống ký hiệu riêng, không mấy quan hệ với văn chương : « *Ngày nay, chúng ta không còn có thể đề cập đến sự kiện thi ca bằng cách sát nhập thơ vào lý thuyết tổng quát của văn chương, ví dụ xét thi phẩm như một phần của văn học nói chung ,(...) vì cấu trúc của thơ không thể nới rộng đến ý niệm về văn chương* » [4] .Ngược lại, có người xem thi ca như một

bộ môn của ngành ngôn ngữ học, họ khảo sát lời thơ như khảo sát tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Mường… Chúng tôi chưa có điều kiện để phê phán hay áp dụng những kiến giải chuyên môn đó, mà chỉ dừng lại ở những nguyên lý tổng quát, để người đọc tham khảo.

****

Chúng ta thử so sánh một cách nôm na ngôn ngữ thường ngày (ngôn ngữ dụng cụ) với thơ. Ví dụ muốn châm điếu thuốc, tôi hỏi : « anh có diêm không ? » thì đó là một câu nói thông thường, nó không có giá trị gì ngoài việc làm dụng cụ để tôi đốt được điếu thuốc. Tôi có thể nói một cách khác : anh có lửa ? anh có hộp quẹt ? anh có bật lửa ? anh cho tôi mồi điếu thuốc… Nói sao cũng được, miễn là đạt tới kết quả. Vậy ngôn ngữ nói chung chỉ là một phương tiện ; chỉ có thi ca mới là một ngôn ngữ riêng, tự lấy mình làm mục đích. Ví dụ, cùng một câu xin lửa, mà tôi nói :

« Cho tôi xin chút lửa
Lửa tắt.
Cho tôi xin nước mắt
Nước mắt chua »

...

thì tôi không còn xin lửa để đốt điếu thuốc, nhen bếp cơm, mà nói để có cái thế được nói một câu đồng dao đẹp. Câu đồng dao đó tự nó là đối tượng của nó, nó không nhắm mục đích gì hết : Đứa bé lên năm chơi rồng rắn, thì xin nước mắt làm gì ?

Cũng chú bé đó, khi bập bẹ tập nói, học những tiếng con mèo, con chó… để có dụng cụ chỉ hai loại gia súc nọ ; lớn lên chút nữa nó dùng từ chính

xác hơn : con vện, con tam thể, để chỉ cùng đối tượng : dụng cụ ngôn ngữ của nó dồi dào hơn. Trước kia nó chỉ có một con dao, bây giờ nó có con dao bổ dừa để bổ dừa, con dao cau để bổ cau, nhưng ngôn ngữ vẫn là dụng cụ. Mai kia nó lớn lên sẽ gọi tình nhân là mèo, tình địch là chó, thì dụng cụ thay đổi so với sự vật, như là nó dùng dao cau để rọc thư tình nhân và dao bổ dừa để chém đầu tình địch. Hai ví dụ kể trên chứng minh hai điều : Mèo, chó là ngôn ngữ dụng cụ, trong ngôn ngữ đời thường, từ ngữ (cái biểu hiện) và đối tượng (cái được biểu hiện) là hai cái khác nhau, tạm gọi cái trước là hình thức, cái sau là nội dung. Ta có thể dùng hai từ cùng nghĩa (mèo, con tam thể) hay một từ hai nghĩa (mèo gia súc hay mèo tình nhân).

Trong Thơ thì khác. Chú bé bắt chước mẹ, hát nghêu ngao :

Con mèo con chó có lông
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai
(Ca dao)

Hai chữ con mèo, con chó, và cả câu ca dao không có đối tượng. Ai chả biết cây tre có mắt, và nồi đồng (miền Trung) có quai ? Vậy nói ở đây, không phải là để nói lên cái gì, mà để được cái thú nghe lời mình nói, với một câu mà mình cho là hay. Thế nào là hay, thì lại tùy người, tùy lúc, là chuyện khác.

Các nhà biên khảo đã đi đến chỗ đồng thuận : Về lý thuyết, *ngôn ngữ nói chung và văn xuôi nói riêng nhằm phục vụ một đối tượng trong đời sống hàng ngày. Thơ trái lại là một ngôn ngữ tự lấy mình làm đối tượng*. Về thực tế, khi đưa quan niệm này

vào việc phân tích thi ca chúng ta lại phải dè dặt, vì bài thơ là một mô hình phức tạp. Cái nhìn khoa học không những cần phân tích hợp lý, mà còn cần tổng hợp nhất quán ; lối nhìn đó là cần, nhưng chưa đủ để nắm bắt câu thơ.

Nói thơ là một ngôn ngữ tự tại không có nghĩa rằng : thơ không cần có ý nghĩa. Vì một từ ngữ, một câu bao giờ cũng có nghĩa nếu nó muốn là ngôn ngữ. Không làm gì có câu nói thật sự vô nghĩa.

Cũng không hàm ý rằng thơ không tương quan gì đến thực tế nhất là thực tại xã hội. Không thể cô lập một câu thơ, và con người với xã hội, tách nó ra khỏi đời sống. Đây là hai điểm chính yếu, ta không nên ngộ nhận.

Những câu thơ ta cho là hay, dễ nhớ vẫn là những câu có nghĩa, có ý, có tình. Ở tây phương, đã có nhiều trường phái chủ trương thơ vô nghĩa, đều bị bế tắc. Câu thơ phải có nghĩa mới là câu nói, mới làm ta chú ý. Ta có chú ý rồi mới thấy hay, càng đọc càng thấy hay, lâu ngày nhớ lại vẫn thấy hay. *Nhưng câu thơ hay đó tuy có ý nghĩa, nhưng không hay vì ý nghĩa,* mà hay vì hơi nói, giọng nói. Khi câu thơ hay vì ý nghĩa thì nó có cái hay của văn xuôi (beauté prosaique), như một lời văn hoa mỹ, một lời nói khéo, ví dụ câu này của Hàn Mạc Tử:

Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.

Câu thơ này dịch ra tiếng nước ngoài không khó, vì nhiều tu từ pháp, tiếng nước nào cũng có sẵn.

Nói khác đi, tương quan lời/ý, cái biểu hiện/cái được biểu hiện, (signifiant/signififié) bị đảo lộn : trong lời nói thường và văn xuôi, lời là phương

tiện của ý, "*được ý phải quên lời, như được cá quên nơm*" (Trang Tử). Trong thơ, ý là phương tiện của lời trên hai phương diện : trong cấu trúc, ý nâng lời, tạo tương quan cho từ ngữ ; ngoài cấu trúc ý làm môi giới giữa lời thơ và người đọc, người nghe. Câu thơ không có ý thì không có xương sống và không có độc giả, thơ không ý "*như thuyền không lái, như ngựa không cương*", nhưng lái không phải là thuyền, cương chỉ là thành phần không chính yếu của ngựa. Thơ hay không phải tại ý, như ngựa thiên lý không phải nhờ vào giây cương, cho dù giây cương là cần thiết. Vì vậy mà thơ xưa từ Đông sang Tây, quay chung quanh các đề tài tuyết nguyệt phong hoa. Điều chính yếu trong thơ không phải là nói cái gì, mà là nói ra sao.

Vì trong thơ, ý là phương tiện của lời, nên người bình giảng thơ cần đặt lại chính xác quan hệ nội dung và hình thức. Nhất là khi bình giảng thơ trong nhà trường. Các thầy giáo, cô giáo từ bậc tiểu học phải biết dạy thơ. Con em lớn lên mới biết yêu thơ, xã hội mới có thơ hay. Và đời sống con người tinh tế hơn.

Theo lối giảng thông thường của sách giáo khoa, thì nội dung của bài Thu điếu của Nguyễn Khuyến là việc đi câu cá mùa thu. Đúng không ? dụng tâm của Nguyễn Khuyến khi làm bài thơ ấy có phải là để kể chuyện đi câu ? hay ông chỉ mượn việc đi câu, mượn luôn cả cảnh ao thu, để làm một bài thơ đẹp ? Phái duy lý có thể bẻ lại : Nguyễn Khuyến làm bài thơ đó để nói lên tâm hồn kẻ sĩ ; vì tâm hồn cao đẹp nên bài thơ hay. Nghe không ổn, vì có phải thánh nhân đều là thi sĩ cả đâu . Và bao nhiêu thi sĩ Tư Mã Tương Như, Baudelaire chẳng hạn, là kẻ tầm thường,

có khi còn tội lỗi. Vả lại, anh thích bài thơ đó, vì anh thích đi câu, anh thích mùa thu, hay vì bài thơ đó hay ? Tóm lại, nội dung của bài thơ Thu điếu là bản thể của lời thơ, hình thức của nó là ao thu, phương tiện của nó là đi câu.

Nói như thế có vẻ nghịch với lẽ thường. Nhưng chính *thơ là ngôn ngữ nghịch với lẽ thường.* Vầng trăng làm sao mà "sẻ làm đôi" được ? Làm sao có thể "gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao" được ? Thi sĩ là kẻ phá vỡ tương quan của ý tưởng và thay thế vào đó tương quan của từ ngữ. Sự hoán chuyển phương tiện – mục đích, vẫn thường xảy ra trong thực tế ; trở lại với thí dụ đi câu : con rô con diếc là đối tượng của bác thợ câu, nhưng là phương tiện của ông Lã Vọng, đi câu là để đi câu. Cô hái chè lúc vươn tay thì cành chè là đối tượng ; cô đứng chụp hình, tay vươn cành chè, thì cành chè là phương tiện để cô có bức hình đẹp. Cô đứng tự nhiên thì bức hình không tự nhiên, phải giả vờ vin vào cái gì đó thì bức hình mới tự nhiên. Ngôn ngữ thơ cũng vậy : nói tự nhiên, thì không ra thơ, phải nói một cách nào đó thì mới là thơ. Những câu thơ "tự nhiên thiên thành", cũng tự nhiên một cách nào đó, trong một bối cảnh nào đó.

Bảo rằng thơ là cách nói, thi sĩ làm thơ để làm thơ, như kẻ đi câu để đi câu, không cần cá, phải chăng là từ chối mọi quan hệ giữa thơ và thực tế xã hội ? Không phải vậy, những thi sĩ lớn cũng như những lý thuyết gia ngày nay, không còn mấy ai chủ trương hình thức vị hình thức.

Thơ có đặc tính riêng, nhưng vẫn bắt nguồn từ xã hội và phục vụ xã hội. Bắt nguồn và phục vụ bằng cách nào thì tùy hoàn cảnh cá nhân, hoàn cảnh xã hội, và tùy chế độ chính trị, xưa cũng như nay.

Thơ bắt nguồn từ thực tế vì phải sử dụng ngôn ngữ hàng ngày dù để chế biến, xáo trộn, vì ngôn ngữ vốn là phản ánh của đời sống. Thơ lại sử dụng những tình ý của con người, thì dù muốn dù không cũng phản ánh xã hội. Những thi phẩm lớn của ta, như Kiều, Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm, đều mang ít nhiều đặc tính của xã hội. Gần chúng ta hơn, những nhà thơ tiền chiến "mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây" gặp lúc kháng chiến cũng đã "đốt cháy trong lòng mình những phong cảnh cũ" như lời Nguyễn Tuân, để chiến đấu và sáng tác. Gần hơn nữa, nhà thơ say Vũ Hoàng Chương đã từng sống giữa lòng đời như "cắm thuyền sông lạ", năm 1963, đã đốt lên ngọn Lửa Từ Bi hùng tráng để soi sáng cho cuộc đổi thay xã hội.
Và nhìn chung thơ Hy Lạp, thơ Tàu, thơ Tây đều mang đặc tính xã hội.

Thơ không những chỉ phản chiếu tiêu cực mà còn ảnh hưởng tích cực đến tâm hồn con người. Bỏ qua quan niệm "thi dĩ ngôn chí" và "văn dĩ tải đạo"của nhà Nho, bỏ qua luôn quan niệm thơ phải phục vụ trực tiếp quần chúng, chúng ta vẫn gặp những nhà thơ lớn ca ngợi giá trị đạo lý của nhân loại từ Khuất Nguyên qua Đỗ Phủ, cho đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến. Những tác phẩm được truyền tụng là những bài Quy Khứ Lai Từ của Đào Tiềm, thơ lánh đời của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Còn thơ xu phụ quyền thế của 28 vì sao trong Tao Đàn thì không mấy ai biết tới. Trong khuôn khổ của xã hội phong kiến và tư tưởng nho giáo khe khắt, thơ vẫn không chịu gò bó trong tam cương ngũ thường, mà vươn tới cái đạo lớn của nhân loại, ca ngợi cái hùng, cái vĩ, bênh vực kẻ yếu, tố cáo bất công. Khi nói đến tình yêu trai gái,

thơ gạn lọc tình cảm, cho nên những đoạn Kinh Thi ướt át nhất vẫn ngay thẳng như lời Khổng Tử. Bản chất thơ phải "tư vô tà", đó cũng là một đặc tính chung cho các bộ môn văn nghệ khi vươn lên làm văn hóa, văn minh.

Vì thế ngày nay tại các nước công nghiệp tiên tiến, thơ vẫn là một bộ môn quan trọng trong chương trình giáo dục, nhất là cấp tiểu học. Trẻ em học thơ để yêu tiếng nói, rồi từ đó yêu quê hương, loài người và cuộc sống.
Dân tộc Việt Nam vốn yêu thơ, thưởng thức thơ từ lúc nằm nôi, nếu thi ca đóng đúng vai trò của nó dĩ nhiên là sẽ có tác dụng rộng lớn.

Để kết luận, xin mượn lời Jakobson : " *Thi ca, so với những giá trị xã hội khác, tuy không vượt bực, không lấn lướt, vẫn là thành tố cơ bản của ý thức hệ, luôn luôn quy về một đối tượng. Thơ giúp ta khỏi trở thành máy móc, bảo vệ chúng ta chống lại sự han rỉ đang hăm dọa những công thức về tình yêu và thù hận, về phản kháng và hòa giải, về đức tin và phủ nhận*" [(5)].

Về những đóng góp của Jakobson xin đọc bài tiếp theo.

Đặng Tiến
Dieppe, 7-1973,
đọc lại, Orléans 12- 2008

Phụ chú 12-2008

Sách chuyên đề tiếng Việt sau 1973 , đã xem lại :

- Hà Minh Đức : Thơ và mấy vấn đề…. 1974
  Một thời đại trong thơ ca 1996,
  và nhiều sách khác
- Phan Cự Đệ : Phong trào thơ mới 1982,
  Văn học Việt Nam 2004
- Phan Ngọc : Phong cách Nguyễn Du 1985,
- và nhiều sách khác.
- Nguyễn Phan Cảnh : Ngôn ngữ thơ 1987
- Nguyễn Hưng Quốc : Tìm hiểu nghệ thuật thơ 1988
  Nghĩ về thơ 1990
- Mai Ngọc Chừ : Vần thơ Việt Nam 1991
- Nguyễn Xuân Kính : Thi pháp ca dao 1992
- Lê Đình Ky : Thơ mới... 1993
- Thụy Khuê : Cấu trúc thơ 1995
- Nguyễn Bá Thành : Tư duy thơ 1996.
- Hữu Đạt : Ngôn ngữ thơ Việt nam 2000
- Trần Đình Sử : Văn học và Thời gian, 2001.
- Trần Đức Các1995 ; Nguyễn thái Hòa 1997 ; Phan Diễm Phương 1998,
  về thi pháp trong văn học dân gian

---

(1) Bremond, La Poésie Pure, nxb Grasset, Paris 1926

(2)Tạp chí L'Homme, số II, 1,1962, in lại trong *Questions de Poétique*, Roman Jakobson, nxb Le Seuil, Paris, 1973, tr. 401-419.

(3)Levi-Strauss, Anthropologie Structurale, tr 70, Plon, Paris 1958, Claude Lévi-Strauss nói « cuối cùng sót lại… xưa kia » vì muốn truy nguyên nguồn gốc và cơ cấu của ngôn ngữ, qua cơ cấu tổ chức thị tộc và hôn nhân các xã hội cổ sơ của Phi Châu, Nam Mỹ, vì theo ông liên hệ thị tộc và hôn nhân cũng là ngôn ngữ.Chữ « giá trị » ông dùng theo nghĩa đơn vị để trao đổi.

(4) A.J.Greimas, Essais de Sémiotique Poétique, nxb Larousse, Paris 1962, trang đầu.

(5)Questions de Poétique, Sđ d, tr. 125.

TƯỞNG NHỚ BẠN BÈ

NGUYỄN PHAN THỊNH

(1942 - 2007)

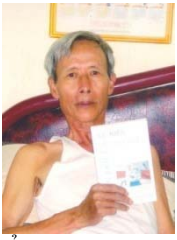

Ảnh TTM

Tháng 2. 2007, sau Tết, Nguyễn Phan Thịnh phải nhập viện cấp cứu vì rối loạn tiêu hóa. Kết quả cho biết anh bị ung thư gan. Vợ, và các con giấu, và anh cũng hồn nhiên tin rằng mình chỉ bệnh nhẹ. Anh Đặng Hải Sơn chở tôi lên thăm N.P.Thịnh, căn nhà xa hun hút ở tận gần Hóc Môn. Lúc này anh gầy gò nhưng con mắt vẫn tinh anh, nụ cười rất bằng hữu.

Tôi cũng có nhiệm vụ giấu anh căn bệnh nan y, cho nên tôi bịa rằng anh bị đau bao tử. Anh tin. Sau đó chúng tôi nói chuyện văn chương. Những lần thăm bạn sau đó, câu chuyện bệnh tật thì ngắn, chuyện văn chương thì dài, và đem lại cho anh nụ cười và niềm tin. Thậm chí, anh còn lạc quan cầm cuốn truyện "Trên đồi là lô cốt" của tôi và nói: "Bạn chụp cho tôi một tấm hình đi". Lần cuối, có lẽ anh đã hiểu mình yếu lắm rồi. Lần đó có Thu Hà, Hằng, Đ.H. Sơn và tôi đứng chung quanh cái ghế bố Thịnh nằm, Thịnh không ngồi dậy được. Anh nói: "Có phải chị sắp đi Mỹ cho nên đến thăm tôi vì sợ khi về không gặp." Anh nói với Hằng: "Vẽ đi nhé, triển lãm sớm đi, tôi sẽ đến dự." Nhưng nước mắt thì chảy. Tôi xúc động nói với anh về

những bài văn ngắn của anh vừa đăng trên Thư Quán Bản Thảo những bài văn cô đọng vài trăm chữ nhưng nội dung thì phong phú. Lập tức anh rạng rỡ trở lại, vui vẻ bàn chuyện văn thơ. Anh nói: "Mình có khoảng trên hai mươi bài văn như vậy". Rồi anh dí dỏm cười. Đó là nụ cười cuối cùng của Nguyễn Phan Thịnh tôi nhìn thấy, Vài ngày sau,anh mất.

Ôi, văn chương còn giúp bạn cười trước khi ra đi thế ru?

Lữ Kiều

...Trước 1975, Nguyễn Phan Thịnh nguyên là một sĩ quan cấp úy thuộc binh chủng pháo binh, từng tu nghiệp ở Hoa Kỳ. Về lảnh vực văn học nghệ thuật, tên tuổi Nguyễn Phan Thịnh không xa lạ gì với giới văn nghệ và độc giả miền Nam trước 1975. Anh làm thơ, viết văn và dịch thuật. Thơ anh phần lớn mang thể tự do, chuyên chở những thao thức của thế hệ chúng tôi bấy giờ. Chọn bài thơ tiêu biểu cho NPT rất khó, vì lẽ anh làm thơ quá nhiều. Khi sưu tập thơ anh, chúng tôi phải choáng ngợp bởi sức sáng tác dữ dội này.
Sau 1975, anh em chúng tôi xa nhau. Mãi khi thực hiện Thư Quán Bản Thảo, chúng tôi mới bắt được liên lạc lại với anh. Anh bảo là anh mừng lắm. Và những bài thơ, văn, có khi anh dùng một bút hiệu khác, gởi đến chúng tôi. Anh sống giữa thành phố SG mà không có hộ khẩu. Ban ngày đạp xích lô ban đêm dạy kèm Anh văn. Anh cho biết, sau 1975, có một số bạn bè lòng dạ đổi thay, ngay cả không nhìn mặt bạn mình khi bạn mình lâm bệnh nặng được chở vào bệnh viện cứu cấp. Cũng có kẻ hợp tác với chế độ mới, nguy hiểm, , anh khuyên chúng tôi nên cẩn thận khi giao tiếp...Hai vai anh gánh khổ nạn chập chùng mà không bao giờ than thở kêu ca.

Một điều mà chúng tôi cảm động ở việc luôn luôn anh tự hào là người cọng tác với tạp chí TQBT, xem TQBT như

một mái nhà.
Chúng tôi xin được đi lại những truyện thật ngắn của anh gởi đến TQBT cùng hai bài thơ sưu tập trước và sau 1975 như để nói lên tấm lòng của bạn bè anh về một người thơ, một kẻ sĩ, một người không hộ khẩu ngay trên quê hương mình.

Anh NPT. Chúng tôi cám ơn anh. Dù mấy mươi năm không gặp, và mãi mãi sẽ không bao giờ gặp, nhưng trong tâm tưởng chúng tôi lúc nào cũng có anh...

TQBT

(Những truyện thật ngắn)

Bồ Tùng Linh và Cáo

Một hôm Bồ Tùng Linh dạo chơi bên khe núi, chợt nghe tiếng cười khẽ trong bụi lau đang trổ cờ phất phơ dưới ánh hoàng hôn. Một nàng con gái yểu điệu thướt tha thơm nức xạ hương thoắt bước ra khêu gợi lạ thường. Bồ mê đắm quên trời đất. Nửa đêm thức dậy dưới trăng thấy ôm trong lòng một con cáo, Bồ dựng tóc gáy, lạnh buốt cả mình mẩy, nằm chết ngất dưới mưa sương.

Mặt trời lên đã lâu, Bồ tỉnh lại, thấy còn trơ một mình. Vơ vẩn một hồi, Bồ xuống núi về nhà quyết định ngồi viết Liêu Trai Chí Dị. Nhiều năm sau, lưu lạc về nam, một đêm đang ngồi viết trước đèn, thóang có bóng người đẩy cửa vào ngồi xuống cạnh Bồ, nói : *Thôi làm cáo luôn cho rồi* . Hỏi: *Sao được ?*

Người ấy cười: *Sao không? Chính ta cũng là cáo đây, cáo già. Thời nay đâu còn mấy người đâu ? Chính ngươi cũng mọc đuôi rồi đấy, cứ rờ xem…*

Bồ Tùng Linh rờ dưới đít mình rồi khóc rống lên đúng lúc tờ lịch trên tường rơi xuống có ngày

13/9/2003

Không Bóng

Ở thành phố ấy không dưng dân chúng đồn đãi nhiều người không có bóng. Giữa nắng ban ngày thấy chỉ có bóng xe Honda chạy vù vù, chứ người ngồi trên xe không có bóng in xuống mặt đường. Thế đêm dưới ánh đèn điện thì sao? Người nói có bóng người nói không bóng tranh cãi nhau om sòm.
Xóm nọ có ông giáo già nghe tên như là Mác-két, bọn nhi nhô hay chỉ chỏ xa xa gọi là *"ông già mắc kẹt"*, nghe đâu ông không có hộ khẩu thường trú, tạm trú hai mươi mấy năm rồi. Một hôm con gái ông dẫn về nhà một đứa con trai không bóng. Nó rú ga mô-tô vang ầm cả con hẻm trước khi phóng đi. Ông nói: *Con ơi, nó không có bóng*! Con gái ông nói: *Họ cũng có người tốt*. Ông càu nhàu: *Ai chẳng biết, nhưng ít lắm, lại còn xem tốt với ai*. Con gái ông gắt gỏng: *Cha đừng vơ đũa cả nắm*! Ông giáo già trầm giọng: *Coi chừng nó có đuôi ấy chứ* !

Một năm sau đám cưới con gái ông rềnh rang ở nhà hàng, khách dự gần nửa ngàn người, đa số là dân không bóng, ô tô con đậu chật cả hai con phố. Phần lớn khách của nhà trai, tai to bụng lớn, nghe nói là

anh em bầu bạn của Năm Cam Bảy Quít cả. Chưa được nửa năm sau đó con gái ông đã đẻ con, một đứa con trai bụ bẫm lọt lòng nặng hơn năm ký lô, bác sĩ ở bệnh viện phụ sản nói hài nhi mắc chứng tiền béo phì. Ông dẫn bà vào thăm con thăm cháu, vẻ mừng vẻ lo. Ông đòi bồng cháu, nâng niu rờ rẫm mãi, lát lát lại vạch xem đít thằng bé đỏ hon hỏn. Con gái ông hỏi: *Ông già làm gì thế?*

Ông mắt trước mắt sau, thì thà thì thầm : *Cha sợ nó có đuôi lợn con ạ!*

25/9/03

Nâng Cấp

Xóm tôi mới thay Tổ Trưởng Dân Phố là đàn bà. Mấy năm trước nhà bà này lụp xụp tối tăm, bán tạp hóa vặt vãnh, ông chồng có tật ở chân mặt mũi thầm lặng. Không dưng bà sửa nhà mới, lên một tầng sàn bê tông giả, ban công đúc, lót gạch bông quét sơn nước sáng lóa. Giọng nói bà tự nhiên rổn rảng, nghe vang vang. Thì ra con trai bà đi hợp tác lao động ở nước ngoài về nâng cấp nhà cửa, chuẩn bị lấy vợ. Chính là cậu con trai hay thấy ngồi ở bàn ngay giữa nhà dưới ánh đèn sáu tấc mờ mờ, nghe nói học đại học kiến trúc hay bách khoa gì đó.
Thành tích đầu tiên của bà tổ trưởng mới là thu tiền nâng cấp con hẻm thành bê tông. Suốt những ngày máy trộn bê tông lục cục rền rĩ, bà quăng quýt lăng xăng bên cạnh anh Công An Khu Vực và ông Tổ Phó An Ninh, giọng nói như có chuông rền, nặng hơi quyền uy mệnh lệnh lạ thường. Trong bộ cánh mới,

trông bà có vẻ hơi sang và trẻ ra. Nhà bà vẫn bán tạp hóa.
Đến tháng sau có đợt bình bầu Gia Đình Hạnh Phúc . Gia đình bà là một, gia đình thứ hai ở tuốt xóm trong ít ai biết. Chú Năm ở xéo trước mặt nhà tôi một hôm thấy tôi đang đứng trước cửa bỗng bước qua, thì thầm:
- Anh Tư thỉnh thoảng qua mua thuốc hút có thấy bà già gù trông như ăn mày ngồi ngoài bậc thềm nhà bà Hai Xu không? Má chồng bả đó. Bà già chỉ được vô nhà ngủ sau chín giờ thôi. Mưa nắng gì cũng vậy. Bữa ăn bà gìa được một tô cơm cũng ngồi ăn ở ngoải. Sáng dậy bà già hay lọm khọm ra chợ, có hôm ở suốt ngày luôn. Tui đã nói thẳng vào mặt thằng chả là đồ bất hiếu.
- Ủa vậy sao ? Mà lâu rồi tôi không thấy bà già đó đi qua đây. Bà cụ đâu rồi ?
- Bà già bệnh quá, bị vợ chồng chả cho lên xe đò về quê ngoài Quảng sau đó chết rồi. Tôi thấy thằng chả đeo băng đen trên túi, có hỏi thăm bữa qua mua rượu thuốc.
Vừa lúc ấy ông chồng Bà Tổ Trưởng từ đầu hẻm về, một tay xách nặng bịch ni lông hàng tạp hóa. Ông bị liệt nửa người bên trái, thường đi xiêu xiêu một bên, tay trái buông thõng, mặt u trầm, mắt nhìn xuống đất. Nhưng bữa nay trông ông thật khác lạ. Ông cũng đã ăn mặc sạch sẽ sáng sủa hơn nhiều. Ông hất mặt lên và môi hơi hé cười với chúng tôi trong lúc như đang nghiến răng lấy dáng đi. Không, phải nói là ông nửa bay nửa nhẩy. Ông như đang ráng tận lực cho hai vai thẳng, vung vẩy tay trái và chân trái để tiến tới. Trông ông xiêu vẹo đâm ngang bổ dọc, không biết đổ sấp lúc nào, đáng sợ và đáng thương làm sao !
Tôi còn đang bàng hoàng, bỗng nghe chú Năm thì

thầm vào tai:
- Chà, nâng cấp nữa rồi!

31/12/03
Tiệc chiêu đãi

Chúng tôi được điểm danh và chỉ định chỗ ngồi xong xuôi trước khi tấm màn nhung đỏ kéo lên. Đại Quan Tiến Sĩ Hannibal từ bên cánh gà bước ra , đi giữa hai cô gái đẹp lộng lẫy. Chúng tôi đồng loạt đứng lên vỗ tay cho đến lúc ông được hai ả nâng tay dìu đến ghế ngồi sau một cái bàn đồ sộ phủ khăn đỏ. Một bé gái trong đội múa thiếu nhi mặc váy hoa ngắn cũn ôm hoa tiến lên sân khấu. Nhạc trỗi ầm ĩ âm thanh của kèn đồng và trống trận. Hannibal nhận hoa để xuống mặt bàn, dang hai tay bồng bé gái lên, hôn chậm và lâu hai má em, nét mặt thương yêu như của một ông ngoại nhân từ vô tả. Chúng tôi lại vỗ tay.
Hannibal nâng ly rượu để sẵn trên bàn lên. Chúng tôi cũng được các cô gái xinh đẹp hấp dẫn (á hậu/casĩ/người mẫu?) thơm phức bưng khay bước ra phát cho mỗi người một ly rượu màu hồng đục kèm theo một nụ hôn mê hồn. Lại một khúc nhạc vang lên, ầm ầm tiếng trống điểm nhịp những tràng đại bác. Chúng tôi ngồi xuống và uống rượu nồng nồng tanh tanh như có mùi máu. Hannibal bắt đầu nói, chúng tôi nghe và thỉnh thoảng lại vỗ tay.

Hốt nhiên chúng tôi như đều say say. Hai cô gái (hoa hậu?) đang đứng múa trên bàn trong lúc một ca khúc lảnh lót vang vọng từ những chùm đèn nhấp nháy trên trần đại sảnh, tay phơ phất giải lụa đào, thịt da trắng ngần nhễ nhại ẻo lả quằn quại theo điệu Rap. Hannibal đang cười nhe răng trắng nhởn, mặt như

con trâu già. Bé gái ban nãy trần truồng nằm ngửa trên một cái đĩa khổng lồ ngay giữa bàn, mặt càng nhìn càng giống mặt khỉ non. Một phu nhân già (vợ Hannibal ?) từ một bên cánh gà bước ra với một cái khay đựng dao và nĩa. Mụ cũng không mặc quần áo, hai bầu vú thỗn thện chảy dài , nhảy tưng tưng trên mặt khay theo bước đi nhún nhảy điệu đàng. Chỗ ấy của mụ cạo sạch trơn.

Chúng tôi cùng hú lên như ma ám, thoắt nhìn nhau thành nửa cừu nửa dê, rút trong túi ra mỗi người một con dao nhỏ, cứa mạnh vào cổ tay mình. Máu chảy tong tong vào ly rượu đã cạn. Chúng tôi uống. Cứ thế chúng tôi uống máu mình. Be he ...
14/3/04

THƠ NGUYỄN PHAN THỊNH
(trích)

Một bài thơ trước 1975

Những ngày nội chiến

giọt chuông quanh ngọn tháp chuông thắp lên ngọn đèn đỏ
những con muỗi bâu lên da xám thò ngoài quần áo
móc hay đeo từ những cửa xe vỡ kính, hút máu trên

những lá cỏ trên những viên sỏi trên những sợi tóc và trên mép đường rầy.
buổi chiều những bà mẹ run rẩy thắp hương đốt nến và thu hai bàn tay lê n mặt đã ướt như mặt đã ướt như mặt ngói mùa mưa đầy rêu xanh
những cây súng nằm hiền lành như những cành củi vung vãi, nghếch mũi lên trời thở hơi khét.
sự sống ở bên kia khu rừng, tận đầu đường sắt: ở đó có những đứa con nít bán hạt dưa, viên xếp ga ngậm ống điếu ngó đôi trẻ hôn nhau, những người ăn mày rên rỉ và những người lính dựa tường quạt mũ sắt bọc lưới.
lặng lờ êm ái những bước chân bên thân tôi, ngón tay nào vuốt hàng mi đóng nửa chừng và nước mưa rơi xuống mát mẻ rung động
Cảm tạ vô vàn sự ôm ấp thân mật.

(trích Thơ Miền Nam trong thời chiến I)

Một bài thơ sau 1975

Cổ tích mới

đi giữa đường chưa hẳn đã gặp người
gặp người chắc chi gặp mặt
vẫn anh em vẫn bà con
vẫn đi đứng hai chân
vẫn áo quần giầy mũ
nhưng phải người không còn hỏi đã
nhân cách nhân phẩm nhân văn nhân quyền
hết thẩy mơ hồ mơ hồ quá

phải tiếng người không
ngữ nghĩa mịt mờ lạ
chữ tiếng lấp lửng nhiều tầng ẩn dụ
hay vờ vịt tầm phào qua quít linh tinh
hay nhiều lúc lặng thinh
nghe tốt hơn là nói

sống đãi bôi quen rồi
luôn luôn phải học nghi ngờ
biết thủ biết phòng biết chạy
biết hèn để tồn tại
biết giá trị vật chất là vĩ đại
không gì qua khỏi miếng ăn

gặp người mà không gặp mặt
mặt mất rồi mặt giấu rồi
mặt anh là mặt nạ đang cười
cũng giống mặt em đấy
gỡ mặt nạ hai hàng nước mắt chảy
đau khổ mặt người
và tiếng nói xáo tung lên
sống lẫn bầy đuôi cụt đứng lom lom …

12/9/2003

KHUẤT ĐẨU

Những tháng năm cuồng nộ

(truyện dài, tiếp theo kỳ trước)

10.

Dù có hồi hộp lo sợ đến mấy thì cái ngày tiếp thu không mong đợi ấy cũng tới. Nhưng chẳng có Tây trắng Tây đen, chẳng có súng ngắn súng dài. Cũng không có đốt nhà hãm hiếp như ông Khứ và cô Thảnh nói. Chỉ có độc một cây cơ màu vàng ba sọc đỏ ai đó lặng lẽ đem cắm trước Uỷ ban. Mấy ngày sau cũng chính ông Tư alô chõ miệng vào loa mời đồng bào đi dự mitting mừng Ngô thủ tướng.

Lại thấy những chiếc áo dài đen lâu nay cất kỹ được các ông hương bộ, hương kiểm, chánh phó lý rụt rè đem ra mặc. Ông phó Ba không còn hài hước chọc cười thiên hạ nữa mà cố tình làm mặt nghiêm tuyên bố Bảo Đại vẫn còn làm vua và Ngô chí sĩ sẽ thay ngài lo việc nước. Còn ông, nhiệm vụ đầu tiên là cầu đảo cho cả làng được bình yên sau vụ cướp chính quyền của Việt Minh Cộng Sản.

Ông bèn cho những người mới hôm nào là dân quân du kích dọn dẹp sân đình và đến nhà ông Khứ đòi lại cái án thờ. Đây là cái án được các thợ Bắc chạm trổ rất tinh xảo mà trước đây làng đã phải mua đến mấy trăm bạc. Ông Khứ, hồi đó sau khi đã hất các bài vị xuống đất, liền âm thầm đem về nhà mình để các vị thần bá láp kia không còn chỗ mà về nữa. Bây giờ người ta mới biết ông Khứ tuy không tin có thần thánh gì nhưng vẫn tin có ông bà tổ tiên và việc mời các cụ về ngồi lên cái chỗ sang trọng như thế là một việc làm chính đáng.

Đã mấy đời làm nghề phù thủy, cho nên việc cúng tế tẩy trừ đối với ông phó dù bị ngăn cấm trong suốt chín năm vẫn rất quen thuộc. Không biết tự bao giờ và đặt ai làm, người ta thấy hai hình nhân, một nam và một nữ được ông đem đặt bên cạnh cái án thờ. Hình nhân nam mặt mày bậm trợn, mồm lún phún râu, còn hình nhân nữ thì má phấn môi son nhưng hai hàng chân mày xếch ngược, mắt trắng dã trông rất dễ sợ.

Ông tổng Bá mặc áo thụng xanh đứng ra làm chủ tế. Sau khi khấn một tràng dài, ông lạy ba lạy rồi nhường quyền trừ ma tróc quỷ cho ông phó nay được gọi là trưởng thôn. Ông phó Ba liền vung tay bắt quyết, miệng đọc thần chú, rồi lấy roi dâu đánh lên mình mỗi hình nhân mười roi. Lần đầu tiên tôi được nghe những tiếng lạ lùng : *An mani á dư hồng ! An mani bát dư hồng !* được lập đi lập lại mãi. Sau đó người ta đem hai hình nhân bỏ vào bè chuối thả xuống sông, coi như đã xua đuổi hết tà ma ra khỏi làng! Cô Sáu bảo hai cái hình nhân đó là ông Khứ và cô Thảnh.

Như vậy *thằng* địa chủ Bá lại được thưa gửi bằng ông, *đồng chí* thủ ngữ Đực lại bị gọi bằng thằng.

Mọi sự lại như cũ!

Lúc này những ai có thân nhân ở Nha Trang hay Sài Gòn lại khá lên như một con bệnh vừa được cứu sống và cho uống thuốc bổ. Chỉ cần đi vào đó một bận là khi trở về có cả đồng hồ, xe đạp. Thằng Khánh được bịt cả răng vàng, lúc nào cười cũng sáng lên như có chớp.

Vì được miễn thuế, nên những nhà nhiều ruộng chỉ trong một vụ mùa là lúa đã đầy nhà. Hai mươi mẫu ruộng đã từng làm cho ông tổng Bá chết dở sống dở, giờ lại mạnh mẽ nâng ông dậy. Những kẻ trước đây không thèm làm nô lệ cho ông giờ rón ra rón rén đến xin được làm rẽ. Người ta bảo thà làm *nô lệ* mà có hột cơm ăn, còn hơn *làm chủ* mà bữa nào cũng phải húp bột mì vừa chua vừa loãng như nước mũi! Cũng có người lo sợ rằng hai cái hình nhân ông thôn trưởng Ba làm phép đẩy ra biển kia biết có linh nghiệm hay không. Chỉ mười mấy tháng nữa thôi hai cái hình nhân ấy mà sống lại thì ông tổng Bá sẽ bị đập chết và những người có liên quan thì biết sống ở đâu!

Nhưng mà thôi, sống được ngày nào thì cứ sống. Trước đây phải dấu đút ăn trộm ăn lén, giờ đây muốn ăn gì cứ ăn, muốn mặc gì cứ mặc, muốn mua gì cứ mua! Và thực là lạ lùng, cái thứ mà mọi người rất muốn mua lại là chó! Những con mực, những con vàng, những con vện, những con đốm… chúng mày ở đâu? Cái cơn nhớ ấy bùng lên dữ dội khi thằng Hậu con ông hương mục (coi việc chăn nuôi trâu bò trong làng) đem về từ Sài Gòn hai con chó Nhựt một đực một cái. Người ta kéo đến xem vòng trong vòng ngoài còn hơn cả xem sơn đông mãi võ. Nhiều người tranh nhau mua. Ông hương kiểm đã phải mất một cặp gà và 300 ký lúa mới đổi được. Thấy quá hời, thằng Hậu lại đi vào Sài Gòn và trở thành một anh buôn chó có

tiếng. Một năm sau nó sắm được xe, cất được nhà, cưới được vợ mặc dù mang cái tên khó nghe là Hậu chó.

Như thế trong làng có hai đứa nhờ chó mà sống được và ăn nên làm ra. Nó là chủ trại nuôi bán chó còn tôi thì làm công. Những con chó nó đem về từ miền nam không phải xinh xẻo như hai con chó Nhựt mà là những con ốm đói, ghẻ lở lẽ ra phải chui vào nồi rựa mận. Con nào cũng nằm buồn rầu ủ ê không buồn sủa lấy một tiếng. Công việc của tôi là đem ra sông tắm rửa từng con một, rồi ve vuốt dỗ dành để nó chịu ăn. Đối với ai khác thì đó là một công việc hết sức dơ bẩn và cực nhọc. Nhưng với tôi lại là một niềm vui. Dường như cái dòng sữa chó trong tôi đang thức dậy và lũ chó cũng nhận ra rằng, tôi với chúng cũng là đồng loại chỉ khác là biết nói tiếng người.

Lũ chó được tôi chăm sóc chẳng mấy chốc đã trở nên phổng phao xinh đẹp. Chúng lại còn biết làm vài trò đơn giản như đứng hai chân sau, co hai chân trước như một đứa trẻ biết vòng tay để chào mừng. Cái việc đưa một chân ra để bông dua thì dễ quá, chỉ một vài miếng thịt mỡ là tập được ngay. Nhìn lũ chó sởn sơ béo tốt thằng Hậu đã phải khen: Mày đúng là thằng chó đẻ, giỏi thiệt!

Tuy nhiên cái công việc bán chó ấy cũng không phát được lâu. Chỉ một năm sau là nhà nào cũng có chó. Những con chó cái đã đẻ ra hàng loạt chó con. Người ta không mua nữa mà xin, cùng lắm thì đổi một con gà. Đó là chưa kể cái nguồn chó trong Nam đã bị những người Bắc di cư tóm vào các quán thịt cầy mọc lên nhan nhản. Thằng Hậu dẹp trại nuôi chó xoay ra nuôi gà đá. Cái món này thì nó không cho tôi đụng vào. Nó bảo, cái máu chó của mày làm cho

lũ gà chạy biến. Vào độ mà chạy là có nước bán nhà!

Lúc này tôi mười bảy tuổi. Đêm nằm trở giấc đã muốn ôm một ai đó vào lòng. Những khi ngồi trước gương cho thợ cắt tóc, tôi lại nhớ tới lời cô Sáu "trông mày cũng lịch sự trai" . Tôi chỉ mỉm cười một mình vì ngoài chị Thảo chưa có ai thèm nắm lấy tay tôi. Nhớ lại hồi cả làng đêm nào cũng kéo nhau ra sân đình tập nhảy *Xôn-đố-mì,* một điệu nhảy của Trung Quốc anh em. Cứ một trai một gái đâu mặt vào nhau, hết đá chân phải lại đá chân trái, điệu nhảy mà ông phó Ba gọi là *Tao-đá-mày.* Đứa nào cũng bắt được cặp chỉ có tôi là không. Tụi con gái chẳng đứa nào chịu. Chúng nó bảo tôi hôi mùi chó! Bây giờ làm cái nghề nuôi dạy chó, chắc không khi nào tôi lấy được vợ!

Vua Bảo Đại có lẽ là ông vua bấp bênh nhất trong lịch sử. Năm bốn lăm, khi trao ấn kiếm cho Cách mạng, ông nói cứng *"thà làm dân của một nước độc lập, còn hơn làm vua của một nước nô lệ "* Thế rồi nghe đâu công dân Vĩnh Thụy trốn qua Pháp và lại làm vua nước Nam tại Pháp. Những năm ấy nghe nói ông chỉ đi săn và đi nhảy đầm. Mọi việc trong nước đã có Thủ tướng lo. Chẳng biết ông Ngô Đình Diệm làm thế nào mà bỗng dưng được suy tôn lên làm Tổng thống, còn ông bị truất phế rơi xuống làm dân. Cuộc đời như thế người ta gọi là lên voi xuống chó.

Để mừng quốc khánh và suy tôn Tổng thống, người ta bày ra cái cảnh lần đầu tiên thi xe hoa. Mỗi thôn một xe cùng thi tài ở sân vận động của xã. Các vị chức sắc ở thôn An Định vò đầu bức tóc nghĩ mãi mới ra được cái xe hoa như thế này. Hai chiếc xe đạp tháo ghiđông để có bốn bánh xe. Một cái khung hình

chữ nhật bọc vải trắng vẽ những cảnh sơn thủy và mai lan cúc trúc. Trên cao là cái tháp nhỏ có hình Ngô tổng thống mặc quốc phục khăn đóng áo dài. Chung quanh kết cờ ba sọc, tối đến có đèn chớp nháy. Vậy là đẹp, là có ý nghĩa. Nhưng xe đạp đâu có chạy được nếu không có người đạp. Chẳng lẽ cho thanh niên chạy trước kéo hay đi sau đẩy? Luộm thuộm quá coi không được. Các vị cãi nhau suốt.

Đang lúc lúc lúng túng không biết cho xe chạy bằng cách nào thì ông hương kiểm bỗng nói: sao không cho chó kéo? Mọi người ngớ ra một lúc rồi cùng ồ lên: Phải! Phải! Để chó kéo coi ngộ à! Nhưng một con kéo sao nổi mà nhiều con chạy loạn xạ thì ngã mẹ nó chiếc xe còn gì!

Rốt cuộc, người ta lại nhớ đến tôi, rằng chỉ có tôi với cái miệng từng ngậm vú chó mới có thể dạy được chúng kéo cái xe để giật giải. Dĩ nhiên là tôi không chối từ cái vinh dự có một không hai ấy. Tám con chó đực béo tốt nhất làng đã được chọn. Chúng là những con chó đã được tôi chăm sóc ở trại thằng Hậu ngày nào, nên khi gặp lại tôi chúng rít lên ư ử, ngoáy tít đuôi mừng rỡ. Cứ tưởng cái việc tập chạy thành hàng chỉ một buổi là xong. Không ngờ, người và chó cùng mệt phờ ra mà chẳng tập được gì. Chẳng con nào chịu con nào. Chúng cứ gầm gừ suốt, sểnh ra là chúng cắn nhau!

Đã ba ngày rồi mà chúng vẫn cứ ăng ẳng sủa nhặng cả lên. Cho mấy đứa nhỏ cầm gậy lùa vào hàng, chúng lại càng lộn xộn. Cứ cái nước này thì đành phải cho bò kéo như bên Trung Lương. Nhưng rất may, có thằng Hậu đến xem và mách nước. Nó nói: Bây giờ tao thấy mày cũng ngu như chó! Có đến Tết mày cũng chẳng dạy được nó chạy thành hàng. Lũ chó đực với nhau mà mày không biết à? Chúng

cắn nhau miết. Hãy kiếm bốn con chó cái tới đây. Cứ một đực một cái cặp với nhau, tao bảo đảm với mày là chạy tới chỗ nào cũng được. Thằng Hậu đúng là Hậu chó. Bốn con chó cái đến là bốn con chó đực trở nên ngoan hiền dễ bảo. Chỉ nội trong ngày hôm sau là đã có thể kéo chiếc xe không chạy khắp làng.

Ngày Quốc khánh đến. Bảy chiếc xe hoa đủ kiểu và đủ màu sắc của bảy thôn làm cho buổi lễ đông vui hơn bao giờ hết. Thôn Trung Lương ý chừng lấy câu *" dĩ nông vi bản"* nên đem cả một cỗ xe bò với mấy chàng nông dân mặc quần áo bà ba đen vác cuốc và mấy cô thôn nữ đánh má hồng tô môi đỏ tay cầm liềm. Các cô nàng mắc cỡ thẹn đỏ mặt, nhưng mắt vẫn long lanh vì biết rằng có nhiều người đang nhìn mình. Thế nào sau buổi lễ này cũng được nhiều người đi hỏi làm vợ. Thôn An Dân, một chiếc ghe với những tay chèo đang hò bá trạo. Thôn Kim Bình với hai con rồng chầu mặt nguyệt ở giữa có ảnh Tổng thống. Thôn Kim Đức là một chiếc máy bay có hai phi công đi chân đất. Bọn trẻ con tinh quái núp dưới hai cánh lấy roi quất vào hai chân khiến máy bay nghiêng ngửa như sắp thả bom. Nhưng lạ nhất, vui nhất là thôn An Định với tám con chó vừa đực vừa cái đeo lục lạc kêu rỏn rẻng. Đi đầu là tôi được ông Hồng lính Tây cho đội mũ kêpi mặc áo đeo ngù vàng, hông đeo kiếm giả cứ như sĩ quan của trường võ bị nào đó bên Pháp. Làng An Định được hoan hô nhiệt liệt. Người ta suýt giẫm đạp lên nhau vì chen lấn để xem cho rõ. Khi giải nhất được trao cho làng thì tôi một lần nữa lại được các vị chức sắc công kênh như các vị cán bộ ngày nào.

Nhưng có lẽ vì ganh ghét, một ai đó đã mách lẻo với ngài quận trưởng rằng để chó kéo xe có hình

Tổng thống là phạm thượng! Các vị chức sắc chưa kịp uống rượu mừng đã phải hớt hơ hớt hải kéo nhau lên quận để giải bày với ngài lòng trung thành khuyển mã của họ đối với Tổng thống. Ông phó Ba cho dù có tài trừ ma bắt quỷ cũng đành phải uốn lưỡi đến bảy lần và đi bằng hai đầu gối mới gỡ được cái tội đáng chém. Quận trưởng là một người Huế. Ngài nói: răng mà dỡn mặt rựa? Thôi tha cho, cậu Cẩn mà biết được thì chẳng còn chỗ mà đội mũ mô! Sau này người ta nói, ngài quận trưởng sợ cho cái đầu của ngài chứ không phải đầu của ông thôn trưởng.

Sau cái lần chết hụt ấy, ông phó Ba giờ là thôn trưởng thề răng chẳng dại gì bày ra cái trò ngu ngốc như vừa rồi. Ông thì sợ cụp râu, nhưng tôi có lẽ mặt đang vênh lên vì trong bộ đồ sĩ quan giả ấy, tôi được mọi người xuýt xoa khen đẹp. Cô Sáu tôi rất hãnh diện. Tết năm ấy, bên cạnh những luống cải đầy hoa, bà vừa nói vừa cười: Sắp đi hỏi vợ được rồi đấy con à!

Nhưng, khi Ngô Đình Diệm đã chắc ngôi Tổng thống thì cũng là lúc chiến dịch " TỐ CỘNG " bắt đầu.

Lại rầm rập những cuộc biểu tình hoan hô Ngô Tổng thống và đả đảo Cộng sản. Lại những đêm học tập mà ông Khứ và cô Thảnh được nhắc tới như những tên Việt gian ôm chân Tầu cộng. Thằng thủ ngữ Đực và hai chị em bà Dĩa bị điệu ra trước đình y như vợ chồng ông tổng Bá và cụ cử Vân. Tôi cũng bị lôi ra như là tòng phạm. Bọn tôi bị trói giật cánh khủyu đem lên quận.

Chúng tôi bị quẳng vào nhà giam đã chật cứng người. Chưa bao giờ tôi phải chịu cái cảnh hôi thối ngột ngạt như lúc này. Mùi cứt đái, mùi đờm dãi,

mùi hơi người dai dẳng và đặc quánh. Chỉ vài phút sau là tôi nghe da thịt mình cũng hôi hám y như họ. Cả bọn hệt như những con chó mà thằng Hậu đã mua về. Chúng tôi nằm vật lên nhau, chẳng một ai lên tiếng thở than. Nỗi sợ hãi to lớn đã bóp nghẹt cổ họng mọi người.

Sáng hôm sau người ta lùa chúng tôi ra sân để hỏi tên tuổi quê quán. Tuy ngồi trong nắng, nhưng được hít thở khí trời, nên dù sợ xanh mặt nhưng xem ra cũng còn có chút tươi tỉnh để mà thưa gửi chứ không đến nỗi phải đái trong quần. Người ta lùa đàn ông một bên, đàn bà một bên. Giữa, lúc nào cũng có người cầm súng sẵn sàng nhả đạn. Bốn góc là bốn cây tiểu liên và tám con mắt đăm đăm. Một buổi sáng dài lê thê với những tiếng quát nạt, tiếng chửi thề xen lẫn tiếng dạ run rẩy. Nắng lên cao, nhiều người vừa đói vừa sợ gục xuống. "Đù mẹ, giả chết hả? Con kia tên gì? Thằng kia tên gì? Xong rồi! Qua bên kia. Đù mẹ, cộng sản gì nhiều quá! "

Đến lượt tôi người ta hỏi :

- Tên gì?
- Dạ Lê Văn Được
- Cha ?
- Dạ không biết.
- Mẹ?
- Dạ cũng không!
- Thằng này ngộ, ở dưới đất chui lên à?
- Dạ ở dưới sông!
- Bộ muốn giỡn mặt tao hả?
- Dạ bị thả trôi sông!
- Ai thả?
- Dạ không biết!

Đến lúc này người ta đá tôi một cái.

- Đù mẹ , cái gì cũng không biết mà biết

theo Cọng sản!

Đến lượt bà Dĩa.

- À, con mụ này, có phải mẹ thằng nhỏ kia không ?
- Dạ không
- Tên gì?
- Dạ Lê thị Dĩa.
- Em là Chén hả?
- Dạ
- A, chén dĩa mà cũng biết làm Cộng sản, ngộ quá hén.

Đến lượt thủ ngữ Đực.

- Thằng này coi bộ giống Cộng sản quá. Đù mẹ, tên gì ?
- Đực.
- Cái gì Đực?
- Thủ ngữ.
- Thủ ngữ là cái quái gì?
- Không biết
- Thế ai đặt tên cho mày?
- Không biết
- Con hoang hả?
- Ừ!
- Mày không biết nói dạ à?
- Ừ!
- Mày theo Cộng sản từ bao giờ?
- Không theo Cộng sản. Chỉ theo lão Khứ và con mụ Thảnh.
- Thằng đó con đó ở đâu?
- Ở ngoài Bắc
- Đi tập kết rồi hả?
- Ừ!
- Sao mày không đi?
- Tụi nó không cho đi

- Vậy theo tụi nó làm gì?
- Để được chia nhà chia ruộng
- Ngon hả, được mấy cái?
- Không có cái nào.
- Vậy còn theo nữa không?
- Chửi cha nó chớ theo.
- Ừ, thằng này nói nghe được đó. Cho mày điếu thuốc đây.

Nó cầm lấy điếu thuốc ngửa mặt lên trời hít lấy hít để. Thế là nó tưởng sắp được tha, mặt đã bắt đầu vênh lên. Nhưng nhiều ngày sau, nó vẫn bị giam, ăn ngủ lẫn lộn cùng với cứt đái. Lại thêm nỗi nhớ vợ khiến nó nổi điên la hét suốt đêm. Người ta lôi cổ nó ra đánh cho mấy bạt tai. Nó liền đánh lại. Người ta tộng nó vào thùng tônô đem phơi nắng. Nó ú ớ ít lâu rồi im bặt. Ai cũng tưởng nó chết khô trong đó. Nhưng tối đến, cái thùng sắt lạnh làm cho nó tỉnh lại. Nghe nó thều thào xin nước, một người lính đùa dai bảo không có nước chỉ có rượu thôi uống không? Nó nói, thiệt hả? Đúng là Quốc gia chơi ngon hơn Cộng sản. Câu chuyện của nó cứ như chuyện tiếu lâm, ở cái nhà tù này ai cũng biết.

Tiếp theo là những ngày dài tơi tả, những đêm dài bầm dập vì bị tra khảo. Những đá, những đạp, những thụi, những bịch, những tiếng thét chói tai, những tiếng kêu ằng ặc không lúc nào ngớt ở phòng bên cạnh. Người nào bị gọi cũng cúm rúm co ro. Không một ai ưỡn ngực hiên ngang như cô Thảnh và ông Khứ thường bảo. Đến khi thả về người nào cũng máu me xệch xạc. Những ai chưa bị gọi tuy thể xác còn lành lặn nhưng tinh thần đã bị tra khảo tàn tạ. Mỗi cú đá cú đạp ở sát vách bên kia cứ dội thẳng vào đầu vào ngực của những người đang chờ đợi trong

tuyệt vọng ở phía bên này. Thà bị đánh chết giấc mê man không biết gì, chứ ngồi mà chờ đến lượt mình thì cứ như bị tra khảo gấp đôi gấp ba lần. Nhiều người chưa bị gọi mà mắt đã trợn ngược như bị trúng gió. Nhiều người không ngớt rì rầm *"Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát"*. Tôi thì rất lạ. Nỗi sợ hãi làm cho tôi xuất ra một thứ nước nhầy nhầy. Chao ôi! Lúc đó chúng tôi chẳng phải là người, mà khổ thay cũng chẳng phải là con vật. Chúng tôi là những thứ rác rưởi mà người ta muốn dọn sạch mà chưa có cách gì dọn được!

Trong khi đó ở bên ngoài, cái chiến dịch Tố Cộng càng dữ dội ác liệt hơn khi người ta tìm thấy trong các ngôi mộ liệt sĩ ở Qui Nhơn không phải là những hài cốt quy tập từ các chiến trường mà là những hòm đầy lựu đạn, những khẩu súng tháo rời. Rồi những kho muối, kho gạo cất dấu trong núi rừng.

Lại bầm dập! Lại tả tơi!

Lệnh trên đưa xuống là phải tìm cho ra những tên Cộng sản gộc đang thay tên đổi họ còn ở lại để đòi tổng tuyển cử. Nếu không bí thư thì cũng là chủ tịch, nên đồng chí thủ ngữ Đực dù chỉ làm chủ tịch có hai đêm cũng đúng phóc là gộc rồi! Mà gộc bự nữa vì là chủ tịch của Toà án nhân dân. Thế là gã lập tức được đưa ngay lên tỉnh, có xe chạy trước mở đường và xe chạy sau hộ tống. Gã không bị tống vào xà lim mà được cho ở vila, được hút thuốc thơm và được uống rượu Tây, cho xứng với chức danh của gã. Ngài tỉnh trưởng nghĩ rằng đây là một con cá lớn, biết đâu còn có cả một bầy, nên ngài đã ân cần dụ dỗ. Chính ngài đã đưa tay ra bắt và vỗ vai thân mật như bạn lâu ngày mới gặp nhau. Vì thế gã đã khai thêm chị em bà Dĩa và tôi cho đủ một bộ tứ.

Tin rằng sắp hốt trọn ổ cả một "Toà án nhân dân", ngài tỉnh trưởng vui còn hơn bắt được vàng. Nhưng khi nhìn thấy hai chị em bà Dĩa chỉ là hai mụ nhà quê đang run rẩy nép vào nhau như hai con chó đói và tôi hỉ mũi chưa sạch, thì ngài lắc đầu bảo: Bỏ mẹ rồi! Ngữ này mà gộc à? rồi ngài ra lệnh thả bọn tôi ra chỉ giữ lại đồng chí thủ ngữ Đực chắc là để đùa chơi giải buồn.

Khi về đến làng nhiều người không dám nhìn chúng tôi. Chỉ có lũ nhỏ chạy theo hỏi "Mày bị thiến rồi hả Chó Đẻ?" Tôi lầm lũi bước đi không buồn giận gì chúng. Được đi trên dường làng, được về với bến sông và sắp gặp lại cô Sáu, tôi thấy cuộc đời vẫn còn cho tôi quá nhiều ưu ái. Những ngày qua chắc là cô buồn lo rất nhiều. Hôm bị giật cánh khuỷu lôi đi, tôi nghe cô kêu tên tôi ai oán như bà phó lý kêu tên cậu Phú. Sắp gần đến chỗ rẽ qua cầu, hai chị em bà Dĩa nép vào một buội cây bên đường. Hai bà không quên những cái tát của cô khi dám nhận là đã sinh tôi ra. Ở trong tù tôi có hỏi hai bà sao dám vu oan giá họa cho người khác thì hai bà đều bảo là do ông Khứ và cô Thảnh sắp đặt. Và cũng như thằng thủ ngữ Đực, được hứa sẽ cho thứ này thứ nọ, còn hứa đem ra Bắc...!

Từ ngày ông Khứ đi tập kết, cô tôi lại bán mía bên cầu. Dù lúc này có chất mía thành đống cao như cái nhà cũng chẳng ai thèm hỏi tới. Lúc tôi về tới bên này cầu, nghe bọn trẻ con kêu *chó đẻ*, cô liền ném cây liềm xuống đất chạy qua. Tôi lao tới ôm lấy đôi vai gầy guộc của cô. Tôi khóc thành tiếng và cô cũng vừa khóc vừa hỏi tôi: con có bị đánh nhiều không? Tôi nói: chưa, con chưa bị đánh, nhưng con sợ lắm. Buổi tối hôm ấy bà phó lý tới thăm đem cho một bát

cháo gà. Chưa bao giờ tôi được ăn một bát cháo ngon đến thế. Hai bà hỏi tôi đủ thứ chuyện trong tù. Tính ra tôi đã ở tù hai mươi bốn ngày và nếu nói như cụ đồ Ngân, *nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại,* thì tôi đã trải qua mấy chục cái thiên thu!

11.

Chiến dịch Tố Cộng vẫn tiếp diễn. Đây là cơ hội cho những mối tư thù, những hơn thua ganh ghét ở xóm làng. Hồi *chín năm* ai cũng sợ cái mũ *phản động, liên quan*. Giờ đây người ta còn sợ hơn nếu phải đội cái mũ *thân Cộng*. Chỉ cần giành nhau một cái măng tre ở góc vườn, hay buồng chuối mà gốc ở bên này ngọn ở bên kia là hai bên đã có thể chụp cái mũ khốn nạn lên đầu của nhau. Nói chi đến chuyện được vợ hay mất vợ. Kẻ thua cuộc vì tình có đủ cách để tống kẻ thắng vào tù. Chỉ cần đem một miếng vải đỏ có gắn ngôi sao dắt đâu đó đằng sau nhà, rồi đi tố cáo là coi như cái giường tân hôn sẽ đầm đìa nước mắt. Mặc dù tiếng chuông chùa Thiên An vẫn không ngừng ngân nga, nhưng cái không khí sân si thù hận vẫn không dịu đi một chút nào. Gần một nửa làng bị bắt thì nửa kia coi như kẻ thù.

Ông tổng Bá sau 14 tháng vẫn thấy cái đầu mình hãy còn nằm trên cổ, như cá mắc cạn bỗng gặp con nước về, cái chiến dịch Tố Cộng đã nâng ông lên cái chỗ còn cao hơn ngày trước. Bây giờ ông là thân hào nhân sĩ, tuy không nhận một chức gì, nhưng cái uy quyền vẫn bao trùm lên đám chức dịch. Đám con cháu nhà ông, trừ cậu Khánh đã bị điên thật, coi việc

trả thù như một mệnh lệnh của lòng hiếu thảo. Bọn nhỏ thì hết lên mả nhà ông chánh nhạc đái ỉa, lại đứng trước ngõ nhà ông Khứ chửi rủa tục tĩu. Bọn lớn hơn như thằng Mậu thằng Tài, thì lùng tìm hai chị em bà Dĩa đến nỗi phải trốn lên An Khê làm rẫy cùng với Thượng. Bà năm hàng xáo, người đã lỡ phun một bãi nước trầu vào mặt ông tổng Bá thì trốn biệt xuống cõi âm sau một cơn đau không lấy gì làm nặng lắm. Còn tôi, trong một đêm đi nghe máy hát đã bị chúng trùm mền đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Cô tôi phải nhờ bà biện Ngữ sắc cho mấy ấm thuốc võ. Thuốc đắng đến tê người, trong uống ngoài thoa, phải mất cả tuần mới đi lại được.

Làng nào cũng có những cuộc trả thù như thế. Ngày trước ai đứng ra đấu tố địa chủ thì giờ này không nằm trong tù cũng nằm trong nhà thương. Có nơi nửa đêm người ta đốt nhà có người đi tập kết. Bà vợ ông Khứ sợ quá phải bỏ cả ruộng vườn bồng con về tá túc với cha mẹ ở An Đông.

Tối đến, các chị vợ có chồng đi tập kết phải đến trụ sở thôn mà ngủ. Không chăn chiếu, không mùng màn bọn trẻ con bị muỗi cắn suốt đêm khóc ngằn ngặt. Những gã dân quân tự vệ lấy cớ canh chừng thỉnh thoảng lại quét đèn pin vào những chỗ hớ hênh. Giống như ngày trước bị gắn vào ngực cái thành phần địa chủ, bây giờ bọn họ bị gắn cái thành phần thân cọng, chẳng còn ai dám lui tới hỏi han. Họ sống âm thầm như cái bóng, trông họ xanh xao ốm yếu nhưng lòng họ lại mạnh mẽ hướng về phương Bắc. Có thể nói hồn của họ ở ngoài kia mà xác ở trong này.

Một hôm cả làng bỗng giựt mình khi nghe tin thằng thủ ngữ Đực sẽ bị đem bắn ở đồng Cây Sanh.

Khi ngài tỉnh trưởng giữ nó ở lại, ai cũng tưởng ngài đùa chơi rồi cũng sẽ thả nó ra. Chắc ngài cũng biết quá rõ cái ngữ như nó thì cộng sản gộc thế nào được. Nhưng thả nó ra thì chiến dịch Tố Cộng coi như thất bại à? Thế là người ta đem rượu ra cho nó uống. Có rượu thì tội lệ gì nó cũng nhận tuốt. Còn đánh nó thì đừng hòng, chẳng những nó đánh lại mà còn dũng cảm chịu chết chứ không khai. Vì vậy nó bị đưa ra Toà với đủ tội danh nào giết cụ cử Vân, nào chôn sống một tiến sĩ ở Chánh Danh, nào dân biểu quốc hội, nào chánh án Toà án nhân dân… Phải mất một buổi sáng mới đọc hết bản cáo trạng của nó. Sau cùng người ta kết án tử hình,

Hôm đưa nó về làng có cả một đoàn xe đi hộ tống. Người ta phải xốc nách nó lôi ra khỏi xe vì nỗi sợ chết đã làm hai chân nó sụm xuống. Một đàn ruồi nhặng tranh nhau bám theo sau. Đáy quần của nó ướt sũng. Nó bị vột vào cọc , mà phải cột nhiều bận vì nó không tài nào đứng nổi. Người ta bịt mắt nó mặc dù đôi mắt đã sưng húp gần như không thấy gì.

Ngài quận trưởng đọc lệnh xử bắn sau khi Tổng thống đã bác đơn ân xá. Ngài nói, nó phải chết để trả thù cho những người vô tội đã chết dưới bàn tay Cọng sản. Mười hai viên đạn dễ dàng ghim hết vào người nó. Ngày mai các nhựt trình ở Sài Gòn sẽ loan tin cho cả nước biết một tên Cộng sản gộc nằm vùng đã bị bắt và đền tội. Nhưng ngoài dân làng An Định, nào ai biết đó là cái gã không cha không mẹ, sống bằng nghề đòi nợ thuê, bẻ bí trộm gà, đương nhiên là cả chó nữa. Để có thành tích chống Cộng, người ta đã thổi phồng gã lên với đủ các chức vị oai phong, vô tình biến gã thành một anh hùng. Vì vậy, mười mấy năm sau, tên của gã được dùng để đặt tên cho cây cầu bê tông bắc qua Trung Lương. Có điều

người ta đổi chữ Đực thành ra chữ Đức. Cầu anh Đức nghe cũng hay hay nhưng chẳng ai biết anh Đức là anh nào!

Cái chết của thủ ngữ Đực không ngờ đã làm dịu bớt những hận thù không đáng có. Người ta thấy rằng ai cũng có thể bị bắn. Ai cũng có thể bị gắn lên ngực cái chức bí thư tỉnh ủy, huyện uỷ…và đoàng! Người ta thôi bới móc chụp mũ lên nhau nữa. Ai lo phận nấy, gầm mặt xuống mà kiếm hạt lúa củ khoai. Dân đen tự bao đời chẳng là dân đen! Cô Sáu bỗng dưng thở dài nói ra một câu như vậy.

...Sau chín năm kháng chiến cơ cực và sau những năm tố cọng, cuộc sống đã có ít nhiều thay đổi. Những người có nhiều ruộng đã bắt đầu xây nhà. Các ông tổng Bá, phó Ba, hương kiểm, hương mục… cho người ra sông xúc cát đúc gạch táplô. Chỉ sau ít tháng đã thấy tường quét vôi vàng, mái lợp ngói đỏ. Một cái biển chữ số 1960 màu đỏ được gắn trịnh trọng trước nhà như một con triện xác định cái năm tháng đáng nhớ của cả một đời người. Những ai chưa xây được nhà thì cố sắm xe đạp. Và chuông xe đạp cùng với chuông càrem kêu leng keng khắp đường làng. Sau bao nhiêu năm nghe lời thầy giảng bài, giờ tôi mới chứng nghiệm được rằng, nước đá đúng là cứng như đá nhưng lại tan ra dưới ánh mặt trời. Bọn con trai cùng lứa tuổi tôi đã đi hỏi vợ. Những đám cưới đi qua cầu thường dừng lại khá lâu để thợ chụp hình làm kỷ niệm. Các sòng xóc dĩa, bầu cua chật cứng đàn bà trẻ con chen nhau chơi trò đỏ đen. Thỉnh thoảng một chiếc ghe con, chẳng phải câu đêm cũng chẳng phải thả lưới, lượn lờ dưới gậm cầu. Khi thằng Mậu, khi thằng Tài, cũng có lúc ông phó Ba ngó

trước trông sau bước xuống rồi mất tăm ở một khúc sông vắng nào đó. Cô Sáu bảo đó là ghe đổ tiêm la, còn bà vợ ông thì gào lên cho cả làng cùng biết là ông đi chơi đĩ!

Nhưng cái sắc màu thanh bình chỉ vừa mới phớt qua xóm làng đã bị cái bóng ma cọng sản làm cho u tối. Những chiếc xe đò đã bị giật mìn, cờ búa liềm đã được treo ở chỗ nọ chỗ kia và Tổng thống suýt bị bắn chết ở Banmêthuột. Những đám mây đen của chiến tranh đã kéo tới và cái hơi lạnh chết chóc của nó đã thổi tới mọi nhà.

Lệnh tổng động viên được Tổng thống lập tức ban hành. Bọn con trai cả nước được các cổng quân trường mở rộng cửa đón chào. Bài hát *đi quân dịch là thương nòi giống* suốt ngày vang lên ra rả. Xe GMC đến tận đầu làng đón bọn chúng tôi lên quận khám tuyển.

Trừ những đứa thiếu cân như tôi, bị què hay chột như thằng Thịnh, còn tất cả đều phải đi quân dịch. Những cặp vợ chồng mới cưới vừa bén hơi nhau đã sụt sùi nước mắt chia ly. Và chưa đầy mười hôm, hai con vợ thằng Hùng và thằng Vĩ đã phải khóc chồng. Hai đứa đó vừa mới tới Dục Mỹ chưa bắn viên đạn nào đã bị pháo kích toi mạng. Mới hôm nào, bọn chúng trong phòng khám còn nghịch đo cái ấy lẫn nhau, giờ đã không bao giờ trở về làng nữa!

Lại nghi ngờ! Lại bắt bớ! Cộng sản đâu chỉ ở miền Bắc mà ở cả miền Trung và miền Nam. Không chỉ ở trên núi trên rừng mà ở ngay trong làng trong xóm. Phải tách chúng ra và phải phát súng cho dân đánh lại chúng. Thế là người ta biến mỗi làng thành một pháo đài.

Cũng như trước kia, mọi người phải đi phá thành đào đường để chống giặc Pháp, giờ phải lên núi

chặt cây để rào làng chống Cộng. Nói thì dễ, nhưng đi cả ngày trời mới tới được núi, mà núi toàn là núi trọc, thì kiếm đâu ra cây bằng bắp chân dài ba thước! Mà cũng đâu chỉ một vài cây! Cứ tính theo nhân khẩu, nghĩa là mới khóc oe oe cũng phải kiếm cho ra cây để rào đủ mười thước! So ra cái khổ nộp cây còn hơn cả cái khổ nộp thuế nông nghiệp. Ngày trước, địa chủ phú nông lo sợ bao nhiêu thì giờ các anh bần cố nông lo sợ bấy nhiêu! Nghe nói Mỹ viện trợ cho mỗi nhà 70 ngàn nhưng tiền chưa thấy mà Cộng sản đã tới rồi nên phải cấp tốc rào làng. Phải vay, phải mượn, phải cầm cố hay bán cả ruộng vườn.

Lúc này mới thấy cái tài của thằng Hậu chó. Nó dẹp ngay trại gà dông tuốt lên An Khê thuê Thượng chặt cây đóng bè thả về làng. Cái bến sông ở địa đầu thôn Trung Lương bỗng chốc trở thành chợ cây, kẻ mua người bán còn tấp nập hơn cả những phiên chợ Tết. Không chỉ mỗi làng An Định cần cây mà cả xã, cả huyện. Cây về bao nhiêu là bán hết bấy nhiêu. Nó làm ăn phát đạt đến nỗi phải thuê cả chục người vác cây, trong đó có tôi. Khi ấp chiến lược hoàn thành, không ai tính được là nó đã thu vào bao nhiêu tiền. Trừ nhà ông tổng Bá, còn nhà nào cũng phải nợ nó, nếu không nợ tiền thì cũng nợ lúa. Nó chỉ trong một vài tháng đã trở thành một đại địa chủ vì nhiều người phải cầm thế hay bán hẳn ruộng cho nó. Bây giờ tiếng nói của nó còn mạnh hơn cả tiếng nói của ông tổng Bá. Nó còn chơi ngon, ngã một lúc hai con bò và mấy con heo để khánh thành ấp chiến lược. Ấp An Định là ấp duy nhất được ngài quận trưởng vinh dự tới cắt băng khánh thành. Trước các vị hào lý khăn đóng áo dài, trước đám dân quân tự vệ, trước hai hàng thanh niên nam nữ cộng hoà, ngài quận trưởng đã trao cho nó cái bằng khen có hai con rồng chầu lá

cờ ba sọc do chính tay ngài tỉnh trưởng ký tặng.

Rồi cũng giống như thời ông Khứ, người ta liền diễn tập cho ngài quận trưởng và các vị quan khách xem dân làng An Định chiến đấu chống Cộng sản. Đám dân quân và thanh niên nam nữ cộng hoà lập tức nép vào các hàng rào chiến lược. Những thân cây rừng vót nhọn chỉa ra hai bên như những cái lưng của con kỳ đà khổng lồ. Kẻ súng người dao lăm lăm trong tay. Tất cả sẵn sàng chờ cọng sản. Thế rồi một đứa bé từ dưới sông hớt hãi chạy lên miệng la to: Cọp về làng! Cọp về làng! Tiếp theo là một bọn cởi trần mặt bôi đầy lọ nghẹ từ các soi bắp chui ra, bọn chúng chưa kịp leo qua rào đã bị đám dân quân và thanh niên thanh nữ cộng hoà trói chặt. Một hồi trống dài báo tin thắng trận và cũng là lúc buổi diễn tập kết thúc để mọi người vào tiệc. Trong rượu thịt mọi người chếnh choáng tâng bốc lẫn nhau. Ngài quận trưởng hết lời khen ngợi tài tổ chức của quân, dân, chính, làng An Định. Ông thôn trưởng Văn văn Ba hứa suốt đời tận tuỵ trung thành với Ngô Tổng thống và ngài quận trưởng. Nhưng ấp chiến lược thực ra giống như một cái một cái rông nhốt bò. Cái hàng rào như kỳ đà xù lưng trông có vẻ hung dữ là thế, nhưng đứa trẻ nào chẳng leo qua được huống hồ là cộng sản. Mà họ có thèm bỏ công leo vào đâu. Dân quân tự vệ, kẻ có súng, người thì không. Mà súng thì cũ rích từ đời nảo đời nao, bắn được một phát lại phải dùng cây thông nòng. Tối đến, cả bọn đi rảo một vòng rồi về uống rượu hay nói chuyện gái. Thế thì Việt cộng có muốn vào cứ việc ngang nhiên mà vào, việc gì phải leo trèo cho khổ thân!

Mặc dù vậy, tiếp theo An Định là các thôn các xã khác cùng hoàn thành. Rồi cả huyện cả tỉnh và cả nước cùng hoàn thành. Cố vấn Mỹ đi đến ấp nào

cũng đều đưa lên một ngón tay cái. Tổng thống vốn thấp, chân ngắn, cực chẳng đã ngài mới đi kinh lý cùng với quan cố vấn vì cái sải chân của nó dài gấp đôi, khiến ngài bước theo muốn hụt hơi. Đã có tướng ngũ đoản lại có thêm nốt ruồi son trên mặt, nên mọi người đều tin rằng ngài có tướng quý nhân và trường thọ. Dĩ nhiên chẳng ai dám nói cho ngài biết rằng, ấp chiến lược vừa khánh thành hôm trước thì hôm sau ở cái làng An Định xa xôi này ông tổng Bá đã bị giết.

Đó là một buổi sáng. Như biết được thói quen dậy sớm tắm sông của ông, một người có lẽ cũng không xa lạ gì đứng trên bờ kêu tên cho ông ngẩng mặt lên. Ông có hơi bất ngờ vì nghe gọi và càng bất ngờ hơn khi thấy một họng súng đen ngòm chỉa thẳng vào mặt. Ông chưa kịp la lên thì một tiếng nổ đã rền vang trên mặt sông. Ong ngã xuống nước và trôi vật vờ cho đến khi một người đứng nhá (cất vó) kinh hoàng khi thấy xác ông tấp vào.

Hai ngày sau, bà vợ ông thôn trưởng đã chết giấc khi thấy bản án tử hình Văn Văn Ba gắn trước cửa.

Bóng ma vô hình đã thực sự lớn vởn khắp mọi nhà. Nó đến lúc nào không ai biết, nó đi lúc nào cũng chẳng ai hay. Nhưng trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái, trên trời dưới đất đâu đâu cũng có nó. Từ đây, mọi người lại co rúm như làng đang có dịch!

Trai tráng trong làng còn sót lại đứa nào cũng vội vàng đăng lính để nhận một ít tiền thưởng. Ra trận, sống chết chưa biết thế nào, nhưng còn hơn chui rúc trong ấp chiến lược cứ như trâu bò. Sáng nào cũng tập họp điểm danh vì sợ buổi tối cộng sản mò về bắt lên núi. Rồi suốt đêm đi canh đi tuần, lỡ vướng

phải mìn, nhẹ thì mất một giò, nặng thì banh xác. Vả lại dẫu có đi xa con vợ nhà quê, nhưng được đi đó đi đây, mỗi lần xuống phố thấy bao nhiêu là gái mắt đen da trắng quần áo lượt là cũng đã con mắt. Những đứa đi trước về phép kể cho nghe đủ thứ chuyện, mà chuyện nào cũng mê ly nghe thèm rõ dài. Trong làng chỉ còn lại những đứa quặt quẹo, những nông dân vừa kéo cày vừa kéo cả gánh nặng gia đình, những người già hai mắt trũng sâu vì mất ngủ và các chị vợ lính. Các chị nhớ chồng thì ít mà nhớ măngđa thì nhiều. Đến nhờ tôi viết thư, chẳng còn ai chê tôi hôi mùi chó nữa. Có nàng lại còn bảo tôi dể thương hơn anh chồng ưa nạt nộ của mình.

Ông phó Ba tức ông thôn trưởng từ khi trông thấy bản án tử hình đã không còn thiết tha gì đến cái chức trưởng thôn nữa. Đã mấy lần ông xin từ chức nhưng ngài quận trưởng bảo dẫu có từ chức thì cộng sản nó cũng không tha. Như ngài, đã lỡ cỡi lưng cọp thì đành chiến đấu tới cùng. Với lại ta có biết bao nhiêu súng đạn, làm thế nào mà thua cộng sản được. Nói rồi ngài cho ông một khẩu súng lục, bảo tối lên phố ngủ, lại có dịp xa con vợ già … hơ hơ, đấy, sướng thế, việc quái gì mà sợ!

Chẳng riêng gì ông phó Ba mà những người có máu mặt trong làng cứ trời chạng vạng là kéo nhau lên phố. Ấp chiến lược gần như trống không chẳng còn ai canh giữ. Thỉnh thoảng cộng sản từ bên kia sông đánh trống khua mõ kêu tên Văn Văn Ba ra chửi. Bà vợ ông phó Ba và những người có chồng đi phố ngủ giờ lại lo sợ khốn khổ y như các bà vợ cán bộ và bộ đội đi tập kết trước đây. (còn tiếp)

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phạm văn Nhàn phụ trách

LTS: Sách báo xin gởi về:
Phạm văn Nhàn/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street
Amarillo, TX 79107

Trong tháng 12 chúng tôi nhận được những sách và tạp chí gởi đến. Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả TQBT.Và cảm ơn các nhà văn, nhà thơ gởi sách tặng.

Tập thơ: **Quán** của nhà thơ **Trần Hoài Thư**
Đây là tập thơ thứ 7 của anh được phát hành trong tháng 12 năm 2008. Không thấy ghi giá bán. Chỉ ghi sách dành để tặng bằng hữu. Tập thơ mỏng, dày khoảng 98 trang. Gồm 31 bài. Với 31 bài thơ trong thi tập **Quán** gồm có những bài anh đã viết trước năm 1975, và có những bài anh viết sau này khi anh đến định cư tại Hoa Kỳ.
Trong 31 bài thơ đã được nhà thơ chọn lọc lại từ những bài anh đã làm có liên quan đến chữ **Quán** mà trong khoảng đời quân ngũ của anh, cũng như cuộc

sống trên quê người nhà thơ đã có một lần ghé đến **Quán**.

Với thơ của Trần Hoài Thư trước và sau 1975 vẫn bình dị và hay. Những con chữ trong thơ rất tự nhiên, mộc mạc, không gò bó đi tìm vần hay vận cho thơ. Dù là thể loại thơ 7 chữ, 8 chữ hay tự do. Với anh, ngôn ngữ thơ như anh đang nói chuyện trên những con chữ ấy. Cho nên vì thế mà người đọc đón nhận thơ của THT thật dễ dàng và thích thú.

Trong 98 trang thơ ấy, tôi bắt gặp được những kỷ niệm cũ khi đọc lại những bài thơ mà anh đã làm khi còn ở Bình Định. Như một sáng nào đó, dừng quân về phố quận Tuy Phước. Ngồi uống cà phê nơi cái quán nhỏ, anh đã làm bài thơ Si Dại này và đọc cho tôi nghe. Nhớ mài những câu thơ: *cô hàng có chiếc quần đen mượt/ tôi ở trên rừng để tóc râu.*

Hay:

Ở phố xa, trở về giầy nhà binh
Đèo xe Honda, nón rừng bỏ túi
Như gã đàn ông bị tù cấm cố
Ngày trở về tận hưởng những thiệt thua
....
Phố ở xa, về lại, đói no
Một đám bạn bè, chụm đầu đốt thuốc
Một ngày phố, dù lính nghèo xơ xác
Nhưng cái tình nơi phố ấy không quên

Một tập thơ đáng được lưu giữ lại trong tủ sách.

Độc giả TQBT nếu cần có tập thơ này, chỉ cần liên lạc với nhà thơ Trần Hoài Thư và gởi đến anh *tem với giá tiền $2.50* sẽ có một tập thơ thật dễ thương và biết thêm cuộc sống của người lính cũ.

Địa chỉ liên lạc với tác giả qua email:
tranhoaithu@verizon.net

Nhà thơ Thành Tôn (nam cali) vừa mới gởi đến tôi hai(2) tác phẩm của nhà thơ **Hoài Khanh** (VN) gởi tặng . Đó là thi phẩm **Thân Phận** và **Buông xả Thanh Thản** (dịch).

1/ Thân Phận: Đây là tập thơ thứ hai của Hoài Khanh, sau Dâng Rừng (1957). **Thân Phận** xuất bản đầu tiên năm 1962, dày khoảng 100 trang. Bìa do Đinh Cường vẽ. Phạm Công Thiện viết lời tưa (Nỗi Cô Đơn Của Hoài Khanh) . Và, năm 1973, Ca Dao tái bản Thân Phận lần thứ ba. Sau này chúng tôi có làm số chủ đề về nhà thơ Hoài Khanh trên TQBT số 24, được nhà thơ cho phép, Thư Ấn Quán tái bản Thân Phận tại Hoa Kỳ lần thứ 4 vào năm 2006 trong tủ sách di sản văn học miền Nam.

Sau 56 năm, từ năm 1962 cho đến nay **Thân Phận** được nhà Xuất bản Văn hóa/ Sài Gòn tái bản lần thứ 5 vào năm 2007. Trình bày bìa: Đỗ Duy Ngọc. Giá bán 29.000VNĐ.

Hoài Khanh, một nhà thơ tên tuổi trước 1975. Ngoài thơ ra, ông còn viết tiểu luận và dịch thuật. Với Hoài Khanh, nhà thơ Hải Phương đang sống ở san Jose(người bạn một thời của ông) đã viết: *thơ ông mộng mơ, Nhưng ngôn ngữ ông dùng không mộng mị. Chữ nghiã rất sang trọng."*

2/ Buông Xả Thanh Thản: Hoài Khanh dịch từ bản Anh ngữ của John M. Anderson & E. Hans Freund có tham khảo từ bản Đức ngữ Gelassenheit của Martin Heidegger.

Sách được chia làm hai phần. Phần 1: Diễn văn tưởng niệm để tôn vinh Conradin Kreutzer, một nhà soạn nhạc của Đức. Phần 2: là cuộc hội thoại trên đường quê giữa khoa học gia, học gỉa và giáo sư về tư tưởng.
Sách khổ 12x20cm, dày 100 trang. Bìa do Uyên Nghi trình bày. Giá bán 13.000VNĐ.
Ông hiện sống tại Biên Hòa. Việt Nam

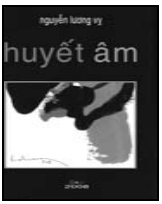

Huyết Âm: tập thơ thứ 4 của nhà thơ Nguyễn Lương Vy.(QP ấn hành lần thứ nhất. Tháng 12-2008 tại Quận Cam, California). Sau 3 tập thơ của anh đã xuất bản:
- Âm Vang Và Sắc Màu (NXB Trẻ- Sài Gòn 1990)
- Phương Ý (NXB Thanh Niên- Sài Gòn 2000)
- Hòa Âm Âm Âm Âm..(Thư Ấn Quán-NJ2007)

Huyết Âm dày 160. Gồm hai phần: Âm Vọng Huyết Âm và Ngoại Tập. Lời Bạt do Lý Đợi viết.
Sách được trình bày: Bìa và những bức tranh minh họa: Đinh Cường. Trình bày bìa và trang trong: Vương Trùng Dương.
Huyết Âm là một tập thơ gồm nhiều đoản khúc thơ dài ngắn, được nhà thơ đánh dấu từ 1(trang 11) cho đến 81(trang 136).
Huyết Âm?
Âm vang của máu và lệ
Máu?

Ngày chìm trong đêm.
Lệ?
Đêm chìm trong ngày.
Biển và Dịch đến vô cùng.
Cũng như tác giả đã giải bày: *"Hành trình của văn học nghệ thuật nói chúng và thi ca nói riêng là sự trở về Tịch Liêu Tịch Lặng Tịch Mịch như Nguyên Thủy Nguyên Sơ của nó, bằng bàn chân bàn tay có gắn con mắt lỗ tai trí huệ bão giông. Vì vậy, cứ tiếp tục mần thơ. mần một cái việc Đại Tào Lao, hoan hỉ điên, hoan hỉ địa theo kiểu rung động của mình. Thế mà vui!"*
Với **Huyết Âm** , người đọc cần phải "động não" nhiều khi đọc thơ của Nguyễn Lương Vy. Mà, mỗi khi đã "động não" rồi, đọc xong mỗi đoản khúc thơ của Vy, ngẫm lại…thích vô cùng.
Thì ra ta chết trên đường sá
Độc cô?!
Vâng ạ
Mới hôm qua
Mới hôm nay nữa
Rồi mai mốt
Chết quá chừng
Quá hớp

(Chết cha!!!)
Huyết Âm 43.

Độc giả TQBT tìm đọc Huyết Âm để thấy cái hay của thơ Nguyễn Lương Vy. Qua địa chỉ email: nguyenluongvy@yahoo.com
Giá bán :17 Mỹ kim.

Túy Ca của **Hoàng Hương Trang** được Thư Ấn Quán tái xuất bản tháng 12 năm 2008 trong **Tủ sách Di sản Văn học miền Nam thời chiến.**

Được biết thi phẩm Túy ca này là do nhà văn nữ Lê Thị Hoài Niệm sưu tầm, Trần Hoài Thư và Lê thị Hoài Niệm đánh máy lại. Trần Hoài Thư trình bày.

Túy Ca do Huyền Trân xuất bản đầu tiên vào năm 1972. Sau khi tập thơ được ra mắt độc giả đã gây nên một tiếng vang trong giới văn học miền Nam thời bấy giờ. Vì đây là lần đầu tiên, một nhà thơ nữ đã "dám" đưa rượu vào thơ. Không phải một bài thơ rượu mà toàn tập thơ. Với những nhà thơ nam đưa rượu vào thơ là chuyện "thường". Do đó, Túy Ca cuả Hoàng Hương Trang đã được đón nhận nồng nhiệt vào thời ấy.

Túy Ca gồm 23 bài. Nhưng bài nào cũng có "rượu" để say. Say tình. Say thế thái. Tập thơ dày 60 trang, tính luôn phần mục lục. Nhưng là những bài thơ tuyệt vời cần có trong tủ sách.

Được biết Hoàng Hương Trang tên thật Hoàng Thị Diệm Phương, sinh năm 1938 tại Huế. Cựu sinh viên Cao đẳng Mỹ thuật Huế và Gia định. Giáo sư hội họa và việt văn các trường trung học Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trung học Kiểu Mẫu Thủ Đức.

Bà đã cộng tác nhiều báo chí xuất bản ở Sài Gòn trước năm 1975, như Đời Mới, Thẩm Mỹ, Bông Lúa, Phổ Thông, Văn, Gió Nam, Bách Khoa, Quật Khởi, Phụ Nữ Mới….

Diễn viên của các ban Tao Đàn, Thi Nhạc Giao

Duyên (Đài truyền thanh SG), Tiếng nói Hội Nghệ Sĩ Quân Đội. …
Bà là người đầu tiên sáng lập trường phái phối hợp giữa họa và thơ được mênh danh " Thủ Bút Họa"
Sách chỉ tặng , không bán.
Muốn có tập thơ này, liên lạc với Thư Ấn Quán
P.O.Box 58
South Bound Brook, NJ 08880

Văn Hữu: tạp chí văn học xuất bản định kỳ ba tháng một số, do nhà văn nữ Thu Hương chủ trương.. Tạp chí không thấy ghi số thứ tự cho mỗi lần phát hành; mà ghi theo từng mùa như : số mùa Thu, số mùa Đông…
Tiêu chí của tạp chí Văn Hữu có ghi ngoài bìa: Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật. Một tạp chí xuất bản từ miền Tây Bắc Hoa Kỳ (Seattle) mà theo người chủ trương: "để duy trì và phát triển nền văn hóa của người Việt chúng ta nơi Hải ngoại"
Văn Hữu số Mùa Thu thấy có nhiều cây viết tên tuổi quen thuộc ở hải ngoại cộng tác. Như Du Tử Lê, Chu Vương Miện, Trần Hoài Thư, Trần Thị Lai Hồng, Vương Hồng Ngọc, Đạm Thạch…
Giá bán 5 mỹ kim.
Địa chỉ liên lạc qua email:
Vanhuu08@yahoo.com
Hay:

Lê Thị Thu Hương
1526 Alki Ave. SW#406
Seattle, WA 98116

TQBT sẽ giới thiệu những tác phẩm và tạp chi trên đến với độc giả. Dù sớm hay muộn chúng tôi cũng sẽ giới thiệu sách của những tác giả đã gởi sách biếu. Và chúng tôi thành thật cám ơn những tác giả đã có sách gởi đến chúng tôi.

Nhắn tin chung:

- Bắt đầu số báo sau, chúng tôi sẽ hạn chế báo tặng cho một số vị mà rất lâu, chúng tôi không nhận được tin. Vậy, nếu quí bạn muốn nhận tiếp, xin vui lòng cho Tòa soạn biết tin. Trân trọng cám ơn
-Tòa soạn không đăng lại (và miễn trả lời hay giải thích) những sáng tác mà quí bạn đã gởi cho các báo khác, trừ trường hợp đặc biệt. Xin quí bạn thông cảm.
- Bài vở xin vui lòng đánh máy và chuyển qua email. Tốt nhất là dùng Unicode.
- Hiện tại chúng tôi cần tem thư hơn là cần check. Nếu quí bạn muốn có TQBT, cứ gởi đủ tem/tiền cước phí. Khoảng $5 cho priority hay $2.23 cho Media mail.
- TQBT đang sưu tập những bài viết về nhà thơ Trần Kiêu Bạt.(Mất vào năm 2005). Nếu đầy đủ, chúng tôi sẽ làm một số chủ đề. Rất mong bạn bè cũ của TKB đóng góp tiếp trợ.

* Ông MVS(Hoa Kỳ): Qua anh TBT, chúng tôi cám ơn ông đã gởi món quà văn chương "chuyện Vớ vẫn" tặng TQBT.
Mong đươc tiếp tục nhận thêm những tác phẩm mới của ông. Chúc ông khoẻ.

* Nhà văn NLU : Vì chủ đề cần nhiều trang nên đành phải gác cái truyện của bạn vào số sau. Mong thông cảm.
Bài vở nên luôn luôn lưu trử vào CD để đề phòng máy bị *crashed*. Chúc lành.

Thư của một bạn văn (VN):
...Tôi hổ trợ người bạn già chừng 20q hay hơn nữa để anh ấy cho bè bạn .
Đọc rồi mới biết là các anh thân nhau và biết nhau quá

lâu. Tình bạn thi ca, văn nghệ thât đáng trân quý.

- Xin cám ơn anh đã hổ trợ cho người bạn thơ của chúng ta đến 20 tậpThư Quán Bản Thảo số 34. Với chúng tôi, những bè bạn ở ngoài nước làm việc này thì quá dễ dàng, nhưng đối với anh em trong nước, thì quả là một tấm lòng tri kỹ ! Xin được ghi nhận thiện chí của anh.Thân mến

Thư của một bạn ở Hoa Kỳ:

Ở chỗ tôi, tôi vừa mua được cuốn Thư Quán Bản thảo tập 20 tháng 7/2005. Chỉ có một cuốn duy nhất ở quán sách nhỏ. Tôi biết loại sách này chỉ lưu hành trong nội bộ văn nghệ sĩ. Nhưng tôi không phải là văn nghệ sĩ, vẫn ao ước được đọc những cuốn như thế này. Làm sao tôi có được. Nếu có, xin ông gởi cho tôi vài cuốn, tôi sẽ trả tiền cước phí và ấn phí...

Trả lời:
Chúng tôi rất ngạc nhiên khi ông cho biết TQBT được bày bán tại chỗ ông cư ngụ. TQBT không bán và cũng chẳng nhất thiết lưu hành trong nội bộ văn nghệ sĩ. Hầu hết độc giả TQBT không phải văn nghệ sĩ.
Chúng tôi xin được gởi tặng ông ba tập: 32,33, 34. Nếu ông cảm thấy áy náy thì xin xem phần Nhắn Tin Chung ở đầu trang. Trân trọng.

Thư của một chị độc giả ở bang NJ:

.... Đọc Thư quán bản thảo đối với tôi, nó đã hé mở một phương trời mới khác với bài thơ và bài văn đã từng đọc (ngoài nhóm Sáng Tạo) và bây giờ không còn được đọc nữa. Một số không viết nữa, một số đã đi vào cõi vĩnh hằng.
Cuốn này nói về nhà thơ Lê văn Trung lần đầu tiên tôi được đọc và rất thích ví nó khác, không phải là thơ tình lãng mạn trang trí cho cuộc đời thêm thi vị, mà nó rất thực, tự tâm hồn tác giả, từ sự cơ cực của cuộc sống hàng

ngày không có ngày mai.

... Những câu thơ tuyệt vời, những cuộc đời bất hạnh của thi nhân, phải đọc, phải cảm thông để thấy mình may mắn ở phương này vật chất và tinh thần đầy đủ có con cháu nội, ngoại...

- Cám ơn chị với lá thư đầy khích lệ. Hy vọng nhà thơ LVT sẽ đọc những lời ngợi khen của chị, và sẽ phải ấm lòng giữa cõi "đất trích" hoang dã của vùng kinh tế mới Xuân Lộc Đồng Nai.

Sách mới in theo yêu cầu

1. Điệpkhúc tình yêu trái phá *thơ Kiệt Tấn, Sáng Tạo xuất bản 1966, in lại có nhuận sắc của tác giả*

2. ***Túy Ca****, thơ Hoàng Hương Trang, in lại từ bản gốc do Huyền Trân xuất bản 1971*

3. ***Cảm tạ,*** *tập thơ thứ 6 của Trần Hoài Thư. Dày 85 trang*

4. ***Quán,*** *tập thơ thứ 7 của Trần Hoài Thư. Dày 100 trang*

5. ***Ở Một Nơi Trên Trường Sơn****, tập truyên Trần Hoài Thư, dày 154 trang, Thư Ấn Quán tháng 10/2008.*

Các sách trên được in và thay mặt tác giả để biếu tặng. Quí bạn nếu thich, gởi tem cước phí mỗi tập $2.50 (media mail) hay $5 (priority) chúng tôi sẽ gởi đến quí bạn.

6.. ***Thơ Tình Miền Nam****, 730 trang, bìa cứng. Giá $35 (kể cả cước phí)*

Mặt khác, nếu quí bạn cần toàn bộ tạp chí TQBT (35 tập), chúng tôi sẽ in lại và gởi đến quí bạn. Ấn phí và cước phí tùy tâm.

Xin liên lạc: Thư Ấn quán POBox 58, South Bound Brook, NJ 08880.
Email: tranhoaithu@verizon.net